

PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

đang tiến mạnh tới :

Số 200, ra ngày 1-10-67

và :

Số 202, ra ngày 1-11-67

Số này ĐẶC-BIỆT

« PHỔ - THÔNG NĂM THỨ 10 »

dày 160 trang.



MỘT SỰ KIỆN

MỘT BIẾN CỐ

trong Lịch-sử Văn-học

Việt-Nam hiện-đại

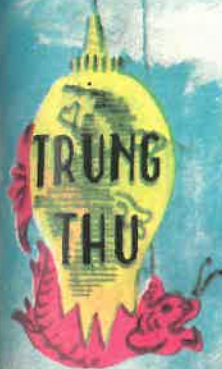
PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

119
199

95
P57



PHỔ-THÔNG TẠP - CHÍ

đang tiến mạnh tới :

Số 200, ra ngày 1-10-67

và :

Số 202, ra ngày 1-11-67

Số này ĐẶC-BIỆT

« PHỔ - THÔNG NĂM THỨ 10 »

dày 160 trang.



MỘT SỰ KIỆN

MỘT BIẾN CỐ

trong Lịch-sử Văn-học

Việt-Nam hiện-dại

PHỒ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHO BIEN VAN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX số 199 * 15 - 9 - 1967

1 — <i>Họa thơ của Tao-Dàn Bạch-Nga</i>	N.V.	6 — 7
2 — <i>Xã thuyết</i>	N.V.	8 — 9
8 — <i>Tiên tri</i>	Tín Khanh	10 — 15
4 — <i>Hội mùa thu (thơ)</i>	Tha Yên	16 —
5 — <i>Chiếc va-li</i>	Thanh-việt-Thanh	17 — 24
6 — <i>Bạch Mai Thi Xã</i>	Thái Bạch	25 — 38
7 — <i>Về (thơ)</i>	Phù-Dung	31 —
8 — <i>Tuần chàng trai</i>	Nguyễn-Vũ	32 — 36
9 — <i>Bức thư Paris</i>	Nguyễn-van-Cồn	37 — 43
10 — <i>Mata-Hari</i>	Tân Phong	40 — 50
11 — <i>Vùng bình yên</i>	Kim Hải	51 — 55
12 — <i>Mùa thu mây bay (thơ)</i>	Mộng-hôn	56 —
13 — <i>Pasteur</i>	Tân-Phong	57 — 61
14 — <i>Phi thuyền du nguyệt điện</i>	Lan-Đình	62 — 69
15 — <i>Minh ơi!</i>	Diệu-Huyền	70 — 77

16 — <i>Tôi còn nhớ em (thơ)</i>	Tống-Minh-Phụng	78 —
17 — <i>Trăng thu và hồn thơ thi nhân</i> . Thanh Việt Thanh		79 — 85
18 — <i>Thăm (thơ)</i>	N.V.	86 —
19 — <i>Thu Hiên</i>	Thu Mai	87 — 92
20 — <i>Ca dao</i>	D.H.	93 — 97
31 — <i>Chế-mán và Huyền-Trần</i>	Lê-Ước	99 — 104
22 — <i>Trúc Mộc</i>	Thu Mai	105 — 109
23 — <i>Khóc Đinh-Hùng (thơ)</i>	Hàn-Tâm-Tư	110 —
24 — <i>Em đã sang ngang (thơ)</i>	D.K. Nghĩa	111 —
25 — <i>Thơ lên ruột</i>	D.H.	112 — 113
26 — <i>Sách, báo mới. Thư bạn đọc</i>	P.T.	
27 — <i>Đáp bạn bốn phương</i>	D.H.	114 — 130



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài la cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và dùng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ✳ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
 ĐỒNG NAI 270 Đê-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP
 13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
 Vente — abonnements — Publicité

HOA THƠ của Tao-Đàn Bạch-Nga



THU TANG-TÓC

*Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Nam Bắc giang-san lệ sụt-sùi.
Xác lịm trùng-trùng mây trắng lịm.
Đầu rơi lớp-lớp lá vàng rơi.
Máu trào loang-lổ hai dòng nước,
Lửa cháy điu-hiu tám hướng trời.
Tiếng dế cầu kinh vang nguyệt điện,
Đèn hoa leo lắt bóng ma trôi...*

NGUYỄN VỸ

TPUNG-THU ĐÌNH-MÙI 1967

Nhân dịp Trung-thu, tác giả trân trọng mời quý bạn Thi sĩ bốn phương, ở Quốc-nội và Quốc-ngoại, tham gia cuộc tiêu khiển họa bài thơ trên.

Đề cuộc họa thơ được hào hứng và dễ - dàng đôi chút,

khởi bị gò bó về văn thơ, tác giả xin trình ra đây 2 điểm thề lệ :

1. — Bắt buộc phải lấy câu đầu : « *Thu về tang tóc lắm, Thu ơi!* » làm câu đầu bài thơ họa.

2. — Bốn vắn dưới, xin tùy nghi, không bắt buộc phải theo đúng vắn của tác giả, nhất là vắn « sùi » và vắn « trời ».

Dĩ nhiên, nếu họa đúng nguyên văn càng hay.

- Đề tiên công việc cho tòa soạn, xin ghi ngoài phong bì : « *Họa thơ của tao đàn Bạch-Nga* » và trong thư đề rõ danh tánh và địa chỉ của tác giả để chúng tôi gửi tặng số báo có đăng bài thơ họa của bạn.
- Những bài thơ được lựa chọn sẽ đăng lần lượt vào các số Phê-Thông liên tiếp đến cuối tháng 12-67.
- Hết hạn nhận thơ họa : ngày 15-10-67.

Thân ái.

N.V.





Bài học kết - quả Bầu Cử TỔNG- THỐNG

TRÊN bình-diện hoàn-toàn KHÁCH-QUAN của LỊCH-SỬ, trung-thành với thái-độ TRIỆT-ĐỀ VÔ-TU của Phở-Thông tạp-chí, KHÔNG THIÊN-VỊ VỚI LIÊN DANH NÀO CẢ, tôi đã phân-tách tình-hình chính trị trong nước và đã tiên-đoán trong Phở-Thông số 198 ra ngày 1-9-67 rằng vị Tổng-thống đắc-cử sẽ được nhiều nhất là 1 triệu hoặc 1 triệu rưỡi số phiếu, bất cứ liên-danh nào, nghĩa là chỉ thể hiện được từ 20 đến 30 phần trăm tổng số cử-tri.

Kết-quả cuộc bầu-cử đã xác-nhận đúng lời dự-đoán của tôi. Liên-danh đắc-cử thâu-hoạch được gần 1 triệu 639.000 lá thăm, trên tổng số cử-tri gần 5

triệu 600.000, và trên dân-số gần 12 triệu. Nghĩa là 29 phần trăm số cử tri, và 12 phần trăm dân số toàn-quốc.

Chính Trung-tướng Nguyễn-văn-Thiệu rất lạc-quan đã tuyên-bố trước ngày bầu-cử rằng ông hy vọng được 45 phần trăm lá phiếu, đã đi quá 15% số tổng kết.

Chắc Trung-tướng cũng như tất cả mọi người, phải nhìn nhận rằng kết-quả cuộc bầu cử không lấy gì làm vẻ-vang lắm.

Nếu trước bầu cử 11 liên-danh kết-hợp nhau lại còn hai hoặc ba liên-danh như tôi đã thiết tha đề-nghị trong Phở Thông số 195, thì chắc chắn kết quả sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Bất cứ liên danh Tổng thống nào đắc-cử trong trường-hợp ấy cũng chắc chắn sẽ thâu hoạch được ít nhất là 3 triệu lá phiếu.

Rất đáng buồn cho những liên danh chỉ thâu được trên dưới một vài trăm ngàn phiếu (như hai liên danh V.N.Q.D Đ tranh cử riêng rẽ) cứ đeo đuổi mộng làm Tổng thống mà không nghĩ đến danh-dự và uy-tín Quốc-gia, không đoàn kết nhau lại để dồn phiếu cho một hai liên-danh có nhiều triển-vọng hơn. Một bài học chưa chát cho những người làm chánh-trị thiếu sáng-suốt và thiếu tinh thần đoàn kết dân-tộc. Họ chỉ hành-động theo tham vọng cá nhân, đầu-óc lãnh-tụ địa - phương mà không nhìn đến hậu quả, và vận mệnh đất nước.



(Xem tiếp trang 98)



★ TÍN-KHANH

Trên khắp Thế-giới, từ Mỹ đến Việt-Nam, từ Anh - Pháp đến Nhật-Bản, Do-Thái, Congo..., có trên 100.000 tờ báo đăng số tử-vi hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng báo trước định mệnh của con người.

TIÊN-TRI

● Nhà văn tưởng tượng những việc sẽ có thật!

NĂM 1896 nhà văn MAT-THEW PHILIP SHIEL ở Anh-Quốc viết ra một câu chuyện do ông tưởng tượng, mô tả lại những hành động vô cùng man rợ của một nhóm người tại Âu-châu.

Bọn này tàn sát trọn từng gia đình, không chừa cả trẻ em, rồi đem xác bỏ vào các lò thiêu người rất lớn.

Không ngờ điều ông ta tiên tri đó, 40 NĂM SAU đã thành sự thật. Đó là Hitler và Đảng Quốc-Xã của y ở Đức trong đệ nhị thế chiến vừa qua, đã tàn sát và bỏ vào lò thiêu người hàng triệu sanh linh.

Suốt trong thời chiến tại Đức nhà cầm quyền Nazi đã tuyệt đối không cho phổ biến câu chuyện này của ông Shiel, và mãi sau Thế chiến người dân Đức mới được đọc truyện ấy.

Trong năm 1898 một nhà văn Mỹ MORGAN ROBERSTON, cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết thuộc loại phiêu lưu trên đại dương rất hay.

Ông tả cảnh một chiếc tàu

hàng hải lớn xuyên Đại-lây-Dương có 3 chân vịt, dài 259 thước và chở 3.000 HÀNH KHÁCH tên là TITAN. Trong chuyến đi đầu tiên, chiếc Titan lâm nạn vào một đêm tháng Tư sau khi va nhằm một khối băng sơn.

14 NĂM SAU, vào đêm 14 rạng ngày 15 tháng 4 năm 1912, một chiếc tàu xuyên đại dương bị đắm tại Bắc đại-tây-dương, cũng do chạm phải một khối băng sơn.

Chuyện lạ nhất là chiếc tàu này tên là TITANIC, cũng chở 3.000 HÀNH KHÁCH, có 3 chân vịt và dài chỉ hơn chiếc Titan mấy thước (268 THƯỚC).

Cả một phong trào

Những việc như trên xảy ra không biết bao nhiêu, ngay trong lúc khoa học đang phát triển mạnh Hầu hết đều là những sự kiện có thật, xảy ra ngay hoặc một thời gian sau. Nhiều người hồ nghi đã nhún vai, trề môi: do tình cờ? Do ngẫu nhiên mà « chó ngáp phải ruồi »? Thiên hạ đã nói rất nhiều nhưng chỉ là danh từ chưa ai cắt nghĩa được. Và bí mật vẫn là bí mật.

● 100.000 tờ báo đăng tử vi trên khắp thế giới

Từ xưa nay, nhân - loại vẫn luôn tin tưởng ở những phép huyền bí. Qua lịch sử các nước, đã bao nhiêu nhà bác học cương quyết xác nhận rằng có một số người có thể thấy những việc xa xưa hay đưa « một phần của con người » mình ngao du ra ngoài không gian và thời gian.

Tại Hoa-kỳ là một trong những nước tân tiến nhất thế giới đã có hơn 100.000 người làm nghề bói quẻ, đoán quẻ khứ vị lai, làm nghề chính. Cứ trung bình mỗi năm họ thu của dân chúng vào khoảng 50 TỶ QUẢN TIỀN PHÁP CŨ, tức 7 TỶ RÚOI BẠC VIỆT NAM, đã cho ta thấy nghề này phát đạt là dường nào.

Trên thế giới, gần 100.000 tờ báo đăng thường trực số tử vi hằng ngày hay hằng tuần hằng tháng. Tại Ba-Lê trên 1.000 người chuyên nghề bói bài, thầy quẻ, thầy bùa v.v...

Đặc biệt nhất là khách hàng đủ loại, không phân biệt địa vị, xã hội, học thức hay tôn giáo.

Nhà chiêm tinh Ý, ông FRAN-

CESCO WALNER, ngoài số khách hàng thường lệ, còn có nhiều nhà kinh doanh, giải phẫu kiến-trúc-sư, và chính - trị - gia danh tiếng đến vẫn kể thường xuyên.

Tại Luân-đôn, có một bà chuyên về nghề tiên tri về chứng khoán và tại Ba-lê một chiêm tinh gia nọ chuyên lập số « tử vi » không những cho cá nhân khách hàng mà còn cho các công ty, các hội vô danh nữa.

Trên thế giới, có hàng trăm vị Vua chúa, Tổng-Thống, Thủ-Tướng đoán cho công việc hằng ngày. NÃ-PHÁ-LUÂN rất tin ở vận số mình. HITLER luôn luôn có bên cạnh 5 chiêm - tinh - gia, bàn bạc và góp ý kiến hàng giờ hàng phút với ông. Chính nhà chiêm-tinh-gia đó báo trước sự thất bại khủng khiếp của ông.

Về nhà đại chính trị WINS-TON CHURCHILL — một việc mà ít ai biết đến trước khi bước chân vào trường chiến trị đã nhờ sự chỉ vẽ của Bà tước DE HAMMOND, một nhà bói toán, có tên tục là CHEIRO người đã làm rung chuyển xã hội quý phái thời bấy giờ tại Luân-đôn.

● Một nhà tiên tri vào bạc nhất ở Âu-châu

Tại Ba-Lê, ông BELLINE được thiên hạ tôn sùng là nhà tiên tri tài ba nhất hiện nay tại Âu-châu. Mỗi ngày trung bình ông nhận được vào khoảng 100 lá thư từ khắp nơi trên thế giới gửi đến, nhưng ông chỉ tiếp khách tại nhà mà thôi.

Người ta kể rất nhiều về tài năng của Belline :

Đầu năm 1958 một tuần báo điện ảnh nọ đến xin ông cho biết đôi điều tiên đoán về lĩnh vực này. Trước tấm ảnh của AVA-GARDNER cô đào chiếu bóng danh tiếng, vừa mới nhìn vào, ông liền cho biết cô Gardner sẽ bị một tai nạn khá quan trọng. Một tháng sau, vào tháng hai, quả nhiên cô Gardner nhận đến thăm bạn là LOUIS MIGUEL DOMINGUIN đã bị một cơn bão mộng của ông này húc bị thương nặng.

Một lần ông Belline cho nhiều người biết ông thấy qua một thị giác huyền bí cảnh tượng sau đây : nhiều chiếc thuyền dạo mát trên « sông lớn » ở Venice

bồng tự nhiên có một chiếc biển thành một chiếc tàu lớn bằng sắt, làm cho rất nhiều người nhìn thấy rất lo sợ và nhảy xuống nước trốn thoát. Ông cũng thấy trên bờ sông hiện ra tượng của Nữ-thần Tự-do. Ngay lúc đó chiếc tàu vỡ ra làm hai rồi chìm dần xuống đáy sông. Thấy cảnh tượng kỳ lạ này xong, Belline liền đoán :

« Sẽ có một chiếc tàu xuyên Đại dương lớn của Ý qua Nữu Uớc và sẽ bị đắm tại Đại tây dương, chết người cả và mất cả của ».

Quả ba tháng sau, xảy ra vụ ANDRÉA-DORIA của Ý bị nạn tại Đại tây dương trong lúc vượt sóng qua Mỹ, đúng y như lời ông tiên tri.

Năm 1956, một tờ báo nọ nhờ ông đoán xem triển vọng của nền thể thao nước nhà ra sao. Ông đã nói ra một loạt sự việc làm cho ai cũng ngạc nhiên cả vì rất đúng với thực tế sắp xảy ra.

Ông đã đoán anh Chemama một kiện tướng của làng đấm Pháp chết trong một tai nạn xe hơi gần Chalon-sur-Saône.

Về môn Rugby, ông đã đoán

Anh sẽ thắng Pháp và cho biết tiếp là trong năm, nước Pháp sẽ đứng chót trong Đại-hội thể thao 5 nước.

Về bóng tròn, ông lại cho biết một hội không ra gì ở Miền Nam lại được giải vô địch và một đội miền Đông đoạt « Cúp » nước Pháp.

Sự thật quả như vậy : Đội Nice đoạt giải vô địch và đội Sedan đoạt cúp.

Ngày thứ bảy 14-4, Ông nhìn vào một số hình các đội banh của Pháp mà đoán được kết quả các trận đấu. Ngày hôm sau 15-4, tất cả lời dự đoán của ông đều đúng cả.

Ngày 12-6-56, ông đoán trong trận đấu tranh giải vô địch thế giới vào ngày 29-6 tại La-mã, nhà vô địch Robert Cohen bị thất bại trong lúc ai cũng tưởng anh ta toàn thắng.

● **Định mệnh !**

NHỮNG việc như trên khiến cho giới khoa học suy nghĩ rất nhiều. Họ cho là do giác quan thứ sáu. Trong một số người, có một luồng từ điện « không trung » rất nhạy, giúp cho người ấy thu được mọi

luôn sóng như một chiếc máy thu thanh.

Trong mấy thế kỷ qua, đã có biết bao nhiêu nhà bác học hay nghiên cứu cố gắng suốt cuộc đời để tìm hiểu vấn đề này. Ông Charles Richet, người Pháp, giáo sư về sinh lý học, được giải Nobel về Y-khoa năm 1913, đã khởi xướng một môn khoa học mới gọi là « *parapsychologie* ». Sau ông, có kỹ sư Warcollier, Giáo sư Tâm lý học ở Mỹ, giáo sư Bender ở Zurich, nhà phân giải tâm lý để chữa bệnh (psychanaliste) Carl G. Jung ở Thụy-sĩ, Bác sĩ Vassiliev, đệ tử danh tiếng nhất của Freud, hiện là giáo sư về sinh lý học tại Viện Đại học Lénin-

grad, đồng thời là hội viên Viện Hàn-lâm Nga-sô.

Ngoài ra còn rất nhiều vị khác rất có tên tuổi trong giới khoa học nhất là tại Thụy-sĩ, Pháp, Anh, Hoa-kỳ, Nga-sô v..v. Đây toàn là những nhà bác học đã lặng lẽ tiếp tục việc nghiên cứu để xây dựng môn học mới và cố tìm cách để chứng minh rằng giác quan thứ sáu không phải là một hư thuyết (Sixième Sens).

Có lẽ rồi đây môn học mới này sẽ mở một chân trời mới cho nền khoa học, trong đó con người sẽ sử dụng được những khả năng rất lạ từ xưa nay còn nằm kín trong người.



	GEMEAUX (du 21 mai au 20 juin)		CANCER (du 21 juin au 20 juillet)
--	--	---	---

Bonne semaine
SENTIMENTS. — Progression favorable. Protections pour vos voyages et vos réalisations. Aucun coup dur. Bonne semaine pour vos décisions et initiatives. Chance miliaire ou sentimentale. Réalisation trimestre d'un mariage.

Prudence
SENTIMENTS. — Peu de chance. Dissisez contre un tés passagère. danger de l'humour. Complications de voyages araine déconseillé mentaux. Risqgrave mais pnt m le soir de

Today's Horoscope
by CARROLL RIGNER

NAM MẠNG
Tuổi 20 cuộc sống trung bình hơi hồ tâm, hy vọng chưa thành. Tuổi hy vọng có kết quả theo ý muốn xa tốt. Tuổi 44 kỳ du lịch cầu có kết quả nhỏ, vẫn còn khổ tâm chừng người mình hồ nghi.
Tuổi 19 có tin mừng và hy vọng, yêu đương coi chừng đau khổ

NỮ
Tuổi 20 tình tài lộc càng xa chơ Ky ngày 2,6,7. T danh vọng tốt, nh khổ tâm kỳ ngày hưng tài lộc.
Tuổi 19 tình chùng

★ **Lý luận trẻ con**

Cha sai thằng con đi mua một gói thuốc, bảo hoài thằng con mê xem T.V. không chịu đi, cha nói :

- Thằng này lì quá, mê T.V. sai k hông chịu đi chơ.
- Chớ Ba không lì sao !
- Tại sao tao lì ?
- Con không đi Ba cứ sai hoài.

HỘI
M
Ù
A
T
H
U



● THU - YÊN

*Gió thu từ bốn phương trời
Về trong khóm lá hát lời du-dương
Hàng cây bóng ngả vệ đường
Lá vàng mưa nhẹ bờ tường rêu xanh
Trời cao lơ-lửng âm-thanh
Sao điều diu dặt mong manh hơi đồng
Liều soi nước lặng mênh mông
Cảnh cao phượng vĩ một bông muôn màng
Giấc chiều mây vẫn miên man
Đôi cò điếm trắng bên ngàn cây xa
Lững lờ khói tỏa mái nhà
Ngỏ thôn gió thổi bay tà áo ai.*

TRUYỆN QUỐC-TẾ
XXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

CHIẾC VA-LI

► Nguyên-tác :
PAT MC. MAHON

● Bản dịch :
THANH-V-THANH



CHIẾC phi cơ, tựa như con chim bạc mà đôi cánh đang xé phủng ánh bình minh, vừa sà xuống lướt ngang qua lều trại của Jason Lean. Vào giờ này, mắt viên phi công có lẽ bị chói phải ánh mặt trời đang lên, nên không thấy được hai hàng dây căng thẳng trên đỉnh đồi. Hấn vụt hoảng hốt kêu lên, nhưng tiếng kêu của hắn bị át mất bởi tiếng nổ của động cơ, tiếng thét của chim đồng và tiếng rống-dừng-dưng của những con bò cái. Rồi, quá kinh hãi, mắt hắn bỗng nhiên tối sầm lại...

Trong khi ấy, chiếc phi cơ thoát chậm mạnh vào những dây...

Một tiếng âm vang... Một vầng lửa xanh bùng phát... tron vẹn. Xác người chao ngã trong phi cơ.

Sườn đồi như muốn vỡ tung ra khi phi cơ chạm phải. Nó dội ngay lại, rơi nhanh xuống đất tựa hồ một con vật, mình đầy những lửa.

Jason Lean chờ cho ngọn lửa dịu lại rồi theo con đường mòn, vượt qua thung lũng, lần đến sườn đồi, nơi đó chiếc phi cơ chỉ còn là những mảnh vụn.

Bao nhiêu người chết, năm chục, sáu chục? Thời nay, những phi cơ to lớn như thế, hẳn mang nhiều hành khách. Với ý nghĩ đó, Jason Lean chần chừ, cúi đầu buồn bã. Khi đến gần bên những mảnh vụn của phi cơ, anh biết chắc rằng sẽ không còn tìm gặp được một dấu hiệu sống sót nào nữa.

Đó đây, một vùng cháy sạm... Xa hơn một chút, là đuôi phi cơ mà hình dáng nó cực to trắng toát như bạc, so đường một nắm mò bắt ngát mênh mông, nằm ngồn ngàng những ghế nệm tiện nghi mà trên đó thi thể người chết còn giữ vững qua dây buộc. Và, vùng vãi khắp nơi những mảnh vụn, những hành lý, những túi du lịch, những cây ngã... tất cả đều nằm im giữa những dây jung lay đầy nguy hiểm. Chao ơi, bàn tay của một người không lồ, bàn tay của thần hỏa ấy đã gạch hẳn một chữ ký tắt của ông ta trên sườn ngọn đồi! Tất cả, tất cả chỉ còn là sự chết chóc!

Sợ hãi, Jason Lean vội vàng quay bước và, tự trong thâm tâm anh, bỗng nhiên dâng lên những ký ức lạ lùng... Anh như thoát thấy có một người thanh

niên trẻ tuổi đang đi lang thang trong đêm tối giữa một đồng sâu nghĩa địa.

Tất cả sự khổ đau và bi thảm của tấn kịch như đang xâm chiếm tâm hồn anh, dẫn anh đi sâu vào những chi tiết nhỏ nhặt của họ: nào chiếc va-li đảo ngược, nào đồ chơi con trẻ, nào chiếc hộp đựng đủ cả các thứ đồ lộn xộn nhau... mà phân nửa đã xém cháy, phân nửa còn lại mở toang.. Và rồi, ánh mắt anh chợt dừng lại trên một chiếc va - li còn nguyên vẹn, không cùng chung số phận như những vật khác: màu da của nó chỉ nám đen vì khói một cách sơ sài thôi.

Chiếc va-li cực lớn, bằng da heo kết hạt, có hai sợi dây rộng lấp vào ngay ổ khóa. Đó là vật duy nhất không bị cháy. Có lẽ nó đã được tung ra ngoài lúc bị rơi. Phúc chốc, Jason Lean đứng lại, đứng yên... mắt nhìn chăm chăm vào chiếc va-li như chính trong đó có một vài vật gì kỳ lạ đang muốn thời miên anh. Thế rồi, không ngần ngại, anh cúi xuống, mở rộng nắm tay và xách ngay chiếc va-li lên. Anh quay người nhìn quanh thêm một lần nữa để

được chắc bụng rằng không có một xác người nám đen nào còn cử động được để mà ra dấu tố cáo anh.

Tại chỗ xảy ra tai nạn, khói đen còn ngút tỏa, từng bước thật mau, Jason vội vã xuống đồi, mang theo mình cái kho tàng vừa nhặt được như một nhà du lịch vừa dạo quanh thế giới trở về..

Vừa khi trông thấy chồng, Martha đã nói:

— Một tai nạn phi cơ! Thật là kinh khủng!

— Kinh khủng thật!.. (Jason lúc nào cũng luôn dựa theo ý kiến vợ). Anh đã đến tận nơi ấy, không một ai sống sót!

Và, trong lúc đó, trên đỉnh đồi xa, đang có nhiều người qua lại trông như một đàn kiến. Cảnh Sát, xe cứu thương, xe chở xác, phòng viên nhà báo... tất cả đều nườm nượp về nơi vừa xảy ra tai nạn. Họ bước cẩn thận giữa những dây và những mảnh vụn đã sạm đen. Hy vọng giảm bớt dần dần và hoàn toàn tắt ngúm trong lòng họ khi họ trông thấy tận mắt những gì còn lại như Jason đã chứng kiến.

Martha chợt nhìn thấy chiếc va-li, nàng khẽ hỏi chồng:

— Cái gì thế hở anh?

— Chiếc va-li! Anh tìm được nó ở chỗ xảy ra tai nạn. Nó không sao cả, không bị cháy chút nào. Chắc người ta đã quăng nó.

— Và anh đã cướp lấy?

Những tiếng đó được nói bằng một giọng điệu mà, lần đầu tiên, Jason tưởng như mình bị trách cứ qua sự việc mình vừa làm.

— Anh đã lấy cướp? Của người chết?

— Anh... anh nghĩ rằng nó có thể chứa đựng được một vật gì giá trị trong đó. Họ đã chết cả...

— Nó không còn thuộc về của ai nữa.

Dù đã có với những lời lẽ ấy, song Jason lại biết chắc là anh vẫn không sao thuyết phục được vợ.

— Nhưng đó là sự tước đoạt. Đó là sự phạm thượng với người chết! Đó chính là sự tội tề! Jason, anh phải mang nó đi trả ngay. Hãy đặt lại đúng chỗ mà anh đã tìm gặp!

— Đừng nhớ nặng đến thế!

Làm sao anh có thể đem trả nó ngay bây giờ được khi mà trên ngọn đồi ấy, đang có khối người ở đó kia chứ ?

Đó là lần đầu tiên Jason dám cao giọng nói với vợ. Và rồi, liền ngay khi ấy anh lại thấy hối tiếc :

— Ủ; ta sẽ hối rồi biết bao khi ta mở nó ra và nhìn biết được những gì trong đó !

— Jason, anh đừng mở chiếc va-li ấy ! Không có gì khác hơn là sự sợ hãi, nó sẽ du anh dính jiu vào người chết mà trước đây, một giờ, họ còn được sống...

— Nhưng... nhưng mà Martha ạ, ta có thể tìm thấy trong đó được một vài vật giá trị. Chính em cũng biết rằng chỉ nội chiếc va-li thôi, cũng đã đắt giá rồi. Nó có thể chứa nhiều y phục tinh hảo, một máy ảnh đẹp... hay những giấy tờ gì quan trọng. Và tiền, cũng có thể lắm !

— Jason, hãy nghe em ! Hoặc là đem trả ngay chiếc va-li, hoặc là mang nó ra sau vựa thóc mà chôn. Em không muốn anh mở nó ra và nhìn ngắm những gì trong đó. Và em cũng không muốn cái ý tưởng của một người đàn ông nào đó đến ám

ảnh ta và trả thù ta do cái tội ác ghê tởm của anh !

Với những vật như thế, Jason biết rằng dù anh có nài nỉ thế nào đi nữa, cũng bằng vô ích. Nhưng rồi, anh bỗng cảm thấy cần phải chọn một trong hai giữa những lời sai khiến đó của vợ và sự mong muốn mở chiếc va-li bí mật kia của mình.

— Martha !...

— Hãy chôn đi ! Em không muốn nhìn thấy nó nữa !

— Thế thôi, đành vậy !...

Jason mang chiếc va-li đi ra, đầu cúi thấp, trong khi Martha đưa mắt nhìn theo cho đến khi anh qua khỏi vựa thóc và vào sâu trong nghĩa địa dành riêng cho loài vật. Nơi đó, Jason cặm cùi đào một lỗ sâu, rồi đem chiếc va-li chôn xuống giữa ngôi mộ của con bò cái già và con mèo to đã chết trong năm qua.

— Thôi... thế là xong !

Nhưng khi trở vào nhà, theo sau chân vợ, Jason lại bỗng cảm thấy có một nỗi buồn lê thê và hối tiếc đang xâm chiếm tâm hồn anh...

Ngày hôm sau, một chiếc xe ngừng lại trên đường và một

người đàn ông thanh lịch đi ngay về hướng vựa thóc mà nơi đó, Jason đang làm công việc vất vả hằng ngày của anh ta.

— Chào ông bạn. Ông bạn có thể cho tôi xin một vài phút ?

Jason đặt thùng sữa xuống đất,揩 lau giọt mồ hôi trên trán rồi đáp :

— Vâng ! Có gì cần đến chúng tôi không, thưa ông ?

— Chúng tôi đang điều tra bỏ tù về tai nạn phi cơ hôm qua. Chúng tôi nghĩ rằng ông bạn có thể sẽ giúp được chúng tôi một vài điều, qua sự chứng kiến của ông bạn.

Người đàn ông khẽ rút trong túi ra một cuốn sổ tay, và tiếp hỏi :

— Có phải chính ông bạn là Jason Lean ?

— Vâng, đúng tôi ! Chính tôi đã trông thấy tai nạn. Phi cơ bay quá thấp. Nó chạm phải những dây căng trên đỉnh đồi. Lúc đó vừa bình minh. Và tôi nghĩ rằng, trong một phút, ánh mặt trời đã chói mờ đôi mắt phi công. Phi cơ va vào những dây và rơi xuống...

— Ông bạn có đến đây không ?

— Tôi... không, lúc đầu tôi định đến xem, nhưng rồi tôi lại đổi ý ngay. Tôi sợ những sợi dây căng thẳng trên cao ấy...

— Ông bạn khá lắm ! Người điều tra vừa nói vừa biên chép. Giá có đến, ông bạn cũng không làm gì khác hơn được. Tất cả đều đã chết cùng trong một lúc :

— Ô ! Thật là ghê tởm ?

Jason xoay người, ánh mắt anh ta dừng lại bên gốc thung lũng, ngay giữa sườn đồi chết chóc kia mà những dấu vết thảm não ấy, trong một vài vụ mùa nữa mới có thể tan biến đi được.

— Xin cảm ơn ông bạn đã nhận tiếp tôi trong những phút quý báu này. Một ngày nào đó có thể tôi sẽ còn tìm đến viếng thăm để được hầu chuyện thêm với ông bạn.

— Vâng, với tất cả những gì mà tôi có thể...

Người đàn ông biểu đồng tình với Jason bằng một nụ cười rồi bước thẳng về hướng chiếc xe.

« Ông ta không đặt cho mình một câu hỏi nào về chiếc va-li. Họ sẽ không bao giờ tìm ra được sự mất mát đó ? Họ cho là

nó đã hóa thành tro... », Jason luôn nghĩ thầm như vậy.

Và rồi, suốt đêm hôm đó, nằm bên cạnh vợ, anh luôn nghĩ về tất cả những sự việc đã xảy ra. Anh thấy cần phải mở chiếc va-li để tìm xem trong đó có một bảo vật nào? Cái gì chứa trong chiếc va-li ấy? Tiền chăng? quần áo đàn bà và những nữ trang? Một vài vật gì cho Martha? Hay cho chính anh? Có thể là một bộ đồ lớn mới tinh hảo làm cho anh thích thú?...

Xế trưa ngày hôm sau, trong khi Martha đang bận quét dọn ở bên ngưỡng cửa nhà, không chút do dự, Jason lên bước nhanh về phía nghĩa trang loại vật.

Có thể rằng Jason sẽ đào lại được chiếc va-li và chỉ cần ném vào đấy một cái nhin thôi, rồi anh lại đem giấu nó trong một lỗ trống khác nào đó, nơi mà Martha sẽ không bao giờ biết rõ được. Vâng, đó chính là những điều mà Jason định làm và phải làm...

Jason lên vào vựa tìm lấy một chiếc mai cũ rồi trở ra, bắt đầu

đào. Chỉ chốc lát sau, anh ngừng thấy được mùi da quen thuộc.

— Jason!

— Martha! Cái gì thế hở...?

— Jason, anh định mở chiếc va-li? Hãy lấp nó ngay đi! Anh không tin rằng nó sẽ mang lại cho anh những điều xui xẻo khổ đau ư? Anh há chẳng biết là nó đã thuộc về một người chết?

— Thôi... đành vậy, Martha ơi! Anh sẽ làm đúng...

— Hãy lấp nó lại và đừng bao giờ đào nữa!

Jason im lặng lấp lỗ lại...

Thế nhưng rồi, nhiều ngày trôi qua... ký ức về cái tai nạn kia, thỉnh thoảng vẫn cứ mãi chao về tri não anh. Hình ảnh chiếc va-li khóa kín vẫn còn in hẳn trong ý tưởng anh và cứ mãi ám ảnh anh. Ngày cũng như đêm, anh vẫn luôn mơ thấy nó, khi thì nó khóa kín như hôm anh mới bắt gặp lần đầu, lúc thì nó đã được mở toang ra...phơi bày đầy những báu vật. Rồi tùy theo sự tưởng tượng của anh, chỗ giấu đầy bí mật, qua được sự tò mò của kẻ lừa đảo hãy sự ước lượng tài ba của một gã thương

mãi nào. Anh cảm thấy có nhiều vật quý giá được thoát ra khi anh vừa hé mở nó. Những vật mà anh chưa bao giờ có, như một chiếc dao cạo bằng điện, một máy thu thanh và một máy ảnh đẹp chẳng hạn...

Sau một tuần lễ quay cuồng nghĩ ngợi, anh tự nhủ: «Ồ, không!.. Không! Chao ôi, cái gì đã chứa trong va-li? Không thể để cho nó phải vùi sâu, mục nát dưới đất, sau cái vựa thóc kia được!»

Thế rồi, anh đi tìm Martha và gặp nàng ở nhà bếp. Không ngần ngại, anh bảo:

— Martha, anh sẽ đi đào chiếc va-li và mở nó ra...

— Jason...

— Em không làm sao còn có thể ngăn cản anh được nữa đâu Martha à! Linh tinh đã báo trước cho em thế?

Jason giận dữ la to:

— Ta cần phải biết nó!

Thế rồi, dù nàng có chặn cản đường anh, anh cũng vẫn đẩy bừa nàng ra thật mạnh, như là đang chiến đấu với một con thú nào đó ngoài đồng.

— Anh Jason, hãy dừng lại!

Mặc! Jason chỉ còn biết có đánh đập, đánh đập nàng mãi như không nghe giọng nói van cầu đó, nó có thể làm át mất lòng ham muốn của anh!... đánh mãi như muốn cho nàng phải im lặng. Và nàng nặng nề ngã quỵ, đầu chạm mạnh vào thành lò sưởi. Jason cảm thấy máu trong người như giao động, thẩm lạnh đến thấu xương. Anh cúi xuống sát mình nàng. Nàng không còn cử động và chẳng hiểu do năng thức kinh khủng nào, anh biết rằng anh đã giết chết nàng.

Nhưng, anh vẫn không thể dừng lại lâu hơn thế nữa. Như bị thúc đẩy bởi quỷ ma, anh vụt chạy nhanh về hướng vựa thóc. .. Anh chộp vội cái mai, đào mãi, cuốc mãi cho đến khi thấy được chiếc va-li.

Chiếc va-li vẫn luôn ở đó. Đôi tay anh thoan thoát tháo nhanh hai sợi dây buộc, trong khi môi anh mím chặt, mồ hôi rịn ra, lấm tẩm đầy cả vầng trán lạnh của anh.

Chiếc va-li vẫn còn khoá chặt lăm đầy những đất. Anh nhẹ nhàng nâng lên và mang ngay vào vựa. Tại đây, anh cẩn thận dùng chiếc chìa nạy mạnh vài

CHÉIC VA-LI

cái vào ngay trong ổ khoá. Dưới sức mạnh của anh, chiếc khoá thình lình vỡ ra. Và cuối cùng anh mở được chiếc va-li...

✱

Chốc lát sau, một viên thanh tra ngừng xe lại ngay bên trang trại của Jason để tìm hỏi thêm vài câu bổ túc về vụ phi cơ bị nạn. Ông ta gặp xác nàng Martha-

Lean nằm dài trên nền gạch ở sau nhà bếp với một dáng điệu mà ông khó nhận biết ngay rằng nàng đã chết...

Và... trong nhà vợ, Jason Lean như ngẩn ngơ, điên dại, đang quỳ bên chiếc va-li mở rộng chứa đầy những quyển Thánh Kinh, bìa gáy bằng da...

(The suit-case)



✱ Vô lý

Với chính trị, cái vô lý không phải là cái trở ngại (En politique, une absurdité n'est pas un obstacle).

Napoléon BONAPARTE

✱ Không vô lý

Cái vô lý ở một sự vật không vô lý đâu, nó là điều kiện làm cho sự vật đó được hiện hữu (l'absurdité d'une chose n'est pas une raison contre son existence, c'en est plutôt une condition).

NIETZSCHE

BACH-MAI



Thi-xã

● THÁI-BẠCH

*Thảo thụ tông phi tiền độ
sắc,
Yên hà bất tự vãng thời
xuân.*

Hai câu thơ này của thi sĩ Tào Đường xưa tả cảnh Lưu Thẩn, Nguyễn Triệu khi trở lại thiên thai, có nghĩa là :

*Cây cỏ khác xa đường lối cũ
Yên hà chẳng giống nếp
xuân xưa.*

Nay đề hiển các bạn Bạch-mai thi xã, chúng tôi xin tạm mở đầu bài bằng hai câu thơ trên, vì ngày nay nhắc đến Bạch-Mai thi xã, nơi tụ họp của các bậc văn nhân

tiên-bối Đồng-Nai xưa, những ai là người thích ngâm trăng vịnh nguyệt, những ai là tao nhân mặc khách muốn tìm lại dấu cũ của người xưa đề cũng không khác nào như hai chàng Lưu Nguyễn khi trở lại Thiên-Thai. Nếu Thiên-Thai hai nơi hoa đào nước biếc đối với hai chàng Lưu, Nguyễn ngày xưa khi trở lại đã nhuộm màu trần, thì ngày nay Bạch-Mai thi-xã đối với thế hệ cũng chỉ còn là một nơi đá xanh cỏ mọc xen lẫn với đồn binh trại lính. Sao rời vật đổi, ngày qua tháng lại, chỉ mới chưa đầy một

thế kỷ mà cái cảnh lá xanh bông trắng của đời mai với những dư âm của thi tứ, sớm đã đi vào một dĩ vãng tựa hồ như xa lơ xa lắc.

Trên đường Saigon-Cholon — Phú Lâm, du khách đi qua trường võ bị Cây-Mai, ngừng bước lại thấy đó bây giờ là một nơi đào tạo những thanh niên hồ thi của thế hệ hai mươi. Nhưng cách đây vào khoảng một trăm năm, chính đó là nơi nổi tiếng bậc nhất về hào hoa phong nhã của đất nước miền Nam với cái tên là Bạch-Mai thi-xã.

Bạch-Mai thi-xã lập ra ở đó, vì nơi đây, khi xưa còn ngôi chùa cổ « Mai-Sơn-Tự » và trên ngọn đồi cứ mỗi độ xuân sang, những cây mai nở bông trắng đưa ra mùi hương bát ngát để đón khách thừa lương khi nhàn du khiến hứng, mà thứ bông này là một thứ bông rất hiếm ở miền Nam, cho nên nữ sĩ **Sương-nguyệt-Anh** trong bài thơ vịnh « Bạch-Mai » đã cho là một thứ hoa thần, phải nhờ ở cái cảnh « non linh đất phước » mới có sanh ra được.

Người sáng lập ra thị-xã này là ai?

Chính là nhà thơ **Tôn-Thọ-Trường**, mà nói đến thân thế cùng sự nghiệp ông, chúng ta ngày nay cũng không còn lạ nữa.

Xuất thân giòng trâm anh thế phiệt « bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng » với văn tài lỗi lạc, họ Tôn trường sẽ vén bước thang mây bằng con đường bút nghiên lều chông. Nhưng mấy lần ra đi, lại mấy lần trở gót về không. Thế rồi sau khi bị bắt giải về kinh thọ tội vì ăn tiền đội quyền đi thi cho người khác, họ Tôn được vua **Tự-Đức** thương tình ân xá và cấp cho năm mươi lạng bạc trở về Gia-Định, mới lập ra thị-xã này ở trên đồi Cây-Mai, lấy tên là Bạch-Mai thi xã để cùng các bạn văn thơ nhàn du và xướng họa.

Bạch-Mai thi-xã ra đời vào khoảng năm 1856-57 lúc ấy sáu tỉnh miền Nam còn đang ở trong một cảnh trí thái bình, nên rất được các sĩ tử ở bốn phương đi lại tụ họp. Trong số những tao nhân mặc khách của Bạch-Mai thi xã có đủ các hạng khoa bảng và sinh đồ như các ông: **tấn sĩ Phan-Hiền-Đạo**, thủ khoa **Bùi-Hữu-Nghĩa** tú tài

Nguyễn-dinh-Chiều, cử nhân **H-tĩnh-mãn-Đạt**, v.v... đa số là những văn nhân, thi nhân trú danh ở **Đông-Nai-Bến-Nghé**.

Theo tục truyền, Bạch-Mai thi xã cứ mỗi tháng một lần vào tuần trăng sáng có một cuộc hội họp cùng nhau uống rượu ngâm thơ. Rượu đây không phải của người sáng lập xuất tiền mua, mà cũng không phải là những món tiền góp lại của các ông trong thi-xã, vì Bạch-Mai thi-xã lập ra không có điều lệ và cũng không bắt buộc một ai phải đóng một số tiền nào. Vốn là một tay khoáng đạt, nên người sáng lập ra nó chịu mọi phí tổn về chi phí, đãi thọ. Nhưng sau cứ mỗi lần có cuộc họp mặt anh em như vậy thì những rượu và đồ ăn do các sĩ tử ở khắp nơi đem lại. Mỗi ông đi lại Bạch-Mai thi-xã thường với một tập thơ và luôn cả những thứ thực phẩm của địa phương mình, vì phần nhiều các sĩ tử ở miền Nam khi đó đều là những gia đình khá giả. Các ông thường từ miền **Hậu-Giang** đi lên bằng ghe mui yng với kẻ hầu người hạ, và mỗi lần đi như vậy, trong ghe của các ông đã mua sắm đủ thứ đem theo nào

là quà tặng đề hạp anh em, nào rượu, nào trà, nào các thứ khô biển, nào các thứ thịt rừng. Và mỗi lần họp, các ông trong thi xã chẳng những đã được sáng khoái về tinh thần mà còn được thêm no đủ về vật chất. Có khi ở trên đồi Cây-Mai, các ông ngâm vịnh chán lại xuống ghe thả hồn trên sóng nước **Đông-Nai**, nên đương thời có người đã cho các ông là những chích tiên ở trên đồi Bạch-Mai đi xuống với bầu rượu túi thơ.

Thơ của Bạch-Mai thi-xã có rất nhiều, nhưng tiếc thay không in ra để phổ biến, nên qua nhiều cuộc biến cố của thời đại, ngày nay chỉ còn sót lại mấy bài như « **Chiêu quân xuất tái** » của **Tú-Tuyền**:

*Phong trần tranh tử phận
hồng nhan,
Nhắm mắt đưa chân lúc
quá quan.
Tay ngọc gượng nâng dây
bán nguyệt.
Gót sen lần bước dậm
trùng san.
Năm canh nhớ Hàn sầu
vương ngôn.
Sáu khắc cảm Hồ lửa đốt
gan.*

Chín bệ những đầu an gối
 bình,
 Ngân thu tiết gái tạc bia
 vàng.

Và sau đây là một bài thơ
 trào phúng « vịnh làng Hòa
 Khánh » của Cử-Thanh :

Nực cười Hòa-Khánh quá
 nên hử,
 Cha mẹ chẳng nuôi, nuôi
 Đạo-Trư,
 Thịt béo hàng ngày đem
 cúng tự.
 Gái xinh thường bừa đến
 hầu sư.
 Giảng kinh cứu thế mồm
 lau tấu,
 Thâu của nhân gian đầy
 cứng khừ,
 Nghĩ lại mà thương làng
 xóm ấy
 Không say lại mắc bệnh từ
 đừ.

Bạch-Mai thi-xã tuy không
 được mở rộng, vì nó chỉ đóng
 khung trong hàng các sĩ-tử,
 nhưng dù sao đi nữa, và tuy chỉ
 đề ngâm nga khiên hứng cho thỏa
 mãn, cái tinh-thần nhân hạ
 khoáng đạt của một lớp người
 thời, nhưng vô hình trung, chính
 nó cũng có một tổ chức văn
 nghệ rất ảnh hưởng đến đương

thời và góp trên lịch sử thi văn
 nước nhà một công trình hữu ích,
 mặc dù người sáng lập ra nó về
 sau có nhiều diềm không tốt với
 quốc dân, mà các nhà phê bình,
 làm sử không thể bỏ qua được.

Kề ra, người lập Bạch-Mai
 thi-xã cũng là người có óc sáng
 kiến trong văn giới nước nhà
 đề đoàn kết các văn nhân thi sĩ,
 và Bạch-Mai thi-xã cũng chính
 là một cái cầu liên lạc và trao
 đổi tâm hồn của những tay cầm
 bút đương thời. Giá phải trường
 đời đừng có những éo le thay đổi
 thì Bạch-Mai thi-xã còn biết bao
 nhiêu là những cái đáng khen
 đáng mộ.

Nhưng tiếc thay, Bạch-Mai
 thi-xã chưa sống được bao năm
 thì cái cảnh nhà tan nước mất
 xảy đến với đồng bào miền nam.
 Năm 1860 quân Pháp vào Gia-
 Định, Bạch-Mai thi-xã chết đi
 không kèn không trống, và nơi
 tụ họp của các tay thơ thần, rượu
 thánh trên « non linh đất phước
 trở hoa thần » phải biến thành
 một chiến trường đầy rẫy những
 xương rơi máu đổ. Và sau đó,
 những ông trong Bạch-Mai thi
 xã liền chia ra hai khối, một khối
 là Tôn-thọ Tường và Phan-hiền-

Đạo thì ra giúp việc cho chánh
 phủ « tân trào » còn một khối
 nữa là các ông Phan-văn-Trị,
 Huỳnh-mãn-Đạt, v.v.. quyết
 chống lại, thà chết chứ không
 chịu đem thân ra làm tay sai cho
 giặc để sát hại đồng bào.

Tranh niêm nhớ cảnh « xưa
 sao thơ phú ngâm nga, giờ sao
 tan tác như hoa giữa rừng » Tôn-
 thọ Tường khi ra làm việc cho
 Pháp, một ngày nọ trở lại thăm
 xưa, có làm bài thơ vịnh :

Đau đờn cho mai cách mấy
 đèo.
 Mười phần trong sạch phần
 cheo leo,
 Sương in tuyết đóng nhành
 thơ thót,
 Xuân đến Thu về, sải quanh
 hiu !
 Lặng lẽ chuông quan con
 bóng xế,
 Tò te kèn thổi mặt trời
 chiều.
 Những tay rượu thành thơ
 thần cũ,
 Nhìn cảnh bao nhiêu, tiếc
 bấy nhiêu.

Và một người nữa, cũng chân
 trong Bạch-Mai thi-xã là Lê-
 quang-Chiều, cai tổng ở Càn-
 Thơ có làm bài họa lại :

Tim mai mấy độ đã xa đèo,
 Xót lẽ thân gần sáng vẫn
 leo.

Sương tuyết bốn mùa hoa
 sạch sẽ,
 Gió đông đòi trận sắc đều
 hiu.

Đầy đũa cửa Phật hơi kèn
 sớm,

Quanh quẽ nhành chim xế
 bóng chiều,

Thăm tiếc phải còn phong
 cảnh cũ,

Văn nhân tài tử biết bao
 nhiều !

Than ôi ! Bạch-Mai thi-xã không
 còn. Tiếc thay cho sự nghiệp của
 người đã gây dựng ra nó ! Và nói
 đến Bạch-Mai thi-xã ta hãy tạm
 gác ra một bên, đoạn đời chánh-
 trị không đẹp cũng của con người
 ấy.

Đời Bạch-Mai còn, nhưng đời
 với Bạch-Mai thi-xã, ngày nay có
 ai tìm dạng dấu vết xưa kia mặc
 dù đã rêu phong cỏ mọc, của
 những khách túi thơ bầu rượu.
 « khi xem hoa nở, khi chờ trăng
 lên »

Vậy nhắc đến Bạch-Mai thi xã
 những văn nhân tài tử khi ngang
 qua đời Bạch-Mai, hỏi ai không
 giây phút tranh lòng, nhớ lại những

cái đã một thời vang bóng. Những cái đó tuy đã trôi theo ngày tháng không trở lại, nhưng nói tới, hỏi ai những khách đa-tình đa-cảm, không mơ thấy lại những buổi sum vầy khoáng đạt của Bạch-Mai thi-xã để cho tâm hồn được xảng khoái tự nhiên với mọi tình mọi cảnh. Và trạnh lòng rồi để tự mình

cảnh giác mình chớ để bước lầm vào con đường của lão Tôn đã bước ở trước khúc quanh lịch sử này, vì con đường đó không phải là con đường nhân loại nói chung và văn-nghệ nói riêng,



✱ 5 lỗ trong 9 lỗ

Cái gì cụ thể thì con người lại bảo trừu tượng. Điều đó chẳng đáng ngạc nhiên, bởi vì hẳn có 9 lỗ trên mình thì thường còn nhầm đến 5 lỗ, không biết giữa mũi mồm và tai nên dùng trước, dùng sau chỗ nào.

L'homme appelle abstrait ce qui est concret. Ce n'est pas étonnant, car ordinairement il confond le devant et le derrière tout en se servant de son nez, de sa bouche, et de ses oreilles, c'est-à-dire de 5 de ses 9 ouvertures)

Hans ARP

(on my way)



VỀ

□ PHÙ - DUNG

Chiều buồn em trở bước về đây.
Bát ngát rừng mai đã nở đầy,
Em lắng hồn hoang muôn thuở trước.
Nghe lòng bừng dậy tuổi thơ ngây,

Anh ơi, bao độ tiết đông về.
Da diết sầu vương mưa lê - thê,
Tìm dấu nẻo xưa rêu mốc phủ.
Âm - thầm thôn-thức tiếng sơn Khê,

Giữa rừng lạnh lẽo nắm mồ ai.
Từng cánh hoa ngàn tan tác bay,
Ngập lối thề xưa mai trắng xoá.
Ngỡ ngang đôi bóng sánh đôi vai,

Vân núi rừng xưa đứng đón chào.
Nhưng nay phảng-phất hồn anh đầu,
Dư âm vàng vắng lời anh nguyện.
Nếu lỡ duyên đầu, hẹn kiếp sau.

Non nước chập chùng hận tiếc thương
Tài hoa bạc mệnh chốn sa trường.
Vong linh anh hỏi, về mình chứng,
Đây nén hương lòng, lệ chứa chan.

Em quý ôm trọn mô sương lạnh,
Như trọn nhau hồi thuở tóc xanh.
Em kéo chăn trời che giá buốt.
Anh ơi, hương tím đã xây thành,

TUẦN, chàng trai nước VIỆT



dẫn chúng Lịch - Sử

Xã Hội hiện đại (I)

1910 - 1945

★ NGUYỄN-VỸ

CHƯƠNG XXXII

★ 3-9-1939, **Đệ-nhị** **Thế-chiến** bùng nổ ở **Âu-Châu**

(Tiếp theo PT 198)

3) **BÁO - CHÍ.** — Những biến-chuyển đầu tiên dưới cặp mắt của Tuần



ANỘI.— Bắt đầu chiến tranh thế giới, Hà - Nội vẫn chỉ có ba bốn tờ nhật báo quốc-ngữ kỳ cựu không bao giờ thay đổi hình thức hay nội dung, và tất cả đều giữ nguyên vẹn thái độ thân Pháp cổ hữu của họ : *Đông Pháp*, *Trung Bắc Tân văn*, cả hai đều thuộc về những nhóm trí thức bảo thủ Bắc kỳ, và được lưu

hành sâu rộng trong quần chúng. Ngoài ra có tờ báo mới : *Nam Cường* của Phạm Lê Bông, nhà làm pháo triệu phú, Viện trưởng Viện Dân-biểu Bắc-kỳ, nổi tiếng là một sừng cột của phe « *Bảo Hoàng* », (Quân chủ, tịch cực tăng bực Bảo-Đại) và đồ đệ của Phạm Quỳnh, Đồng Lý Ngự tiền văn phòng của Hoàng đế An-nam ở Huế. Tờ *Nam Cường* in đề biểu hơn là bản, vì không ai mua. Nhóm trí thức mới của Bắc - sĩ Luyện cũng vừa cho ra tờ nhật báo *Tin Mới*, quy tụ một số nhà báo trẻ tuổi có tư tưởng chống Pháp, nhưng ôn hoà. Tờ báo

TUẦN CHÀNG TRAI

ay bán chạy nhất vì có tính cách tiến bộ hơn, và chú trọng khá nhiều về chính trị và xã hội.

Ngoài ra, có những tuần báo hoàn toàn văn nghệ ; *Tao đàn*, *Tiểu thuyết thứ Bảy*, (của nhóm Vũ - trọng - Phụng Tchya, Vũ-Bằng, Nguyễn - trọng - Luật, Nguyễn công Hoan v.v...) *Ich hữu* (Lê văn Trương, Trương Tửu), *Tiểu Thuyết Thứ Năm* (Lê trảng Kiều, Lưu trọng Lư. Xuân Huy—Nguyễn -Vỹ—Lê chí) *Loa* (Lan Khai, Côn Sinh v v...) *Việt Nữ* (Mộng Sơn, Thanh-Tú) *Ngày Nay*, (Nhất - Linh, Khái - Hưng) *Tương lai* (Nguyễn - triệu - Luật, Vũ-trọng-Phụng).

Các báo Cộng-sản đều bị đóng cửa, và đa số đảng viên đã bị bắt.

Các báo Việt - ngữ cách-mạng cũng bị đóng cửa, và các nhà cách-mạng quốc-gia bị mật thám theo dõi.

Các báo Pháp ngữ của người Pháp có chủ trương cách mạng (*Argus Indochinois*, *L'Ami du Peuple*), hoặc của người An-Nam cách-mạng (*Le Peuple* của Đặng thái Mai, Võ - nguyên - Giáp), *Le*

Cygne (Nguyễn Vỹ, Trương Tửu) cũng đã bị đưa ra tòa và bị đóng cửa hết.

Nhật báo Pháp ngữ của người Pháp, có 3 tờ bán chạy nhất : *La Volonté Indochinoise* (của *Henri de Montpezat*) (1) *France Indochine* của Thiều tá hưu trí J. Foropon), *L'Avenir du Tonkin* (của Massias) *L'Avenir* (của Luật sư Tavernier) Tờ *L'Indépendance Tonkinoise* (Bắc kỳ Độc lập, của một bà đầm) bị đóng cửa. Ngoài ra, có tờ tuần báo *L'Indochine* của De Saumont Pháp hải hươc, *Chantecler* chuyên môn công kích các nhà cầm quyền thuộc địa Pháp, bằng lối khôi hài, được một số độc giả thanh niên trí thức hoan nghênh.

Thiên chúa giáo có tờ Nhật báo *Trung-Hoa* ở góc đường Borgnis Desbordes và đường nhà chung không được phổ biến mấy, và có tính chất hoàn toàn tôn giáo. Phật giáo có Nguyệt san *Đức-Tuệ*, xuất bản tại chùa

(1) *Người con trai của Montpezat hiện nay là chồng của Công chúa Margareth con vua xứ Đanemark và sẽ kế vị lên ngôi Hoàng hậu xứ này.*

Quán sứ, đường Richaud do Hòa Thượng Tố-Liên, và Cựu Tổng-đốc Nguyễn năng Quốc. Phủ toàn quyền Pháp cũng có cho xuất bản một tuần báo dưới hình thức tạp san in tranh ảnh chính trị và văn nghệ: *L'Indochine*, (Đông Dương). Về chính trị, dĩ nhiên nó là cơ quan tuyên truyền chánh sách thực dân Pháp. Nhưng về văn học và khảo cứu, có nhiều bài có giá trị.

★ HẢI PHÒNG cũng có hai tờ báo Pháp ngữ của người Pháp, chuyên về chính trị và kinh tế: *Le Courrier d'Hải Phòng* và *L'Éveil Économique* (của Conche-rousset).

★ HUẾ. Đế đô Trung kỳ chỉ có hai tờ báo, cả hai đều do phái « Bảo Hoàng » chủ trương đề cao Bảo Đại và Nam Phương Hoàng hậu: *Tràng An* (Việt ngữ của Bùi huy Tín, chủ nhà in và nhà sách) *La Gazette de Huế* (Pháp ngữ, do Nguyễn tiến Lãng, viết văn Pháp, Phủ Doãn, Thừa Thiên và về Phạm Quỳnh, làm chủ bút) Phạm văn Kỳ, một thi sĩ làm thơ Pháp, khá nổi danh thi phẩm « *Une Voix sur la Voie* » xuất bản ở Saigòn được

gọi về cộng tác trong trang văn nghệ.

Hai tờ báo trên đây, chỉ có giới trí thức ở Huế đọc mà thôi không được lưu hành nhiều ở các tỉnh.

★ SAIGÒN. Nhật báo (tiếng bình dân thông dụng gọi là *nhật trình*) ở Thủ đô Nam-kỳ hồi bắt đầu chiến tranh thế giới, cũng hầu hết là những tờ báo xuất bản đã lâu năm, và chia làm hai loại.

Loại do tư bản Pháp xuất vốn ra làm, với sự cộng tác của những người Thượng lưu trưởng giả An-Nam, như *Điện Tín*, *Công luận* (hai ấn bản quốc ngữ của hai nhật báo Pháp *La Dépêche* và *l'Opinion*. Tờ *La Dépêche* và tờ *Điện-Tín* (của Heary de la Chevrotière, một thực dân khét tiếng ở Nam Kỳ) là hai tờ báo bán rất chạy ở Saigon và Lục tỉnh.

Loại thứ hai của tư bản An Nam, có tính cách hoàn toàn thương mại, như *Sài-Thành* (của Bút Trà Nguyễn-đức-Nhuận) hoặc của đảng phái chính trị, như *Đức Nhà Nam* (của Nguyễn-văn Sâm). *L'Écho Annamite* (của Nguyễn-phan-Long), v.v...

Báo Cộng-sản, (*La Lutte*) của nhóm Đệ-tứ quốc tế (Ta-thu-Thâu, Trần-văn-Thạch) và tờ

tuần báo của nhóm Đệ Tam (Dương Bạch Mai; Nguyễn-văn Tạo), vẫn còn hoạt động hồi đầu tháng 9. 1939.

Các báo Cách-mạng Quốc-Gia có xu hướng hơi quá khích một chút đều lần lượt bị đóng cửa hết.

Về văn nghệ, còn tờ tuần báo *Mai* (của Đào-trình-Nhất), có đôi chút ảnh hưởng đối với một số văn nghệ sĩ Nam kỳ.

Đó là tình trạng báo chí của « ba xứ An-Nam-mit » khi Đệ nhị Chiến tranh thế giới bùng nổ ở Âu châu.

★

D

ƯỚ I lớp vỏ bề ngoài, chính trị, xã hội, văn hóa này nở thịnh

vượng trong khuôn khổ đô hộ của chế độ thực dân Pháp, như tôi đã phát họa trên, Dân tộc « An Nam » vẫn còn say chìm trong giấc ngủ mê man của thế kỷ.

Việt-Nam chưa tỉnh dậy. Hồn Thiêng của Đất Nước Tiên Rồng như còn phảng phất đâu đâu trong các Đền đài linh thiêng của Lịch sử.

S

Sức dè nén thực tế, nhiều khi vô hình, nhưng luôn luôn hiện hữu, và kiên quyết của thực dân dùi cui (Colonialisme à la trique) mà kẻ cầm quyền Pháp và bọn tôi tớ vô liêm sỉ của họ gọi tăng bốc là « Thái bình Pháp, — La Paix française », hầu như được coi là một định luật và được đa số bất động chấp nhận như một sự kiện lịch sử.

Nói đúng, thì hơi thở của nhiệt khí cách mạng đã phun ra từng lúc, từng hồi, như một hỏa diệm sơn còn sôi ngậm trong lòng đất, tiếng gầm thét thỉnh thoảng đã vang lên, chuyển động bốn phương trời như một cơn bão thổi miên từ vạn cổ, nhưng thời tiết vẫn còn trong sáng, dân tâm chưa sôi động, dân tình còn xao lãng, lan man.

Vả lại, tiếng súng ở biên thùy Pháp-Đức cũng còn im ỉm. Chiến tranh khởi phát bằng sự lặng lẽ bất thường ở tiền tuyến. Hai bên địch thủ chĩa súng gờm nhau, nhưng chưa khai hỏa.

Các báo Pháp, Anh, Mỹ, và chung cả Thế giới bắt đầu bình luận liên miên về « chiến tranh quái gở — une drôle de guerre »,

TUẤN CHÀNG TRAI

mà một bên là Đức, một bên là Pháp và Anh, đều án binh bất động. Mỹ còn đứng ngoài vòng.

Nga còn nắm tay đồng lõa với Đức và đang âm thầm chuẩn bị.

Hitler vừa chiếm xong Dantzig, Ba-Lan, Tiệp-khắc. Autriche (Áo).

Thế giới có cảm tưởng như con cọp vừa ăn no nê mấy con mồi, nằm lim dim ngủ, chờ bụng đói sẽ vùng dậy băng rừng.

Cả thế giới đều hồi hộp đợi chờ. Ở Đông-Dương cũng vậy.

(Còn nữa)



★ Danh ngôn

Sách vở làm cho chúng ta vui nhiều và chính người đời làm cho chúng ta đau thương khổ ải nhất.

J. JONBERT

Thâu băng

Nhận thu băng, lấy gấp giá hạ, có thật nhiều đĩa : Ngoại-Quốc, Tân-nhạc, Cổ-nhạc, tuồng Cãi-Iương, đĩa học Anh-Ngữ. Có bán băng thu sẵn, đầy nhạc Stéreo, Hifi, chọn lọc giá hạ. Có nhận sửa Magné — Radio — Ampli và T.V.

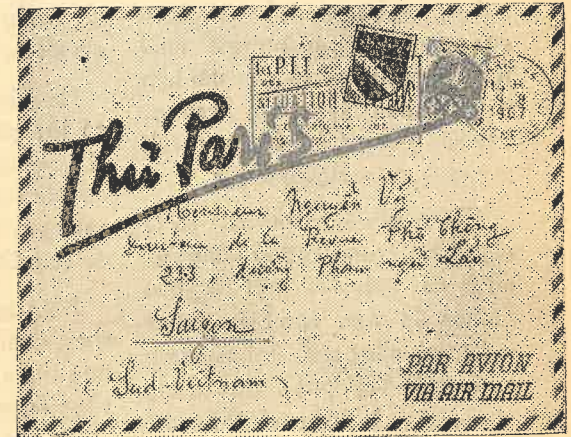
GIALONG'S RECORD 159 Gia-Long — SAIGON

NGUYỄN-VĂN-CỒN (Paris)

TẬP THƠ

GIỌT THỜI GIAN

► của Nữ - sĩ
MỘNG - TRUNG



Bạn thân mến,

Trong Bức Thư Paris trước, tôi đã nói về nhà thơ Pháp Jean Grosjean, được giải thưởng Thơ năm 1967.

Lần này tôi có dịp — lẽ tự nhiên với tất cả hân hoan — nói đến một nhà thơ Việt-Nam ở Paris, một nữ thi-sĩ thì đúng hơn, chị MỘNG-TRUNG tác giả tập thơ « GIỌT THỜI GIAN ».

Tập thơ này, in và bán tại Saigon ! Giáo-sư Hoàng-Xuân-Hàn đề tựa.

Nếu các bạn đã mua « Giọt Thời Gian », và tất nhiên đã đọc bài tựa của giáo sư Hoàng Xuân Hàn, thì lời giới thiệu của tôi hôm nay có lẽ là thừa. Nhưng tôi nghĩ có lẽ nhiều độc giả chưa mua tập thơ ấy nên tôi nói đến trong Bức Thư Paris này. Viết Bức Thư Paris mà có ngay tài liệu Paris thì còn gì tiện lợi hơn. Trong bài tựa giáo sư Hoàng-Xuân-Hàn đã viết :

« . . . Nữ-Sĩ là một tài-tử mà nghệ thuật đã được nhiều người ở Âu-Tây biết đến. Trong

những buổi hòa nhạc-học trú danh Trần-văn-Khê diễn về cổ-nhạc Việt-Nam, tôi đã được nghe giọng hò, giọng hát, giọng ca của nữ-sĩ có khi nhắm mắt ngồi nghe cảm tưởng về gần đôi Lim xứ Bắc, bến Ngự sông Hương, hay bên giòng Cửu-Long mênh mông ở miền Hậu giang.»

(Nhân dịp này, tôi nói rõ là chị Mộng-Trung không sống về nghề ca hát, như một tờ báo Saigon đã nói. Vẫn biết «nhút nghệ tinh, nhút thân vinh», nhưng sự thực không phải thế. Cũng như các sinh viên trí thức tu nhân ở bên này, khi nào có cuộc nói chuyện về thơ nhạc Việt Nam thì hễ người nào có tài ca hát lên hát cho vui, và để làm cho việc trình bày được thêm long trọng, Chẳng hạn như kỹ sư Đăng-Trần-Vân, Nữ giáo viên Nguyễn-thị-Hoàng. Chị Mộng-Trung cũng giúp việc như thế.

Trước khi đi nghỉ hè năm nay, anh bạn Trần-văn-Khê có nhã ý mời giáo sư Hoàng-Xuân Hân và tôi đến nhà dùng bữa cơm thân mật. Nơi đây chúng tôi được gặp chị Mộng-Trung và chị tặng tôi một tập «Giọt Thời Gian».

Đã có lần tôi được đọc thơ chị trên tạp chí Phở Thông ở Saigon, hoặc được nghe thơ chị trong những buổi hội họp gia đình.

Nay được cả một tập thơ lại có lời giới thiệu của giáo sư Hoàng-xuân-Hân, thì thật là một cơ hội may mắn. Khi đi nghỉ hè vài ngày tại bờ biển Dieppe, tôi đã đem theo «Giọt Thời Gian.»

Nằm tại một ngôi nhà nhỏ, xung-quanh đồng nội, cây xanh hoa thắm, tiếng sóng bề ru vắng vắng ở ngoài xa, tôi tưởng đâu như đang ở một túp nhà tranh, ở bãi biển Nước Ngọt hay Sầm-Sơn. Tôi đọc tập «Giọt Thời Gian» với ý định sẽ phê bình trong Phở Thông đề các bạn đọc được biết thêm một tác phẩm mới.

Khi đã đọc xong tập «Giọt Thời Gian» từ lời giới thiệu của giáo sư Hân đến câu thơ chót, cảm giác đầu tiên của tôi là sự nhận thức một tâm hồn nghệ sĩ hoàn toàn, phong phú, say sưa với nhạc điệu và tình thương.

— Về nhạc điệu, thì đó là khiếu riêng trời đất phú cho.

— Và tình thương thì sâu đậm dồi dào, mà ta có thể phân tách ra ba khía cạnh :

1) Tình thương nước trong cơn khói lửa.

2) Tình riêng cá nhân thân phận (Chị Mộng-Trung sống xa chồng, đông con, lo lắng cho các con học hành, và nay hầu hết đã đậu đặc về vang.)

3) Tình nhớ nước khi tạm trú ở quê người.

Với ba khía cạnh ấy, nhà nữ thi sĩ đã tạo nên những bài thơ xao xuyến, êm thắm, nao ruột, nhưng tất cả tình cảm ấy đã diễn tả một cách thanh tao, kín đáo, như giáo sư Hân đã nói « Là nhạc sĩ, là ca sĩ, nhà văn, nhiều khi cốt chú trọng vào âm điệu để gợi hồn thơ. Đọc giả thính nhạc quan chắc dễ cảm thông, những hình ảnh li kỳ chưa dễ khiến trực giác hấp nhận ý.»

Ngay ở bài thơ đầu, ta đã nhận thấy những nỗi cảm hoài, những mối lo âu trang trọng (préoccupations sérieuses) :

« *Đây chẳng phải lòng đời
giam cánh nhỏ,
Đem vàng son gói chắt chi
tang bằng;*

*Đây mái ăm đời chim trời
bạt gió.*

*Trong bão bùng mồn mõi
dặm non sông.*

*Đây tất cả mối niềm thương
thanh khiết*

*Sẵn dành đem tha thết gửi
cho người »,*

(GIỌT THỜI GIAN)

Đã sẵn một tâm hồn nhiều xúc cảm, lẽ tất nhiên, trước chiến tranh tàn khốc ở quê hương, xứ sở, Mộng-Trung đã cho ta thấy những nỗi đau khổ của mình :

« *Muôn sông hận, bụi thù
lên lớp lớp*

*Tháng năm dài xương máu
ngập quê hương,*

*Tôi muốn tìm uống giọt
nước giòng thương.*

*Một người mẹ, cha, anh trong
nguồn sống mới.*

*Cho dịu nỗi hờn đau mong
đời*

*Một tình thương cao rộng
biển trời. »*

(LÒNG ĐỨA CON CỎI)

Và trong cảnh ấy, biết bao nhiều còi lòng bị tan xé :

« *Mấy mươi năm khói lửa
Đòng thương chưa nổi liền
Bao thân già tựa cửa.*

Nhìn con, chồng theo vận
nước đảo điên.
Thịt nát, máu rơi, tình rời,
tơ đứt.
Trên vạn nẻo đời, ai còn ai
mất, hỏi ai ơi!»
(ĐUỜNG MỘNG VỀ QUÊ)

đề đến nỗi :
« Sóng loạn cuốn chìm duyên
mỏng mảnh
Nẻo đời đôi ngã hận thiên
chung.»
và không bao giờ quên rằng :
Đồng bằng rừng thẳm non
cao.
Bà miền ruột thịt kết sầu
ân tình.»

— Về tình cá nhân « ai sống
bên trời lẻ bạn, « ai xa vắng
gia đình », mà chẳng bù ngùi
thương xót.

Ta hãy nghe Mộng-Trung,
những khi ở dưới trời Tây, gió
bắc, sương mù, tuyết phủ cô
quạnh, một mình than thở :
« Bão tố lùa chân mộng
Máu lửa cuốn mơ êm
Tương lai vòng tang trắng
Gối thê nay loi-lẻ mái đầu
xanh.»

(ĐUỜNG MỘNG VỀ QUÊ)
và hai câu :
« Uyên-wong vạn ngã sầu
xuân đến

Thương gối thê xưa lệ thấm
vàng.»
(XUÂN KHÓI LỬA)

hay những câu, tuy buồn,
nhưng rất đẹp :

« Xa mù gốc bể ven mây
Thời gian đặng - đặng khóa
đầy ước mong
Ngàn trùng cách núi cách
sông.
Sao cầu chẳng bắt cho lòng
gặp nhau.
Nước trôi bèo dạt lao đao
Rút đi bao ngã duyên cau
tình trầu.
Lửa nồng đốt nén hương
đâu.

Sáng ngời hy vọng cháy sầu
vào hồn.»

— Chị Mộng Trung, cũng
như bao người Việt xa xứ,
không sao tránh khỏi được
những lúc buồn tủi, chán nản, và
khi đưa tầm mắt nhìn chân trời
xa xa, rồi tự hỏi như nàng Kiều.
« Bốn phương mây trắng
một màu,
Trông vời cổ quốc biết đâu
là nhà? »

— Chị Mộng-Trung là người
gốc gác ở Nam-Bộ, nên trong
khi viết những câu nhớ đất nước,
ta tưởng đâu như đang đứng

trước vườn trầu ở miệt Lái-
Thieu Gò-Vấp, vườn măng ở
Biên-Dương, giồng nước mênh
mông của miền Hậu-Giang;
ruộng đồng của miền Long-
Xuyên, Châu-Đốc :

« Ngọt ngào bóng lúa lòng
khoai
Mưa rơi đếm hạt, nắng dài
đếm giây.

Và trong bài « Tình người
thôn nữ » có nhiều hình ảnh
rất đẹp :

« Cau ngon vun vút trái
đơm buồng
Chuối ngọt treo quây trê
xuống nương
Hiu-hắt hồn tre ru xóm
vắng
Rau chòm, quế khóm ngọt
đưa hương »

Đẹp quá, và nhiều kỷ niệm,
thì làm sao quên được :

« Long-giang chín khúc biết
bao tình
Mở rộng tay ôm giải đất
xinh
Nước Việt chảy trong lòng
đất Việt
Cùng nhau vạn thuở ven
trung trinh.»

Ta đã đi qua ba đoạn « tình
thương của Mộng-Trung » và
một phần nào ta được biết tâm
hồn của nữ sĩ. Tuy đó là về mặt
ý tưởng, nhưng qua các câu thơ
mà tôi đã dẫn chứng, các bạn

cũng đã thưởng thức tài nghệ
của Mộng-Trung.

Thê Văn. Bây giờ ta hãy
xem cách đặt câu, dùng chữ của
Mộng-Trung. Ta nhận thấy Mộng-
Trung hành văn một cách rất
thận trọng. Đề diễn tả một ý
tưởng, hay một cảnh vật, ta
thấy nhà thơ dùng chữ, danh từ
một cách xác định, không vội
vàng hấp tấp, không « nhẹ dạ »
dùng những chữ không có giá trị
gì và chỉ để cho đủ chữ đủ vắn.
Ta thấy Mộng-Trung đã nhiều
công phu tìm tòi, cân nhắc. Thí
dụ như những câu sau đây :
« Hãy dừng lại cho đêm
đừng bén giấc
Nụ cười xuân không chết
mất giữa màu tươi.

và
« Trái hiện tại còn dựa cây
dĩ-vãng,
Nắng nàiệm màu chan hằng
hái êm hòa
Gieo tin tưởng một ngày mai
rực rỡ.»

(GỌI NẮNG XUÂN)
Và cũng trong bài đó, khi
chiều dần xuống :

« Tỏa sơn thắm thoa lòng
sông ngáy ngất
Lệ trời khoan đầm ướt mắt
sao khuya
Bóng trắng côi chưa thắm
lối giao thê,
Gió lạnh chẳng xát tê lòng
vạn vật »

Đọc mấy câu đó, ta thấy cách dùng chữ chặt chẽ, lựa lọc, dẫn dắt, và như thế tức phải mất nhiều công phu, nhiều thì giờ tìm kiếm. Đó là đặc sắc của một thi sĩ.

Và đây là những câu thật là « thực nữ, duyên dáng » :

« Ngược xuôi, mới cũ, loạn bình,

Lẳng trong cuộc sống có mình có ta;

Sợi tình gặp mối duyên xa,

Một giờ dẹt mấy vắn thơ ta lòng.

(GỬI NGƯỜI BẠN GÁI)

hay là những câu :

« Tôi hát cho muôn người

Tôi hát cho lòng tôi

Gọi tình ai bốn phương trời

Thương về nước Việt xa xôi

muôn trùng.

(THƯƠNG VỀ QUÊ MẸ)

Kết luận

Tôi xưa nay vẫn đề tâm tìm kiếm trong văn học nước nhà (cả thời xưa lẫn thời nay). Chỉ tiếc một nỗi là tôi xa quê hương, không có dịp đọc các tác phẩm mới, xuất bản ở quốc nội. Mặc dầu thế, khi nào có thể, tôi cũng đã nói về thi văn

của Tôn-Nữ Hỷ Khương, Tuệ Mai (ở Saigon), Mạch-Quế-Hương (Vĩnh Bình), Tuấn Kiệt (Saigon). Nay tôi có dịp may nhận thấy và nói đến một chân tài trong thi giới, nhất là nữ giới trú ngụ tại nước ngoài. Tôi mong các bạn sẽ tìm đọc tập « Giọt Thời Gian » để thưởng thức tài nghệ của một nhà nữ thi sĩ của Việt - Nam ở xứ ngoài. Các bạn sẽ không tốn thì giờ, không thất vọng, và sẽ biết thêm nỗi lòng của những người xa-xứ, mà Mộng Trung đã diễn tả một cách thanh tú, sâu đậm, tài hoa. Và như bị lôi cuốn bởi không khí thơ nhạc, tôi đã dịch ra tiếng Pháp mấy câu thơ sau đây của « Giọt Thời Gian » trong bài « Gọi nắng Xuân ».

« Tỏa son thăm thoa lòng
sông ngáy ngất

Lệ trời khoan đầm ướt mắt
sao khuya,

Bóng trắng cỏi chưa thăm
lối giao thừa

Giờ lạnh chẳng xát tê lòng
vạn vật.»

Tôi đã tạm dịch bốn câu thơ đó sang Pháp ngữ như sau đây :

« Le soleil couchant baigne d'une

ivresse écarlate le coeur du
fleuve,

Les larmes de la nuit hésitent à
mouiller de clarté les yeux
des étoiles.

La lune solitaire n'a pas, de sa
lumière crue, envahie le sen-
tier des serments d'amour.

Le vent n'a pas de ses doigts
glacés meurtri le coeur de
mille êtres.»

Tuy những câu dịch không đậm đà bằng câu thơ Việt, nhưng những bạn nào thường đọc thơ ngoại quốc, cũng thấy

những câu thơ Mộng Trung, không kém phần xuất sắc đối với thi văn ngoại ngữ.

Lời dẫn— Với những bạn nào mua tập thơ « Giọt thời Gian », tôi xin nhắc là nên đọc kỹ bản đính-chính, vì có nhiều chữ in lầm.

NGUYEN VĂN CỐN

(1) « Giọt thời gian », do tác giả xuất bản; in tại nhà in Nam Phương, Gia Định, do nhà sách Tân-Sinh số 116, đường Đinh Tiên-Hoàng, Saigon, phát hành.



Vô lý mà hợp lý

Cuộc đời đầy đầy những cái vô lý đến trơ trẽn, không thấy hợp lý chút nào cả.

Nhưng bạn biết tại sao không ? Tại nó hợp lý. (La vie est pleine d'absurdités qui peuvent avoir l'effronterie de ne pas paraître vraisemblables. Et savez vous pourquoi ? Parce que ces absurdités sont vraies).

Luigi PIRANDELLO

* nhảm

Hầu hết những cái chúng ta gọi là sự nhảm lẫn đều là phương thuốc ở chính trường. (Presque tout ce que nous appelons un abus fut un remède dans les institutions potitiques).

Joseph JOUBERT

Vũ - nữ, nữ gián - điệp Quốc - tế

MATA-HARI

bị án TỬ HÌNH



CÓ OAN KHÔNG ?

★ TÁN-PHONG

● MATA-HARI bị bắt và đưa ra tòa án Bính.

(Tiếp theo P.T. 198)

MATA-HARI đi trên tàu *Hollandia*, vượt sóng trùng dương bình an vô sự. Nhưng tàu vừa đến Hải-cảng Falmonth thì nàng ngạc nhiên thấy cảnh sát Anh lên tàu mời nàng đi với họ đến London để họ điều tra và lấy khẩu cung !

Bị Mật vụ Anh tra tấn, Mata-Hari nói rằng nàng được sự vụ lệnh đi trình thám cho ban tình báo Pháp.

Nàng khai đúng sự thật, không cần phải giấu giếm vì Anh với Pháp là

MATA-HARI

hai nước Đồng - Minh đang chung sức để đánh Đức.

Vậy tại sao Mật-vụ Anh lại bắt giam nàng, và tra tấn? Nhưng cô vũ nữ tài hoa kiêm nữ gián điệp tập sự của Pháp không biết rằng chính Mật vụ Pháp đã bị mật báo tin cho Mật vụ Anh biết ngày giờ và chuyến tàu mà nàng đi qua Anh, do chính Ban gián điệp Pháp phái đi, để nhờ Mật vụ Anh tra tấn xem nàng có làm gián điệp cho Đức không ?

Tra tấn không có kết quả gì, Mật vụ Anh trả tự do cho nàng và trục xuất nàng ra khỏi đất Anh. Nàng trở lại Espagne. Trong lúc đó, một trong sáu tên gián điệp Đồng-Minh Anh-Pháp mà nàng được lệnh phải tiếp xúc ở Bruxelles, thủ đô nước Bỉ, lại bị người Đức bắt được và xử bắn. Được tin này, ban tình báo Anh cho Mật vụ Pháp biết rằng Mata-Hari phải chịu trách nhiệm về cái chết kia và cho rằng Mata-Hari đã mật báo tên gián điệp đó cho mật vụ Đức bắt. Lời tố cáo của gián điệp Anh cũng không có bằng cứ cụ thể nào cả. Chỉ là giả thuyết mà thôi.

Xét bề ngoài thì hành vi và cử chỉ của Mata-Hari ở Espagne

rất đáng nghi ngờ. Thí dụ như khi nàng vừa bị Mật vụ Anh đuổi về Espagne, thì tại nơi đây nàng trở thành tình nhân của Thiếu tá Kalle, và của Von Krohn là tùy viên quân sự và tùy viên Hải quân của Toà Đại-Sứ Đức ở Madrid. Chính trong lúc này các tàu bè của Anh và Pháp đi trên hải phận Espagne cứ bị tàu Đức nhận đánh chìm luôn một cách rất bất ngờ.

Ngày 2-1-1917, Mata Hari trở về Paris. Nàng yền tri rằng nàng hoàn toàn vô tội, không làm điều gì phản bội quyền lợi nước Pháp, và sở gián điệp Pháp, nên nàng vẫn sống phây phây giữa thủ đô Paris, mặc dầu đang bị Mật vụ Pháp theo dõi sát chân.

Đồng thời, thiếu tá Kalle, tùy viên quân sự Đức ở Madrid, lại đánh vô tuyến-điện mật cho tên trùm gián điệp Đức ở Hoà-Lan, bảo phải gửi một điện phiếu 15.000 marks cho gián điệp H21. Đài vô tuyến của Tháp Eiffel bắt được mật lệnh của Kalle, liền báo tin cho ban tình báo Pháp biết ngay. Ban này sừng sốt sau khi điều tra mật và khám phá ra rằng gián điệp H21 chính là Mata-Hari ! Do sự khám phá này

mà đáng lẽ Mata-Hari đã bị Mật vụ Pháp bắt đầu tháng 1-1917, nhưng không hiểu sao mãi đến ngày 13-2 nàng mới bị. Trong thời gian gần một tháng rưỡi đó, đáng lẽ nàng trốn đi xứ khác cũng được, hoặc nàng qua Đức để được bảo vệ tinh mạng, nhưng không, nàng vẫn đi nhàn ở lại Paris. Nàng vẫn đi chơi trong thành phố, giao du với các khách « anh hùng mã thượng » từ các xứ Âu-Mỹ đến kinh đô Ánh Sáng, cho đến khi viên Cảnh sát trưởng Priolet của Sở Phấn gián điệp Pháp đến bắt nàng trong lúc nàng đang ngủ trong một khách sạn sang nhất ở Paris, Elysée Palace Hotel.

Ngày 24.7-1917, vụ Mata-Hari được đưa ra Tòa án quân sự về tội gián điệp cho Đức và làm nguy hại đến an ninh của Pháp và Đồng minh trong lúc chiến tranh.

Trước tòa, Mata Hari vẫn phớt tỉnh như không biết gì về trọng tội của mình, tự tin rằng mình hoàn toàn vô tội. Không có bằng chứng cụ thể nào cả. Tòa tố cáo nàng đã giao du thân mật với các sĩ quan và nhân vật cao cấp của địch, nàng không chối. Trái lại, nàng bảo :

— Tôi chỉ thích giao với nhà binh, vì tôi thích những hạng người ưa phiêu lưu, không nguy hiểm đến tinh mạng, không sợ chết. Họ là những kẻ anh hùng của thời đại, bất cứ là của xứ nào.

Tòa hỏi :

— Cô có nhận 30.000 đồng marks của viên giám đốc sở gián điệp Đức, có không ?

Nàng mỉm cười đáp :

— Thưa có. Nhân vật thượng cấp ấy của Đức có tặng tôi 30.000 marks, nhưng không phải để trả tiền một công tác gì về gián điệp, mà là để trả tiền thù lao hai đêm ông ấy ngủ với tôi.

Quan Tòa cũng biết chán rằng viên giám đốc sở tình báo và gián điệp Đức có ngủ hai đêm với nàng, nhưng Tòa không tin rằng y tặng cho cô tinh nhân số tiền quá lớn lao như thế.

Mata-Hari điềm nhiên trả lời :

— Thưa, đó là « ta rip » của tôi. Không ai nghĩ với tôi mà trả cho tôi số tiền ít hơn.

Có điều lý thú trong phiên tòa này, là rất đông nhân vật cao cấp trong các chính giới Pháp và quốc tế, cả dân sự và quân sự.

đều ra trước vành móng ngựa để làm chứng rằng lời nói của Mata-Hari là đúng với sự thật. Có những ông Bộ trưởng, những Tướng lãnh, lại thú nhận rằng họ còn cho nàng nhiều hơn nữa kia.

Tóm lại, tất cả những điều người ta biết về các phiên tòa xử Mata Hari đều chứng minh rằng nàng là một cô gái điểm hạng sang nhất thế giới, chứ không phải một nữ gián điệp viên.

Nhưng Trung Ủy Marnet, người ghé Biện lý, buộc tội :

— Nếu cô phủ nhận làm nghề gián điệp, sao có một đạo nào đó cô đã nhận làm gián điệp cho Pháp ?

Mata-Hari luôn luôn không mất điềm tĩnh, trả lời thẳng thắn :

— Tôi bắt buộc phải nhận làm gián điệp cho Pháp trong lúc tôi bị Mật vụ Pháp ra lệnh trục xuất tôi, và lúc ấy tôi lại không có tiền.

Quan tòa bảo :

— Làm gián điệp vì tiền, thì hèn hạ quá.

Mata-Hari tức giận, trả lời gay gắt :

— Dù sao tôi cũng không phải là một công dân Pháp, và tôi không có một bồn phận nào về lương tâm đối với nước Pháp cả. Những công tác tôi đã làm đều giúp ích cho nước Pháp chứ không hề có nguy hại. Đó là tất cả những gì tôi cần phải tuyên bố rõ rệt. Tôi chỉ là một người đàn bà khốn khổ bị một vài viên sĩ quan Pháp không biết nịnh đầm, không tán tỉnh được tôi, rồi thù oán kiếm cách làm hại tôi, buộc cho tôi những tội lỗi mà tôi không hề can phạm.

Rồi, bằng một giọng chanh chua vừa uất ức, Mata-Hari chỉ vào mặt Trung Ủy Mornet, người buộc tội nàng :

— Con người này thật là tàn nhẫn !

Hình như Tòa có một vài bằng cứ cụ thể khá nặng để buộc tội Mata Hari, nhưng Tòa không đưa ra. Có lẽ vì phải giữ kín một bí mật quân sự nào đó chăng ? Nên mặc dầu trạng sư bào chữa rất khéo, Quan Tòa vẫn cương quyết kết án Mata Hari là trình thám của địch, và giao du thân mật với các viên chức cao cấp trong Bộ Tổng tham mưu và Bộ Chiến tranh Pháp để dò lấy tin tức cho địch.

Trạng sư của Mata-Hari, Me Clunet, là một luật sư danh tiếng, và cũng là một người say mê nàng rất hăng hái bảo chữa cho người đẹp, yêu cầu một người chứng cuối cùng ra trước vành móng ngựa. Quan tòa và tất cả cử tọa đều hết sức ngạc nhiên. Quan tòa hỏi Mata Hari :

— Tại sao cô mời ông này ra làm chứng ?

Mata-Hari :

— Ông này là một nhân vật ở một trong những địa vị cao lớn nhất của nước Pháp. Ông biết hết tất cả những kế hoạch quân sự của chính phủ Pháp. Ông là người tình đầu tiên của tôi sau khi tôi ly dị với chồng. Chúng tôi yên nhau đã lâu lắm. Khi tôi bị Mật vụ Anh cầm tôi ở Anh quốc và trục xuất tôi về Espagne, tôi gặp lại ông. Chúng tôi ở chung với nhau ba đêm. Nay tôi xin hỏi ông câu này : Suốt trong 3 ngày 3 đêm ấy, có lúc nào tôi hỏi ông bất cứ một tin tức gì về quân sự không ? Tôi có lợi dụng tinh thần mật ấy để đó là bắt của một bí mật nào về quân sự không ?

Người làm chứng, chính là Đại sứ Pháp ở Anh quốc, bình tĩnh vì rờng quyết trả lời :

— Bà không hề hỏi tôi một câu nào cả.

Quan tòa :

— Tôi không tin rằng hai người sống chung với nhau mấy ngày đêm, giữa lúc chiến tranh đang quyết liệt nhất, mà không hề nói với nhau một câu gì về chiến tranh cả.

Ông Đại sứ trả lời :

— Chuyện khó tin, đúng thế, nhưng là chuyện thật. Chúng tôi không nói một câu nào về chiến tranh cả. Chúng tôi chỉ nói toàn về nghệ thuật, nghệ thuật Đông phương.

Toà nghỉ 10 phút để thảo luận trong phòng kín. Các vị thẩm án phải trả lời về 7 điểm :

1. Bị cáo có bí mật giao thiệp với địch ở xứ Espagne trong năm 1916, có hay không ?
2. Ở Hòa Lan, có hay không ?
3. Ở Pháp, có hay không ?
4. Bị cáo có trao cho gián điệp Đức ở Espagne những tin tức về quân sự, có hay không ?
5. Bị cáo có báo tin cho địch biết trước cuộc tổng phản công của Pháp, có hay không ?
6. Bị cáo có vào phi trường quân sự Paris, lấy tin tức về

Không quân Pháp để trao cho địch, có hay không ?

7. Bị cáo có báo tin cho địch biết về sự Pháp đã phát minh một chất hoá học mới để làm ra thứ mực viết không thấy chữ, có hay không ?

Tất cả các quan tòa đều đồng thanh trả lời : *Có*, và đồng thanh kết án Mata-Hari tội tử hình.

Nghe xong bản án, Luật sư Clunet gục đầu xuống bàn khóc nức nở. Mata Hari vẫn thản nhiên.

● Mata - Hari tại pháp trường Vincennes.

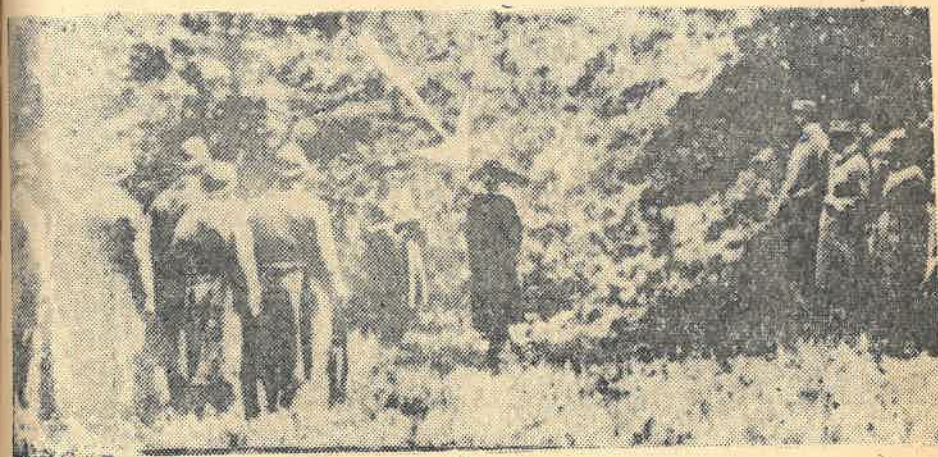
Đơn xin ân xá đã bị Tổng thống Pháp bác bỏ.

Tảng sáng ngày 15-10-1917, chiến tranh Pháp—Đức đang vào thời kỳ quyết liệt nhất, Mata Hari bị đưa lên chiếc xe kín bị bùng đến khu rừng Vincennes ở ngoại ô Paris.

Trước đó hai hôm, bác sĩ Socquet săn sóc sức khỏe cho Mata-Hari còn bảo khỏe với nàng :

— Theo điều khoản 27 của Hình Luật có nói : « Nếu một người đàn bà bị án tử hình, mà dạng có thai, và nếu bác sĩ khám nghiệm là nàng quả thật có thai thì bản án tử hình chỉ được thi hành sau khi người ấy sanh con »

Bác sĩ Socquet bảo nàng cứ khai là đang có thai, rồi bác sĩ sẽ sắp



đặt, để có thể trì hoãn ngày xử tử được một thời gian, Nhưng Mata Hari cười :

— Chết hay sống chẳng có nghĩa lý gì cả. Chỉ là một sự thay hình đổi xác mà thôi.

Và nàng từ chối mưu mô nhân đạo của bác sĩ muốn cứu nàng.

Binh lính sắp hàng ba trước ụ đất dùng làm nơi hành hình. Một bà Xơ bước đến an ủi nàng, nàng đáp :

— Ô, bọn người Pháp ấy ! Họ giết cái thân này có ích lợi gì cho họ đâu ? Đâu có phải giết tôi mà họ sẽ thắng trận ?

Luật sư Clunet đến hôn nàng lần cuối cùng. Lục sự lấy miếng lụa hồng bịt mắt nàng, nhưng nàng không cho, kiêu hãnh bảo :

— Mata-Hari đâu có sợ chết.

Khi viên Thiếu-úy chỉ huy đoàn quân hành hình đưa cao gươm lên để làm dấu hiệu, nàng nhìn thẳng vào mặt y, nói câu cuối cùng :

— Tôi cảm ơn ông.

Mười hai viên đạn bắn vào nàng, một viên rớt ra ngoài do một người lính cố ý bắn trật. Viên Thiếu úy chỉ huy trưởng tiến đến xác nàng đã gục xuống cỏ, bắn một phát súng lục vào thái dương nàng, theo luật pháp đã định.

Binh sĩ làm xong nhiệm vụ sắp hàng đi qua trước thi thể của nàng, nhịp theo tiếng kèn và tiếng trống.

Người ta giả vờ chôn nàng, nhưng sự thật thì họ đem xác Mata Hari vào một bệnh viện để dùng làm vật mổ xẻ cho sinh viên y khoa học tập !

★ MATA-HARI CHẾT OAN.

Nhưng tấn thảm kịch tại khu rừng Vincennes chưa hẳn đã hạ màn.

Mấy ngày sau, một tờ nhật báo lớn ở Batavia, thuộc địa Hòa lan, viết bài công kích nước Pháp rất dữ dội, cho rằng Mata-Hari chết oan. Các báo Pháp, Anh, Mỹ, có cả báo Đức phụ họa theo, cũng nhao nhao phản đối bản án của Tòa án quân sự Pháp. Dư luận cho rằng đây là một bản án làm xúc phạm đến danh dự của nước Pháp, vì không có bằng chứng nào cụ thể về tội gián điệp của Mata Hari.

Viên Trung Úy biện lý khẳng khái buộc tội nàng chính là một kẻ say mê nàng, nhưng không được nàng yêu, quyết tâm hại nàng, và quan tòa chỉ lo trốn tránh trách nhiệm đối với Bộ Chiến tranh... Hiện nay nghi vấn Mata-Hari vẫn còn được nhắc lại trong các sách báo quốc tế.



★ KIM-HÀI (Huế)

TÔI bước đi mệt mỏi và u-sầu, con đường dài xa ngút mắt chan hòa ánh

nắng còn gay gắt buổi đầu Thu. Mặt nhựa lồi lõm trơn đá sần sùi. Chắc hai lá phổi tôi cũng biến dạng đến thế là cùng. Tôi vừa ở phòng bệnh ra, sau cả giờ chầu chực để được mua lấy những ý tưởng ưu phiền. Con bệnh ôm bờ lấy tôi như gặp kẻ thân tình. Tôi nhớ rõ ánh mắt ái ngại của bác sĩ khi cho đơn thuốc.

— Cô... cô nên tính dưỡng. Phổi cô không được tốt đâu.

— Cảm ơn bác sĩ, tôi sẽ tự lo lấy.. chào bác sĩ.

Rồi tôi bỏ đi thản nhiên đến lạnh lùng. Ra khỏi phòng khám, tôi đi ngược dọc theo sông mùa ête còn vương vất trong miệng. Môi khô rát, đắng mẫn. Mồ hôi và cả lên lưng áo, lên trán, hai bàn tay lạnh ngắt lây nhầy, ngực nặng nề. Hơi nhựa đường xông lên ngực thờ. Những ý tưởng trong óc quay ngược, đảo lộn, bực bội.

Đến Pharmacie, tôi mở xác xem lại toa thuốc, những hàng chữ nhầy mứa, tôi chợt thấy tay đang

run nhẹ, đặt toa thuốc lên bàn. Tôi bước đến bàn cân. Sức nặng tôi trời sực bất ngờ và đáng sợ: 37 cân, Tôi bệ rạc đến thế ư ?

— Thuốc của cô.

Lại những ánh mắt ái ngại, Tôi ho khan. Cô giữ caisse thun mũi, khinh khỉnh. Tôi trở thành kẻ nhiều hại rồi sao ? Thật ra đâu phải đây là lần đầu tiên tôi mua thuốc. Song lần này, tôi nhận xét kỹ hơn và biết bệnh mình đến thời kỳ tàn tạ.

Tôi đón nhận sự việc đó hiển nhiên, bởi rằng những đau đớn đã thành quen thuộc. Chỉ có thân xác càng ngày càng kém sút. Tôi không nhận ra tôi nữa. Tranh đấu với bệnh tật nhiều rồi, song những ổ vi trùng ăn náu tận góc phổi, tế bào vân sinh sôi nảy nở không ngừng. Tôi dành bất lực. Tự tận diệt một ít đời sống nhỏ bé, ký sinh mà cũng thật khó khăn.

Ánh nắng chiếu bóng rất cả mặt, mây trắng bành bồng nhẹ bay, khoảng xanh kia của trời thật mát nhưng sao xa quá. Làm sao tôi thở hít được màu khí xanh lơ trong suốt kia. Tầm tay thì giới hạn mà ước vọng quá hào huyền. Huyền hoặc như thần thoại

ngàn năm, như tình yêu tôi đang theo đuổi, bắt đầu trong chầm chầm dứt.

Gặp Lam lần đầu trong một buổi nói chuyện do trường Đại học văn khoa tổ chức. Buổi gặp gỡ in sâu vào trí nhớ như một vết hằn trên đá.

Tôi nhớ rõ lắm, hôm ấy là buổi chiều nhẹ và êm đềm, đi qua giảng đường văn khoa thấy đông người, nhân lúc rảnh rồi tôi ghé lại. Đông quá chen vào được bên trong tôi gần như ngộp thở bởi rừng người. Định lui ra nhưng đường nghẽn lối tôi dựa lưng vào tường, nhìn quanh tìm ghế trống.

— Cô có thể ngồi chỗ này, còn trống.

Tôi quay lại, ngay bên rìa lối đi, một ghế vẫn còn trống, mừng quá, tôi vội vả cảm ơn và len vào.

Diễn giả đang thao thao bất tuyệt, micro hư, tiếng khuếch âm kêu sè sè khó nghe quá. Tôi không thể nào theo rồi được vấn đề. Chợt nhớ mình không xem tấm áp phích ghi chủ đề buổi nói chuyện hôm nay. Tôi quay sang người chỉ ghế :

— Thưa ông, diễn giả đang trình bày câu chuyện gì ạ ? Tôi vô ý không xem chương trình trước...

Lam, chính là người đàn ông ấy, mỉm cười nhìn tôi. Lúc đó, người tôi như ngộp bởi ánh mắt của chàng, êm dịu, trong sáng đầy an ủi khuyến khích :

— Cô thử đoán xem.

Tôi lúng túng, ấp úng, rồi lắc đầu.

— Ông ấy đang kết luận buổi nói chuyện cô a !

Chủ đề : « Tâm linh và thể xác của con người ».

Tôi sượng sùng, đỏ mặt. Thế ra mình vào đây thật ồong công.

Lam nhìn tôi ái ngại :

— Nếu cô rảnh, ra khỏi giảng đường, tôi sẽ tóm tắt lại giúp cô. Ở đây ồn quá. Một đề tài thật hay. Không nghe được thì xui thật.

Tôi bằng lòng, đứng lên theo Lam ra ngoài chúng tôi đi vào một quán nước ở cạnh trường, có âm nhạc buồn nức nở.

Nếu ta đừng quên nhau, thì đời chưa vương âu sầu

Ngày xanh chưa nhuộm thương đau
Màu hoa chưa úa phai màu...

Tiếng hát lan tràn, bay bổng, Ly nước cam lạnh ngắt trong tay. Tôi nhìn Lam. Ánh mắt Lam êm dịu tràn trề như du tôi vào mộng tưởng. Một ước mơ nhỏ len lỏi vào tận cùng ý thức, không khí loãng ra bồng bênh.

— ... Sự tĩnh lặng của tâm hồn lên tới tuyệt đối thì uy lực sẽ vô cùng. Thế nào cô đồng ý với diễn giả chứ ?

Tôi giật mình, xoay ly nước một vòng, nhìn vào tay Lam.

— A vâng... tôi đồng ý hoàn toàn.

Buổi chiều đó thật đẹp ; chúng tôi quen nhau, bắt đầu nhớ nhau đề rồi yêu nhau. Tình yêu đến nhanh tựa hai đám mây ở cạnh, kết hợp chan hòa và lẫn lộn. Tuy vậy, hình như Lam có điều gì lo nghĩ, và chưa bao giờ Lam nói yêu tôi, dù trong linh cảm tôi biết Lam rất yêu tôi.

Cho đến một hôm, những lời tôi mong đợi đã đến, nhưng cùng một lúc Lam cho tôi biết chàng đã có vợ. Tôi nhớ thật rõ, tôi

không khóc trong lúc đó hay ít nhất, lúc đối diện với Lam. Tôi đứng dậy, ánh sáng nháy múa, lung linh, bầu trời cao xa xôi, nhoè nhoẹt. Trí óc trống rỗng. Tôi nhìn Lam. Có tiếng thủy tinh vỡ sắc vụn :

— Hà hiền giúp anh, anh điên quá, đáng nhẽ anh không nên yêu em, không được nói yêu em, phải xa em, nhưng anh không cưỡng được, và anh cũng không thể đổi em. Aah xin lỗi Hà., Hà..

Tôi ngồi xuống, 2 bên màng ang nhức buốt, ngực nặng nề khó thở. Bên ngoài, tiếng cười ai vang lên vo tròn đập mạnh vào tim. Tôi đứng dậy, trong vô thức :

— Em xin lỗi, em phải về.

— Hà, Hà, đừng anh...

— Không, Lam — Xích lê.

Về tận nhà, một mình trong căn phòng nhỏ, tôi nằm vật xuống giường, mắt mở to nhìn lên trần nhà. Xương sống lạnh giá. Rồi không dần được, tôi khóc dữ dội.

Mọi việc như một giấc mơ. Xảy ra, kết thúc nhanh quá, nhanh đến nỗi tôi không có được một dự định cho tương lai, kể cả cách ngăn. Tuy nhiên tất cả đã xảy ra, Lam còn đây hẳn sâu

trong trí nhớ với những nhớ thương, đau đớn, những đờ vờ hẳn nhiên, nhanh chóng đến phi lý.

Từ đó, tôi vùi đầu vào công việc, măm bệnh có cơ phát triển dữ dội. Với tình yêu tôi đã thất bại hoàn toàn, ngay cả khi chưa mở đầu cuộc tranh đấu. Bởi vậy, với cơn bệnh hiểm nghèo này tôi bực tức cho mình, tôi cố gắng diệt lần từng ô sâu trong phổi bằng trăm loại thuốc trụ sinh, bằng cả công việc nữa.

Mặc lời khuyên của Bác sĩ, tôi vẫn cố ý nghĩ điên rồ : hành hạ thân xác mình là hành hạ kẻ thù ký sinh đó, để nó biết thân đi cư đi nơi khác trừ phú hơn thân thể này. Ý tưởng ngây ngốc ấy chĩa hiệu sao cứ ám ảnh tôi mãi. Trong nhịp thở từng bước đi, tôi cố gắng làm tận sức, tận lực.

Bây giờ tôi hoàn toàn thất bại, tình yêu vượt đi mau chóng và bệnh tật không từ bỏ. Thân xác nhọc nhằn liên tục những đau buồn. Đôi khi tôi để hồn mơ về chuỗi ngày hoa ngọc củ, sống lại tuổi ấu thơ êm đềm bên giòng sông nhỏ giữa hai hàng dừa xanh mướt lá. Nhưng, nghĩ vẫn vợ một

lúc lại cũng đưa đến Lam với những đau đớn âm thầm. Hình bóng Lam càng ngày càng sâu đậm trong tôi, ánh mắt, nụ cười, dáng đi len sâu vào nhịp thở; Sáng rõ, linh động vô cùng. Đôi lúc, tôi thêm được nhìn Lam, được nghe tiếng nói của Lam êm đềm, trầm dịu. Nhưng khi thấy bóng dáng Lam từ xa, tôi lại lần tránh rồi buồn bã riêng mình.

✧

Ngang qua giảng đường vẫn khỏe, tôi rẽ vào cánh cửa chỉ mở hé bên trong tối lạnh, hai dãy ghế trống trơn đầy bụi, cuối hạ rồi. Giảng đường im lặng. Tôi ngồi trên chiếc ghế cũ, mắt nhắm lại. Bài hát năm nào khi mới gặp nhau nhức buốt trong óc.

Nếu ta đừng quen nhau.

Tôi cúi mặt vào hai tay gọi khẽ : Lam ơi.

Đột nhiên tôi thấy rõ sự mất mát lớn lao của mình không bao giờ tôi là của Lam nữa. Lam đã có vợ.. Lam ơi. Tại sao vậy ? Hàng ghế thăm lặng, tấm màn nhưng đỏ vẫn im lìm sẫm tối.

« Nếu tâm hồn càng tĩnh lặng đến vô cùng thì uy lực sẽ vô biên »

Lời ai vang khẽ trong tiềm thức như lời an ủi. Ánh mắt chiếu sáng triu mến đầy thương cảm. Tôi nghẹn ngào đứng dậy, mặt sần quay cuồng dưới chân. Bên trong âm mốt, bên ngoài nắng chói mắt, khô cằn, giữa trưa.

Tôi gọi một chiếc xe. Hai dãy phố trượt dài, mặt sông sâu ngút mắt, lung linh, gay gắt.

Trong căn phòng tối, im lặng, lời nói, vang vọng từ nơi sâu kín nhất trong tâm hồn.

Tôi đưa tay khép mi mắt lại. Nước mắt mặn chát trên môi.

Phải, cuối cùng chỉ thế, chỉ thế thôi phải không Lam ? Chỉ khi nào em có quyền lực vô biên em mới dành được anh sao ? Em mới có thể thắng tất cả à ? Vâng em sẽ làm theo. Em không muốn nói năng, đi lại nữa. Em sẽ im lặng. Bởi vì em không muốn thất bại cả một cuộc đời, em thất bại nhiều rồi. Lần này em muốn thắng, tình yêu cũng như bệnh tật. Lam ơi, em nghe theo anh, ngủ yên đến tỉnh lặng hoàn toàn...

✧

MÙA



Lại một mùa Thu vàng lá rụng,
Mùa Thu này khác mùa Thu xưa.
Chiều nay khơi dậy niềm tâm-sự,
Đến gió lạnh ru ngủ tuổi thơ

Có khóm mây về từ một phương
Bơ vơ trong gió suốt con đường
Bơ vơ như một tâm hồn nhỏ
Đắm dưới trời thu để nhớ thương

THU

Màu mây trắng quá, mây đang bay
Có chở thư người gửi tới đây ?
Có thể làm con tàu chở khách
Đưa em gặp gỡ người yêu hiền nay ?

MÂY

Mây trắng lững lờ bay lướt qua
Nhẹ nhàng như một điệu tình ca,
Như tà áo trắng ai trong nắng
Mây lặng cầm về một cõi xa...

Mây đến, mây đi không một lời,
Chiều tàn buồn bã, lệ Thu rơi !

BAY

Nhìn theo mây trắng bay cô-độc,
Em tưởng như đang tiễn một người.

MỘNG-THÔN

(Trích trong Tâm Tình Trinh-Nữ sắp xuất bản)

Danh-nhân Thế giới

P
A
S
T
E
U
R

T
â
n
-
p
h
o
n
g
★

(Tiếp theo PT 198)

C UỐ I năm 1857, Louis Pasteur từ giả Đại-học Lille để được bổ-nhiệm làm Giám-đốc Cao học Sư-phạm học đường và Giám-đốc Viện nghiên-cứu Khoa-học của trường ấy.

Năm 1865, các sở nuôi tằm Âu-Châu kêu hoảng vì tằm bỗng đứng chết nhiều quá, ông vội vàng nghiên cứu về các chứng bệnh của con tằm, và chứng minh rằng « bệnh tằm đen » (Pébrine) rất truyền-nhiễm. và

cũng di-truyền nữa. Do đó, ông phát - minh ra phương pháp « Grainage cellulaire », cách lọc trứng bướm tằm, để trừ chứng bệnh kia, và nhờ đó mà nghề nuôi tằm ở Pháp và Âu-Châu được cứu vãn. Ông lại nghiên cứu về chứng « bệnh tằm nghè, tằm cương », (flacherie), do đất trồng dâu tạo ra.

Sau chiến tranh Pháp-Đức 1870—1871, Louis Pasteur tiếp tục nghiên cứu về dậy men (fermentation), và những vi

PASTEUR

sinh trùng trong các loại rượu bia. Dần dần, từ những thí nghiệm về vi sinh trùng men, ông tìm đến các loại vi trùng khác, nhất là các vi trùng gây bệnh *thán-thư* của con cừu (*maladie charbonneuse des moutons*), một loại vi trùng hình dài và tròn như cái que (*bátoonnets*), và một loại vi trùng hô-thải (*Vibrion Septique*), vi-trùng kỵ khí, không có không-khí vẫn sống được, gây ra các bệnh bại huyết, hoại thư thối nát (*Septicémie gangreneuse*) và các u nhọt. (*furoncles*) có mũ, cốt tủy viêm. (*ostéomyélite*) những loại vi trùng mà ngày nay người ta gọi là *Staphylococcus* và *Streptococcus*, sinh ra mũ, nhọt, lở-l loét thịt da.

Năm 1879, cùng với hai Bác-sĩ ROUX và CHAMBERLAND, ông khám phá ra bệnh ỉa chảy của gà do một loại vi trùng.

Năm 1881, ông bắt đầu nghiên cứu về bệnh chó dại. Đây là một công cuộc vô cùng khó khăn và có bao nhiêu trở ngại. Nhưng Louis Pasteur nhẫn nại thí nghiệm, vượt qua bao nhiêu thất bại đầu tiên, bao nhiêu chống đối của các bác-sĩ ngoan cố, và sau cùng ông đã phát minh ra một thứ thuốc chích trừ

bệnh bị chó dại cắn, chứng bệnh làm cho nạn nhân nổi điên lên rồi có thể chết cấp kỳ. Các bác sĩ ngoan cố không tin vào sự hiệu nghiệm của loại thuốc *Vaccin* của Louis Pasteur. Nhiều vị ganh ghét thiên tài của ông, lại công kích loại thuốc mới phát minh ấy, bồng một hôm.....

.. Ngày 6 tháng 7, 1885, một cậu bé 9 tuổi, người tỉnh Alsace tên là Joseph Meister, bị một con chó dại cắn 14 chỗ trong mình, được mẹ cậu đưa đến nhờ Louis Pasteur cứu chữa, sau khi tất cả các bác sĩ khác đều chịu thua, bảo cậu bé sắp chết, không có cách nào chữa được. Louis Pasteur không phải là bác sĩ, nên ông không có quyền chích thuốc, nhờ Bác-sĩ Grancher chích giùm thuốc của Pasteur phát minh. Cậu Meister khỏi bệnh liền và được cứu sống ngay hôm ấy.

Sự thành công màu nhiệm của Louis Pasteur được loan báo khắp thế giới, và sau đó từ các nước Âu-Mỹ người ta đưa trẻ con bị chó dại cắn xuyết chết đến nhờ Pasteur chữa đều được cứu sống.

Năm người mẹ từ nước Nga

PASTEUR

đem 5 đứa con bị chó sói cắn đến Paris, nhờ chích thuốc của Pasteur đều được lành bệnh.

Mười lăm tháng sau, tỉnh có 2.490 người bị chó dại cắn ở khắp Âu châu được cứu sống nhờ thuốc chích của Pasteur.

Từ đó, Louis Pasteur được

tôn làm bậc « Ân - nhân của nhân loại »

Năm 1888, Pasteur được bầu lên làm Giám đốc viện Pasteur đầu tiên thành lập tại Paris.

Ngay từ năm 1882, nhà văn-hào ERNEST DENAN trong bài diễn văn đón tiếp Louis Pasteur vào Hàn-lâm-Viên Pháp, đã nói



5 đứa con Nga đến Paris chữa khỏi bệnh chó sói cắn được chụp hình với L. Pasteur (ngồi giữa)



Năm 1886, một nhóm 15 người nông-dân Nga ở tỉnh Smolensk bị chó sói cắn, được các bác-sĩ Nga gửi qua Paris nhờ chích thuốc của Louis Pasteur, đã được cứu sống, (ảnh của Viện Pasteur, Paris)

«Votre vie scientifique est comme une trainée lumineuse dans la grande nuit de l'infiniment petit»

(Cuộc đời khoa học của ông là một làn ánh sáng chói rực trong đêm thăm mênh mông của thái cực vô cùng nhỏ)

● Viện Pasteur

Viện Pasteur đầu tiên được

thành lập tại Paris, do một cuộc lạc quyền quốc tế, được khánh thành ngày 14-11-1888. Viện được tự trị, cai quản bởi một Hội đồng trị sự, một Hội nghị, và một vị Giám đốc, hai phụ tá giám đốc và một tổng thư ký.

Viện Pasteur chánh, trụ sở ở 25 rue du Dr.Roux, Paris XV, là

PASTEUR

nơi sản xuất các loại thuốc chích theo phương pháp Louis Pasteur, và đã đào tạo các nhà bác học chuyên môn :

— Emile ROUX (Sérothérapie, Huyết thanh liệu pháp)

— YERSIN (dịch tả)

— Alphonse LAVERAN (sốt rét rừng, thương hàn)

— Albert CALMETTE (B.C.G, bệnh ho lao)

Trong viện Pasteur chánh ở Paris, có đền kỷ niệm Pasteur, trong đền có bàn thờ, và hai ngôi mộ của ông và bà Pasteur. Trên điện, có khắc mấy dòng chữ sau đây :

« Heureux celui qui porte
« en soi.

« Un Dieu, un Idéal de Beauté,
« Et qui lui obéit.

« Idéal de l'Art, Idéal de la
« Science.

« Idéal de la Patrie.

« Idéal des Vertus de l'Evan-
gile ».

(Sung sướng thay, Người đã mang trong người một vị Chúa, một Lý tưởng Thần Mỹ,

Và sống theo lý tưởng ấy,

Lý tưởng Nghệ thuật, Lý tưởng khoa học, Lý-tưởng Tổ quốc, Lý tưởng của những Đạo đức trong Thánh Kinh).



★ Bao giờ ?

Thời-gian thuận-tiện nhất để loại trừ một vụ lạm quyền chính là ngày giờ người ta vừa khám-phá ra nó. (L'époque la plus favorable pour la répression d'un abus, c'est le jour où on le découvre).

Aurélien SCHOLL



N Ngày xưa Đường Minh Hoàng đã nằm mơ được lên chơi cung quảng với Dương quý Phi. Về sau, Jules Verne lại nửa đùa nửa thật cho rằng trên mặt trăng cũng có đời sống, tương tự đời sống của chúng ta. Bây giờ, vào đêm rằm tháng tám, tiết trung thu, chúng ta ngồi ăn cỗ trông trăng, thử nghĩ đến một chuyến « du nguyệt điện » thì xem chừng sự việc đã gần mình lắm rồi. Gần như

● LAN-ĐÌNH

đứng trong đất liền, nhìn ra một hòn đảo, rồi bước xuống thuyền.

Sau dự án Mercury năm 1960, chuyến bay, ngày 1-1-1961, mà người Mỹ gọi là « Ngày không gian tối đại » (Biggest Day in Space), con khỉ Ham sống sót bình yên trở về trái đất (chuyến bay của hỏa tiễn Redstone, lên cao 246 cây số), Mỹ đã « sờ thấy » con

PHI THUYỀN DU NGUYỆT ĐIỆN

đường đi lên mặt trăng. Ngay tháng sau, họ đã thử lại cho chắc ăn bằng chuyến bay hỏa tiễn Atlas thả phi thuyền Big Joe từ cao độ 170 cây số (Atlas lên tới 2340 cây số (Big Joe). Hoàn hảo.

Thế là Mỹ tuyên sấn 3 phi hành gia để sẽ ngồi phi thuyền bay lên mặt trăng vào năm 1970 (còn 3 năm nữa thôi nhé)! Cơ quan NASA (National Aeronautic and Space Administration) hiện đang thực tập ráo riết kế hoạch Apollo. cuộc hành trình (khứ hồi) đất trăng, trăng đất, 800.000 cây số.

Cả vấn đề sẽ qui vào một yếu tố cuối cùng : cái hỏa tiễn và khả năng của nó. Người ta đang kỳ vọng ở hỏa tiễn Saturn 5, là thứ sẽ dinh được phi thuyền lên quỹ đạo trái đất, nhiên liệu sẽ vượt tới mặt trăng.

Nó gồm có 3 tầng cao 86 thước. Tầng thứ nhất với sức tổng hậu 3.375.000 cân tầng thứ hai 450.000 cân, và tầng thứ ba 90.000 cân.. Toàn bộ đủ mạnh để tha một khối nặng 180.000 cân từ mặt đất vào quỹ đạo địa cầu, hoặc 40.500 cân phóng lên nguyệt cầu. Khả năng đó của Saturn 5 nhờ

vào những động cơ chạy bằng hydro lỏng (lên vùng chân không, phải giữ -221°). Hydro lỏng (cũng như Oxy lỏng) vừa nhạy vừa mạnh.

Và phi thuyền Apollo có 2 bộ phận : « mẹ » « con ». Mẹ cao 3,7 thước, đường kính 3,9 thước thể tích 8,5 thước, trọng lượng 4.500 cân. Độ chùng như thế. Ngay đằng sau nó có buồng máy (Service Module), để chứa pin Oxy và hydro radar, máy điều hòa, chỗ để dành dưỡng khí, và những động cơ (hỏa tiễn) với sức tổng hậu 10.000 cân.

Phi thuyền con cao khoảng 6, 1 thước (chưa duỗi chân), đường kính 4,8 thước, nặng chừng 13. 275 cân. Nó cũng có 2 bộ phận, một phần vút lại mặt trăng, một phần trở lui gặp phi thuyền mẹ. Nhưng xem chừng đường còn xa lắm !

Cho đến bây giờ người ta vẫn chưa biết nguyệt cầu đã cần thành trước hay sau trong Thái Dương Hệ, tức sớm hơn hay muộn hơn 4.500 triệu năm nay.

Nên nhớ nguyệt cầu cách xa địa cầu 354.400 cây số (cận điểm) và 404.320 cây số (viễn điểm). Nó



« Con » rời « Mẹ »

xoay quanh trục của mình mỗi vòng mất 27 ngày 8 giờ, và trục địa cầu mất 29 ngày, 12 giờ, 44 phút. Bởi đó, có đến 59% diện tích nguyệt cầu luôn luôn hướng về địa cầu bất di bất dịch.

Thì cái khó thứ nhất là tính trung bình, chúng ta phải rời mất tới 400.000 cây số mà mới nhìn thấy có mỗi phía của mặt trăng. Hoặc dùng đến thứ phi thuyền thám hiểm (không có

người) như Surveyor, để chụp hình, cũng chỉ hiểu biết một nửa.

Đường kính nguyệt cầu rộng 3.456 cây số. Chia đôi con số đó sẽ trị giá được cái phần « lơ mờ » kia.

Đành rằng ngày 21/6/1966 phi thuyền Surveyor đã đáp xuống nguyệt cầu hẳn hoi, đã gửi về địa cầu 10.000 tấm ảnh vô tuyến truyền hình, người ta vẫn chưa dám chắc gì mấy. Chỉ có mỗi cái « gât gù » rằng nguyệt cầu khá nhẫu và khá cứng, ở một vài vùng.

Chưa kể vô số những trở ngại khác nữa cần phải khắc phục đến hết :

Trọng lực nguyệt - cầu chỉ bằng 1/5 trọng lực địa cầu (1). Hay nói khác đi, nguyệt cầu thiếu cả áp lực lẫn hấp lực cần thiết cho chúng ta, làm cho chúng ta sẽ đi đứng mất hết tự nhiên và cử động khó khăn.

Nguyệt cầu hầu như không có khí quyển bao bọc, nếu có thì chỉ rất mỏng, rất nhẹ. Nhược điểm này lại mở ra nhiều nỗi lo âu.

(1) Và khối lượng là 1/80.

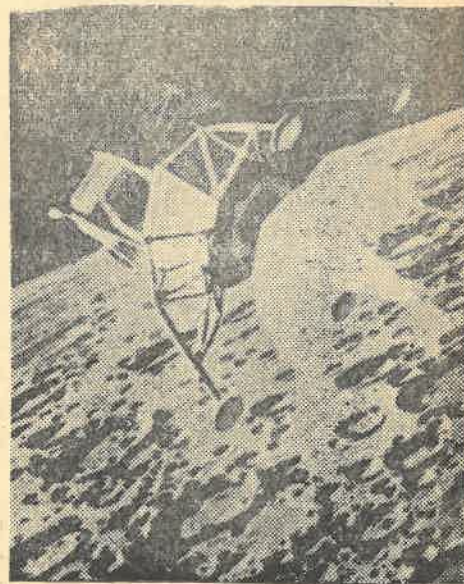
Sức nắng của mặt trời ào tới mặt trăng chẳng vương gì cả, thì nóng lắm 100°, « tái » thịt ! Ở trạng thái chân không như thế, nhất cử nhất động đều phải dùng đến áp lực của cổ năng, chẳng hạn ngộ nhờ phi thuyền bị liệt máy, muốn nhảy dù, cũng phải dùng « bình hơi » để bơm, nguy chứ !

Hơn nữa, người ta còn ước đoán được rằng nguyệt cầu thường gặp mưa vẫn thạch, thứ vụn đá dày đặc, đồ xuống, tới tấp, chắc phải mãnh liệt gập gộp những trận bão cát trong sa mạc ở địa cầu ! Tính ra, một vẫn thạch cỡ viên sỏi, bắn vào chiếc phi thuyền đang bay với tốc lực 160.000 c/s, nó sẽ đâm thủng, đâm thủng nhôm, thép, và lớp lớp kim khí khác nữa.

Xin mở một dấu ngoặc : Đối với địa cầu, sức nóng của mặt trời đã bị dải lọc qua lớp lớp khí quyển, và tầng chót là cái vàng xứ dưỡng khí (Ozone), bớt độc hẳn nên mới trở thành cái nắng bổ ích cho sinh vật dưới đất. Sở dĩ địa cầu vẫn giữ được những lớp khí quyển bao quanh nó, vì trọng lực của nó lớn hơn (5/1) nguyệt cầu có hấp lực mạnh, đủ để làm cho những

chất Oxy, hydro, mitro (...) và Ozone cứ phải quẹo theo nó mãi

Thiếu khí quyển, tức là sự luân lưu của khí tượng, thành thử nguyệt cầu càng nóng dữ thì càng lạnh dữ. Bởi vì nó cứ chịu tác dụng một cách « cô đơn » hoàn toàn lúc bị hấp nóng thì chẳng có gì để chuyển mát và khi bị nhuốm lạnh thì chẳng



Con đáp xuống nguyệt-cầu

PHI THUYỀN DU NGUYỆT ĐIỆN

có gì để hâm ấm, cứ « trung thực » như một tấm gương thời

Đang nóng 190°, mặt trời « lặn » mới trong vòng 6 giờ, nguyệt cầu chỉ còn 97°. Rồi — 103° (12 giờ), — 116° (24 g), — 127° (48 g) và — 132° (120g)...

+190° và —132° ? ! Phải biết rằng một ngày của nguyệt cầu dài bằng nửa tháng ở địa cầu !

Thì cuộc đổ bộ lên mặt trăng, đến nay, sắp tới kỳ hạn rồi, vẫn còn ở lại thời kỳ thí nghiệm.

★

Theo chương trình của NASA, năm 1969 vẫn còn là giai đoạn thăm dò. Bấy giờ, chiếc Surveyor sau chót (đứng thứ 17) sẽ đáp xuống nguyệt cầu để thu lượm, Phối kiểm những tin tức cuối cùng, chụp hình, trắc nghiệm, vân vân. Sau đó...

Theo thiếu-tá Alan-B-Shepard (một trong số các phi hành gia có hy vọng sẽ được « du nguyệt điện ») thì ngày 12-12-1969 phải là ngày có 3 người Mỹ nhất định bay lên, « vốc đất » nguyệt cầu.

Trong bãi phóng, ở mũi Kennedy, hỏa tiễn Saturn 5 đứng sừng cao ngất trời, bóng loáng. Xi hơi (hydro lỏng) nghi ngút. 3 phi hành gia, trang phục cực kỳ

ng nghiêm trọng, thứ quần áo có tính cách đồ nghề, bộ giáp, để ứng dụng lúc vào quỹ đạo cõi chân không, vẫn giữ được phản ứng thông thường. Thang máy đưa họ lên cao 98 thước, ở tầng tháp sắc thông với cửa phòng chỉ huy của phi thuyền Apollo.

Một ngón tay nhấn xuống nút điện, 5 động cơ dưới đáy hỏa tiễn phát nổ, những chiếc móc — giữa hỏa tiễn và tháp sắt bật rời, khối nặng 2.730 tấn cất cao. Nhanh dần, nhanh dần, 3 người bị ép miết vào thành ghế, trọng lượng gấp 4, 5 lần.

2 phút rưỡi sau, tầng nhất của Saturn 5 hết nhiên liệu, rùng xống tầng 2 bắt đầu nổ máy (5 động cơ chạy hydro lỏng sức tổng hậu 450.000 cân)

6 phút rưỡi sau, tầng hai lại hết nhiên liệu, rùng xuống, đến lượt tầng 3 nổ máy (sức tổng hậu 90.7000.)

Rồi phi thuyền lảng vào quỹ đạo, tắt máy, bay tiếp mãi cũng còn đà để bay, vì ở đây tất cả mọi vật thể đều đã mất kết trọng lượng, có sẵn sức tiến sẽ chẳng gặp sức cản nào,

Nhưng phi thuyền chỉ muốn

tạm nương theo quả đất, để lựa chỗ tìm sang xích đạo, tìm sang quỹ đạo nguyệt cầu. Trung tâm kiểm soát Houston (Texas) đang tính toán bằng những bộ óc điện tử, để lựa lúc, chỉ chỗ cho thuyền buột khỏi quỹ đạo, vượt khỏi hấp lực của địa cầu bằng cách lại nổ máy, với tốc lực 38.880 cslg.

Dần dần lại mất hết trọng lượng, lại giảm tốc lực (khoảng 4.800cslg) lại tắt máy.

Phi thuyền con (bộ phận thám hiểm) tách khỏi phi thuyền mẹ (phòng chỉ huy và buồng máy) rồi trở đầu lắp ngược với nhau, để « mẹ » vút bỏ iàng ba của hỏa tiễn (Saturn), và hai « mẹ con » bay tiếp, đón đường nguyệt cầu.

Lại xin mở dấu ngoặc nữa : Nguyệt cầu cũng luân chuyển, và cũng luân chuyển theo đường vòng bầu dục, xoay quanh mặt trời (mỗi chu kỳ mất 365 ngày) tạo thành một góc 5° đối với địa cầu.

« Con » bỏ cái để ở lại nguyệt cầu, bay lên tìm « mẹ »

67



PHI THUYỀN DU NGUYỆT ĐIỆN

Bởi vì nguyệt cầu không lọt vào xích đạo, hay cứ 15 năm nó mới lọt vào xích đạo.

Vậy một bãi phóng (base de lancement) ở dưới đất, đối với quỹ đạo địa cầu phải tạo thành một « thiên sai giác » (parallaxe) bao giờ cũng lớn hơn góc kia lớn hơn 5°.



Mặt Trăng khá nhẵn và khá cứng

Thì từ lúc phi thuyền (ở dưới đất) cất bay, đến lúc bắt kịp nguyệt cầu, người ta phải tiêu liệu mọi chỗ lệch nhau (khoảng cách, phương giác, tốc lực...) tức là đón đường.

Mỗi lần muốn điều chỉnh đường, bay (hướng) hoặc gia giảm tốc lực, phi thuyền sẽ bắn hỏa tiễn

PHI THUYỀN DU NGUYỆT ĐIỆN

để lấy sức đẩy « nắm lại » cuộc hành trình của nó,

Càng ngày hấp lực của nguyệt cầu càng mạnh. Muốn dung hoà phi thuyền lại phải lộn đầu, mẹ hướng về nguyệt cầu, bắn một loạt hỏa tiễn, bắn liên tiếp 6 phút để lùi lại, chống với sức hút đi để giữ tốc lực (5.700 cs/g) vừa đủ đặt mình vào quỹ đạo nguyệt cầu, trên cao độ qui định 128 cây số.

Hai người rời bộ phận chỉ huy sang bộ phận thám hiểm, mở máy (sức tổng hậu 4.760), tách phi thuyền con khỏi phi thuyền mẹ, bay quanh nguyệt cầu, trên cao độ 16 cây số, chậm dần (sơ tốc 6000 cs/g), thấp dần, đáp xuống.

Trong khi đó, phi thuyền mẹ (còn 1 người) vẫn bay trên cao độ 128 cs, để « dòm chừng » phi thuyền con.

Một người vẫn ngồi trong phi thuyền con, đề phòng mọi sự bất trắc, duy trì quan hệ với phi thuyền mẹ và địa cầu. Một người bước xuống nguyệt cầu, thám hiểm nhất là phải phân chút xem vỏ nguyệt cầu làm bằng thứ « đất » gì. Chụp hình vẽ bản đồ. Thu lượm các khoáng chất chừng 36 cân. Cắm máy khảo sát ..

Sau 24 giờ, phi thuyền con sẽ mở máy, tách khỏi cái « đế » bỏ nó ở lại, bay lên với sức tổng hậu 1.500 cân, với tốc lực 5.716cs/g, để trở về quỹ đạo nguyệt cầu, gặp lại phi thuyền mẹ. Khi hai người đã bước sang bộ phận chỉ huy rồi mẹ sẽ rút con bơ vơ giữa quỹ đạo nguyệt cầu, trở về địa cầu với tốc lực 8160cs/g.

8161, 8162, 6163... càng ngày càng nhanh quá, họ đã đến gần hấp lực của địa cầu.

Coi chừng, phải làm sao « hoá kiếp » trong cái « rãnh an toàn » « chỉ hẹp 64 cây số trung gian giữa cối chân không với vùng khí quyển. Đang bay 40.000cs/g, nhanh quá, thì trọng lực lớn quá, sẽ tắc thở. Nhưng chậm quá, cứ kéo dài cuộc cộ sát với khí quyển, thì một là bốc cháy hai là không bắt kịp địa cầu, đành phải lẻo đẻo trong đường bay bơ vơ bất tận.

Tuy vậy, người ta vẫn kỳ vọng rằng quãng đường chót phải xuôi lọt, tức là máy móc điều chỉnh sẽ hoạt động chính xác chu đáo. Chiếc dù nhỏ bung ra, tiếp theo, hai chiếc dù lớn cũng bung ra, và Apollo từ đó sa xuống Thái-Bình-Dương...

Thật không ? Thì chờ xem !

Đạo Do-Thái



MINH ơi, đêm nay
Thái cho em nghe nhá? Tụi
mình ăn bánh Trung-Thu nói
chuyện Do-Thái...

— Em đã mua bánh chưa?

— Gớm, bộ có bánh mình mới
nói chuyện với em hả?

— Cổ nhiên. Có « thực » mới
vực được đạo... Do-Thái chứ!
Bánh đâu?

Bà Tú cười, đi vô buồng lấy
ra một hộp bánh Trung-thu, có
cả bánh dẻo, đặt trên chiếc bàn
nhỏ cạnh võng nơi ông Tú đang
nằm xem sách. Trông đĩa bánh
thật là ngon lành.

— Đây, mời ông xơi a.

Bà Tú lấy dao cắt bánh, và
không quên pha nước sôi vào
bình trà thơm phức, hơi bay
ngào ngọt...

Ông Tú ngoan - ngoan chịu
ý bà Tú, sau khi ăn xong
một góc bánh nhưn đậu xanh
có lòng đỏ trứng gà.

— Muốn hiểu về bánh Trung-
thu...à quên, xin lỗi em...về đạo
Do-Thái, trước hết phải nêu cái
tên ông cụ già ABRAHAM. Ông
là tộc trưởng giống dân Do-Thái

sống vào khoản 2000 NĂM
TRƯỚC CHÚA GIÊ-XU tức là
1.500 NĂM TRƯỚC ĐỨC PHẬT
THÍCH CA. Nghĩa là Abra-
ham là vị giáo chủ khai đạo
lần đầu tiên trên quả đất
này. Đạo ấy gọi là Do - Thái
giáo (*Judaisme*) riêng của dân
tộc Do-thái mà thôi. Thiên chúa
giáo, Tin-lành và Hồi-giáo, là ba
tôn giáo sinh sau và cùng chung
một nguồn gốc ở Thành kinh,
Cựu-ước (*Ancien Testament*) đều
nhìn nhận sự thật đó. Vì Thành
kinh có dạy rằng: Chúa Trời
(Thượng đế) đã chọn tộc trưởng
ABRAHAM của giống người Do-
thái để truyền lại cho con cháu
đời đời về hậu lai « *Gìn giữ Đạo
của Đấng Vô-thủy Vô-chung, thực
hành đạo đức và công bằng* ».
Do đó, đạo của ABRAHAM được
lưu truyền đến con của Abraham
là ISAAC, và từ đời con của
Isaac là JACOB, (cháu nội của
Abraham), tôn giáo của Abraham
đổi thành tôn giáo của ISRAEL.
Dan từ ISRAEL (*Do-thái*) do
chính Chúa Trời đặt cho JACOB
bắt đầu có từ đấy. Cho nên ngày
nay dân tộc Do-Thái vẫn còn
hãnh diện với danh từ ISRAEL
do Thượng-đế ban riêng cho họ,
và hãnh diện với đạo Do-Thái là
tôn giáo chính tông, tôn giáo gốc,

của Chúa Trời lần đầu tiên truyền cho Abraham, thủy tổ của dòng dõi Do-thái, Israel, 2.000 năm trước Jésus Christ. Chính Hồi giáo là thù địch của Do-thái, và Thiên chúa giáo, cũng không bao giờ dám phủ nhận chân lý lịch sử đó, vì nhiệm vụ cao cả của Abraham và nguồn gốc Do-thái giáo đã có ghi rõ ràng trong Thánh kinh Cựu-uớc.

Nhưng cũng từ JACOB, lịch sử của dân tộc Israel (Do-thái) và của Do-thái giáo bắt đầu biến chuyển một cách phi thường. Nguyên thủy dân Do-thái qua ở đất Ai-cập, lẫn lộn với dân Ai-cập. Con của Jacob, là JOSEPH, được làm phó vương Ai-cập. Nhưng người Do-thái sinh sản rất mau chóng và đông đảo, lại rất thông minh tài giỏi, khiến dân Ai-cập lo sợ nên họ khủng bố và đàn áp Do-thái, sau cùng bắt người Do-thái làm nô lệ. Tức thì MOISE, (tiếng Do-thái gọi là MOSCHÉ) tộc trưởng của Do-thái, được Thượng đế ban cho nhiều phép nhiệm màu để cứu nguy dân tộc Do-thái. MOISE gây cho người Ai-cập 10 tai ách khủng khiếp. Thấy Ai-cập bị khốn đốn, vị quốc vương Ai-cập (Pharaon) phải đánh đuổi dân Do-thái ra khỏi lãnh thổ Ai-cập.

Phép màu nhiệm cuối cùng xảy ra khi mấy chục ngàn dân Do-thái dưới quyền chỉ huy của tộc trưởng Moise từ bỏ Ai-cập vượt qua Hồng-Hải thì tự nhiên biến cạn. Đến khi quân Ai-cập đuổi theo đến Hồng-Hải thì nước biển dâng lên, khiến vô số người Ai-cập bị chết chìm, chết trôi, còn tàn quân thì bị gió lớn thổi lùa hết về sông Nil. Biến cố lịch sử này xảy ra vào khoảng 1300 năm trước J.C. Dân Do-thái (Israel) ra khỏi đất Ai-cập, di cư về sa mạc Sinai. Tại đây, TRÊN ĐỈNH NÚI SINAI, tộc trưởng MOISE được Chúa Trời là Đấng Thượng - đế tối thiêng liêng, tối cao, ban cho THẬP-ĐIỀU (DÉCALOGUE) làm căn bản giáo lý. Đồng thời, Thượng đế bảo sẽ cho dòng giống Do-thái về ở đất CANAAN (Lãnh thổ Do-thái hiện nay) là đất của Chúa Trời hứa riêng cho dòng dõi của Do-thái (*Ước địa, Terre Promise*).

Nhưng trước khi được về ở Canaan, dân tộc Do-thái còn phải ở trong sa mạc Sinai 40 NĂM, chịu khổ nhọc, để MOISE giảng cho các tín điều và giáo lý của Đạo Do-thái. Trong thời gian này, dân Do-thái bầu cử một vị vua tên là SAUL, rồi kế vị là DAVID, đến con của

David là SALOMON. Lần đầu tiên, vua Salomon lập đền ở JÉRUSALEM để thờ Chúa Trời, là Thượng đế Vô-thủy Vô-chung, Tối cao, sáng tạo vũ trụ và muôn loài. Do-Thái là dòng dõi được Chúa Trời yêu chuộng nhất, là con cháu của ABRAHAM, của JACOB (ISRAEL), của MOISE, của DAVID, tức là dòng dõi chính tông của ADAM và EVA.

Sau khi Salomon chết, năm 935 TRƯỚC GIÊ-XU (J.C.) dân tộc Do-thái bị chia rẽ thành hai phái, lập riêng hai nước: phái JUDA và phái ISRAEL. Nguyên do: con cháu của các đời vua trên bị tuyên truyền và tiêm nhiễm bởi các đạo đa thần của các giống dân ở chung quanh, như A-rập, Ba-tư v.v... và dần dần bỏ đạo Chúa Trời duy nhất, không theo giáo lý của Abraham và Moise nữa. Do sự chia rẽ đó làm cho Do-thái bị yếu hèn, vương quốc Israel bị địch quân đánh tan nát, năm 722 TRƯỚC J.C., và phần đông dân chúng bị lùa qua xứ Assyrie (Syrie hiện nay). Đến lượt vương quốc Juda cũng bị đánh tiêu tan, năm 586 TRƯỚC J.C. và dân chúng bị bắt đày

qua Babylonie. Đền thờ Jérusalem bị thiêu hủy.

Nhưng năm 538 trước J.C. vua Ba-tư CYRUS cho phép dân Do-thái được hồi cư về đất cũ. Gần 50.000 người Do-thái được trở về quê quán. Năm 444 trước J.C., một vị Đạo sư Do-thái long trọng tuyên bố dân tộc Do-thái trung thành với Luật pháp và giáo lý của Abraham và Moise. Đền Jérusalem được xây cất lại. Nhưng ngôi đền mới này lại bị quân xâm lăng La-mã đốt phá, năm 70 sau J.C.

Bắt đầu từ đây, thay vì cúng thờ nơi đền, người Do-thái lập ra GIÁO ĐƯỜNG (Synagogue) để riêng cầu nguyện Chúa Trời mà thôi.

Sau này, Jérusalem được xây lại lần thứ ba, nhưng trở thành nơi Linh-địa chung cho Do-thái giáo, Thiên-chúa giáo và Hồi-giáo, cả ba đều thờ Thượng đế, gọi chung là Chúa Trời, nhưng dưới ba danh từ và ba hình thức khác nhau, và chống chọi nhau.

Do-thái giáo (Judaisme) thờ Chúa gọi là YAHVÉ.

Thiên-chúa giáo (Christianisme) gọi là DIEU.

Hồi-giáo (Mahométisme) gọi là ALLAH.

(Nên nhớ : Dưới thời Hoàng đế La-Mã Néron, Thiên-chúa-giáo bị suy yếu ở Trung-đông bên đời qua La-Mã, trên gò Vatican, nơi đây thánh Pierre xây dựng giáo đường đầu tiên để thờ đấng Christ. Từ đó, Vatican được gọi là Thánh địa của riêng Thiên-chúa-giáo La-mã. La Mecque là Thánh địa của Hồi-giáo. Do-thái giáo vẫn giữ Jérusalem là Thánh địa, vì người xây đền Jérusalem đầu tiên là vua Do-thái Salomon, con vua David).

— Mình ơi, Do-thái giáo có Kinh sách như kinh Koran của Hồi-giáo, hay Thánh kinh của Thiên chúa giáo không ?

— Có chứ. Thánh kinh của Thiên chúa giáo gồm có CỤU-ƯỚC (*Ancien Testament*) và TÂN ƯỚC (*Nouveau Testament*). Quyền TÂN-ƯỚC mới có sau khi Đấng Jésus Christ chết, do các đệ tử của Ngài chép ra, như Thánh Paul, Thánh Mathieu, Thánh Marc..., còn CỤU ƯỚC đã có từ lâu, do các Tộc trưởng ghi lại từ ngày Thượng đế (Chúa Trời) khai thiên lập địa, tạo ra thế giới trong 7 ngày, và lấy đất nện thành ông Adam mà Ngài thổi hơi nóng thiêng-liêng của Ngài vào trở

nên linh động thành người. Abraham là thuộc dòng dõi đích-tôn của Adam và Eva.

Thánh kinh của Do-thái giáo, chính là kinh CỤU-ƯỚC ấy, và độc nhất có mỗi bộ kinh CỤU-ƯỚC ấy, theo nguyên bản viết bằng tiếng Do-thái. Vì như đã nói lúc nãy, Do-thái giáo là chính lời của Đấng Tối-Cao truyền trực tiếp cho Abraham và, sau đó cho Moise, trên 2.000 năm trước khi có Jésus Christ giáng sinh. Vì thế nên Do-Thái-Giáo được coi như là tôn giáo gốc của tất cả các tín ngưỡng về Chúa Trời, một Đấng Chúa-Trời độc nhất vô thủy vô chung, tức là Thượng Đế (L'Éternel). Đại khái như quan niệm Ngọc Hoàng Thượng Đế của Trung-Hoa vậy.

Kinh « CỤU-ƯỚC » của Do-Thái-giáo gồm có 3 phần :

1. *Tosa*, Giáo pháp của Moise (Trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo, gọi là *Pentateuque*). Tất cả đại cương về giáo lý, tín điều của đạo Do-Thái đều ở trong chương này.

2. *Nebiim* (các vị tiên tri. *Les Prophètes*).

3. *Ketoubim* (*Les Hagiographes*)

Ba chương CỤU-ƯỚC này gọi chung là *Kinh* viết. Ngoài ra còn *Kinh truyền khẩu* cũng có từ thời Moise. Vì chương *Tora* không có những chi tiết đầy đủ để áp dụng trong lúc thực hành Đạo, nên các vị giảng sư phải phê bình giảng luận thêm. Những lời giảng này, mãi đến năm 200 sau J.C.. vị Pháp-sư Do-Thái JUDA HANASSI mới gom góp lại, thành bộ kinh gọi là MISHNA. Mấy đời sau sửa đổi, thêm bớt cho đúng với giáo lý nguyên thủy, và được đem ra phê bình giảng giải lại thật là chu đáo, hoàn toàn. Tất cả các lời giáo huấn miệng đó được chép lại thành bộ Kinh gọi là TALMUD, hoàn tất tại thành Babylone, vào thế kỷ thứ 5 sau J.C.

— Tóm lại, giáo lý của Do-Thái giáo như thế nào hả mình ?

— Nhà đại lý thuyết Do - Thái giáo, MAIMONIDE (1135-1204) đã xác định 13 điểm sau đây của đạo Do-Thái theo Moise đề lại :

1. Chúa trời là đấng tạo hoá sinh ra thế giới muôn loài.
2. Chúa Trời là Một, và Độc Nhất.
3. Chúa Trời là Linh hồn, và không thể tượng trưng hay mô

tả dưới bất cứ một hình thức nào.

4. Chúa Trời là vô thủy vô chung.

5. Chúng ta chỉ đọc kinh cầu nguyện một mình Chúa Trời mà thôi, không được cầu nguyện một người nào khác nữa.

6. Tất cả những lời giáo huấn của các đấng Tiên tri Do-Thái (Israel) đều là chân lý chính xác.

7. Moise là đấng Tiên tri lớn hơn hết thầy.

8. Giáo lý mà người Do-Thái phải tuân theo là do Yahvé (Chúa trời, Thượng Đế), ban cho Moise.

9. Không một người nào có quyền thay đổi hoặc sửa chữa giáo lý tối thiêng liêng ấy.

10. Chúa trời ở trong tất cả các hành động và các tư tưởng của loài người,

11. Chúa trời thưởng những kẻ tuân theo lời Chúa dạy, phạt những kẻ không tuân lời Chúa.

12. Chúa trời sẽ cho vị Cứu thế xuống trần, do các đấng Tiên tri loan báo trước.

(Bí chú : Do - Thái - giáo từ xưa đến nay vẫn không công nhận rằng đấng

Jésus Christ và đấng Mahomet là hai vị Cứu-thể của Thượng đế sai xuống trần gian).

13. Chúa trời sẽ gọi những người chết sống lại.

Lời của Moise : « Hãy nghe đây, hỡi dân tộc Israél, Đấng vô thủy vô chung, Chúa trời của chúng ta là Một ». Về sau, Jésus Christ và Mahomet cũng căn cứ theo lời của Moise mà khai đạo. Nhưng có những điểm khác hẳn giữa đạo Do - Thái với hai giáo điều Thiên-chúa và Hồi-giáo như sau đây :

★ Chúa trời bảo Moise : « Người không thể nào nhìn thấy mặt của ta. Không người nào thấy ta và sống ».

★ Kinh Tora dạy người làm lành. Nếu phạm tội lỗi, tự mình thành thật ăn năn, hối cải, sẽ được Chúa trời tha thứ, không cần có trung gian.

★ Thường, phạt, thấy ngay trong đời sống hiện tại ở trần gian, và sẽ còn trong đời sống linh hồn sau khi chết.

★ Linh hồn bất tử.

★ Khi nào có Đấng Cứu Thế ra đời (MESSIE) sẽ có kỷ nguyên cứu thế (ère messianique) và loài người sẽ hoàn toàn có hạnh

phúc. Chưa có hạnh phúc trên trái đất tức là vị Cứu-thể chưa xuất hiện.

★ Đấng Cứu thế, sẽ là giòng dõi David, không phải là đấng thiêng liêng, mà chỉ là một người thường, trong người đó sẽ có linh hồn của Chúa, khôn ngoan và thông minh của Chúa, sức mạnh của chúa, hiểu biết bao la của Chúa và sợ Chúa.

Và đây là «Thập Điều»—Décalogue,—của Thượng-Đế truyền giáy cho Moise :

1. Ta là đấng vô thủy vô chung, chúa tể của người, đã cứu người (Israel) ra khỏi đất Ai-Cập, khỏi nhà của nô lệ.

2. Người không có chúa tể nào khác hơn ta. Người sẽ không có Thần tượng nào khác.

3. Người không được dùng tên Ta, Chúa của người, để nói láo.

4. Người phải nhớ đến ngày nghỉ lễ Sabbat (Thứ bảy) để mừng ngày Ta đã tạo lập xong vũ trụ.

5. Người phải tôn trọng cha mẹ của người.

6. Người không được giết chóc.

7. Người không được phạm tội ngoại tình.

8. Người không được trộm cướp.

9. Người không được trả thù.

10. Người phải giúp đỡ kẻ nghèo khó hơn người.

★ Đây là những ngày lễ của Do-thái giáo :

— Sabbat, lễ nghỉ mọi công việc trong ngày thứ Bảy mỗi tuần.

— Tessah, lễ kỷ niệm ngày thoát khỏi đất Ai-cập.

— Chabonoth, lễ kỷ niệm ngày Thượng - đế ban « Thập-Điều » cho Moise.

— Roch Hachana, lễ đầu năm (ăn chay).

— Yom kippour, lễ Đại xá tội lỗi (ăn chay tưng kính cầu nguyện).

Ngoài ra, Do-thái giáo tổ chức ăn chay toàn quốc trong những ngày kỷ niệm các biến cố bi thảm trong Lịch-sử Do-thái, như lễ Ticha be Ab, mặc niệm thành Jérusalem bị thiêu hủy lần thứ nhất và lần thứ hai v.v...

Tất cả các lễ đều bắt đầu buổi chiều tối và chấm dứt chiều tối hôm sau, theo đúng trong Cựu-ước kể lại mỗi ngày Thượng đế tạo lập vũ trụ, (7 ngày) đều có câu : « Trời tối, rồi trời sáng ».

— Do-Thái cúng tế cách nào hả mình ?

— Mỗi ngày cầu kinh 3 lần : Chaharith, sáng sớm.

Minha, xế chiều.

Arbith, tối.

Cuối cùng mỗi buổi lễ, đều có đọc câu chú Alenou: « Ngày hôm nay Thượng đế là Một, tên Thượng đế là Một ».

Và lời cầu nguyện :

« Xin Thượng đế mau mau ban vị Cứu thế thay một Ngài ngự trị trên quả đất này ! ».

Đấy, tất cả những điều học hỏi cần thiết về tôn giáo của người Do-thái. Tôn-giáo và Lịch-sử dân tộc đi sát nhau, hòa hiệp lẫn nhau từ thời nguyên thủy theo trong Thánh kinh, từ Abraham... Jacob... Israel.

— Có lẽ tại vậy mà dân Do-thái bao lần bị tan rã rồi cùng kết hợp trở lại, bao lần suy vi rồi lại quật cường... há mình ?

— Ừ... và bao lần bị kẻ thù quyết tâm tiêu diệt mà họ vẫn sống... oanh liệt hơn xưa !

— Minh và em, cũng có những lúc thăng-trầm giống như Do-thái ấy nhỉ !

Thấy ông Tú đã hết thuốc hút, bà Tú vội vàng đứng dậy chạy ra đầu đờng mua về một gói « con ngựa xanh » ...

Diễn Họa

TÔI CÒN NHỚ EM

● TÔNG - MINH - PHỤNG

Rời con tàu xa bến
Và tôi còn nhớ em
Sáu năm trời lỗi hẹn
Sáu năm dài khó quên
Người yêu tôi còn đó
Và tôi vẫn cúi đầu
Sáu năm nhiều nhung nhớ
Từ em bước qua cầu



Tháng ngày tôi độc thoại
Hình hài vướng rong rêu
Lời ca buồn hải đảo
Lời ca buồn người yêu
Nhìn em trong hạnh phúc
Vui sống bên chồng con
Tôi nuôi hoài kỷ-niệm
Với thề xác hao mòn

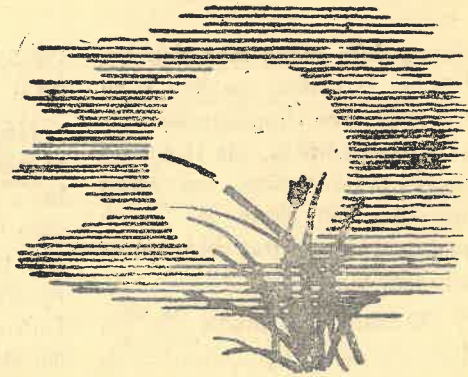
Từng mùa thu lá đỏ
Từng mùa thu tôi đi
Và mùa thu đứng khóc
Sáu mùa thu chia ly
Rời con tàu xa bến
Và tôi còn nhớ em
Nhưng chiều qua đất lạ
Tôi lặng lạng đi tìm

Chưa một lần được ngắm
Chưa một lần hỏi han
Ánh mắt người ánh sáng
Đời còn nhiều lang-thang
Bài thơ tình gửi em
Bài thơ tình nước mắt
Trọn đời tôi cúi mặt
Mãi nguyện cầu cho em

THU TRĂNG

và

HỒN THƠ THI-NHÂN



▼ THANH-VIỆT-THANH

« Ngô đồng nhất điệp lạc
Thiên hạ cộng tri thu ! »

(CỔ THI)

« Ngô đồng rơi một lá
Người đời vui biết thu ! »

Cứ mỗi độ thu về, khi trên lưng chừng trời có những áng mây bàng bạc lơ lửng lơ trôi .. khi trong không gian có những làn gió heo may lành lạnh lùa qua ánh mắt..khi lá rừng cây bắt đầu nhuộm sắc hoe vàng, rồi dần dần rơi lác đác xuống khắp mặt đất, giòng sông... là người ta, nhất là những thi nhân, lại bỗng dưng tự thấy lòng mình như xao xuyến

như nôn nao với những cảm giác mơ hồ, kỳ thú qua vầng trăng thu ảo ảo, qua bóng dáng Hằng Nga mỹ lệ, qua mặt nước trong veo, qua khung trời bát ngát có mây bạc, nắng vàng...

Thế rồi, dù muốn dù không, người ta cũng đưa nhau nhặt lá đề thơ... Đề chi ? Nào ai biết ! Chỉ biết rằng những cánh đồng bao la những núi đồi trùng điệp

những thửa ruộng mùa chim sai trĩu hạt, có tiếng sáo diều vi-vu tấu nhạc trên không, trong buổi chiều vàng êm ả... đã làm cho người ta hững hờ, say mộng tìm văn, kết đọng lại thành những đóa hoa thơ diễm tuyệt tô điểm vườn đời.

Dù trăng thu muôn sắc, dù trời thu nghìn vẻ... nhưng mỗi người đều mỗi nhận định về thu bằng một quan niệm tương tự như nhau: *Thu buồn!* Thật vậy, đối với người thơ, vốn nhiều đa cảm, mùa thu đã gợi cho họ những nỗi buồn mơ thắm thía dồn ép trong lòng này: xa quê, cách bạn, lia xa sông núi, trách hờn số mệnh!... Vì thế cho nên cứ mỗi lần thu lại, người ta đã phải kêu nhau mà bảo:

*Ô hay! Buồn vương cây
ngó đồng!
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu
mênh mông!...*
(BÍCH KHÊ)

Tiết điệu lời thơ ăn sâu vào tâm não khiến người nghe cảm thấy lòng mình bỗng dâng lên một nỗi buồn, một nỗi buồn dãn dặt, lè-thê và trầm lặng nhu cầu

thơ 14 âm bằng trên kia! Và rồi...

Nếu mùa thu nhắc cho người ta nhớ đến cảnh buồn, thì cảnh buồn ấy phải kể là cảnh biệt ly giữa tình bạn, vì tình bạn là thứ tình cao quý nhất đối với người thơ. Một thi sĩ đời Đường ngày xưa đã hơn một lần khóc tiễn bạn giữa mùa trăng bằng những vần thơ nao ruột này bên bến nước:

*Hoài thủy giang đầu mộ sắc
tân
Giang lưu viễn vọng bích
thiên trầm
Không ước lục triều cố sự
Như hoài ngọc lúy phù vân
Kim niên nguyệt
Kim niên nhân
Hà tăng nhất biệt thiên
trùng ngoại
Hoài thượng có thuyền bạch
lãng ngân!..*

THANH TÙNG TỬ dịch:
*Dầu bến sông Hoài bóng
nguyệt soi
Trời chìm đáy nước, nước
trôi xuôi
Sáu triều việc cũ,
Mây nổi chơi vui
Dưới trăng ấy*

*Ta với người
Biệt nhau rồi đấy muốn
trùng thăm
Thuyền lữ sóng Hoài sóng
bạc trời!..*

Chao ơi, hai câu cuối cùng bài thơ sao mà nghe buồn da diết như thế! Hơi thở đã dứt mà âm điệu hay còn, hẳn đã làm cho kẻ ra đi phải ngập ngừng, quay bước, nuốt lệ mà nhìn bóng bạn dần dần xa...

Ngoài tình bằng-hữu ra, chắc không còn tình nào thắm thía hơn tình chồng vợ trong cảnh người còn kẻ mất, vô vàn đau đớn, xót xa. Ta hãy nghe bà TƯỞNG-PHỔ, tác giả « *Giọt lệ Thu* », khóc người bạn đường bạc mệnh qua những vần thơ rĩ máu này:

*Thu về đẹp lứa duyên Ngân
Năm năm Ô thước bắc cầu
Ngân giang
Đôi ta ân ái nhỏ nhàng
Giữa đường sinh tử đoạn
tràng chia hai
Anh vui non nước truyền
đài
Côi trần hương lửa riêng ai
lạnh lùng
Nhân gian khuất nẻo tang
bồng*

*Trăm năm nào thiệp, tấm
lòng bơ vơ!*

Mỗi sầu chồng của nữ sĩ càng ai oán và nao ruột hơn khi mùa thu lại. Bà đã nhìn cảnh thu buồn mà chạnh nhớ nỗi sầu, cái nỗi sầu thiên vạn cổ qua sự cách biệt chồng dưới ba tấc đất. Bà than bằng bầu máu lệ:

*Sầu thu nặng lệ thu đầy
Vị lau san sát hơi may
lạnh lùng
Ngôn ngang trăm mối bên
lông
Ai đem thu cảnh bạn cùng
thu tâm!*

Như đã nói mùa thu là mùa nhớ, hẳn nhiên người ta, ngoài thương vay ra, có những cái tha thiết cách ngăn đáng nhớ khác như mỗi sầu nhớ người yêu, mơ hình bóng người yêu thắm gọi người yêu, hòa đồng tên người yêu vào một khung trời đầy cảnh sắc mộng lung, huyền ảo đến hay và đặc biệt như bài « *Mơ Tuyết* » sâu kín của NGUYỄN-VỸ khiến người ta phải phân vân mà tự hỏi: « không biết *Tuyết* của trời hay *Tuyết* của thi-nhân đây.

Tôi biết thời gian quá ỏm. ở
 Rải trắng rải gió ngập vùn
 thơ !
 Đêm nay tan tác giàn sao
 rung
 Tuyết trắng âm thầm ngập
 giấc mơ
 Tuyết nở muốn hoa dưới
 nguyệt đình
 Tuyết uơn rào rất ánh
 hương trinh
 Tuyết không tha thướt trên
 cành gió
 Tuyết rũ màu tơ xuống
 bóng mình
 Tôi mở lòng hoa chép một
 bài
 Nhưng hoa Tuyết rung ngập
 trần ai !
 Vần thơ mơ tuyết còn
 trinh trắng
 Tôi hái mơ về để tặng ai ?
 Táo bạo và độc đáo hơn cả
 trong sự mô tả vàng trắng, ta
 phải kể đến nhà thơ dí dỏm số
 một của Việt-Nam, nữ sĩ HỒ
 XUÂN - HƯƠNG với bài
 « Trăng Trung Thu » nhiều
 ý nghĩa, đầy đủ tư thế, thanh,
 tục lẫn lộn này :
 Một trái trăng thu chín
 mơn mơn
 Nửa vầng quế đỏ, đỏ lòm
 lom

Giữa in chiếc bích khuôn
 còn méo
 Ngoài khếp đôi cung cánh
 vẫn khòm
 Ghét mặt anh hùng ưa sói
 mới
 Ngửa gan thẳng cuội đứng
 lom khom...
 Ngày xưa, bên trời thơ Tây
 phương một thi sĩ Nga, ông
 Serguei Sododelzki, cũng đã
 sớm « tân tiến » mà ví vàng
 trắng như là một cái hoa :
 « Hoa linh lan trắng » nhưng
 ông đã kém xa nữ sĩ họ Hồ ở
 Việt-Nam ! Bà Xuân - Hương
 đã « tân tiến » hơn ông nhiều.
 « Trái nằng thu » nhất là :
 « Một trái trăng thu.. Chín
 mơn mơn » ! Thật « tuyết »
 và... « ngon » đến thêm !
 Trót đã so sánh một thi sĩ
 Nga với Hồ - xuân - Hương,
 tưởng cũng nên đề cập thêm
 Lý-thái-Bạch và Tản Đà.
 Ngày xưa, nếu Lý-thái-Bạch
 quả có mê trăng, say trăng, ôm
 trăng mà chết thì với Tản-Đà
 ông cũng mê trăng, say trăng
 không kém. Nhưng ông không
 như Lý Bạch « đại đột » mà ôm
 trăng dưới đáy nước. Ông chỉ
 than thở cảnh thế gian buồn

chán rồi khần thiết xin chị Hằng
 nhắc lên trăng :
 Đêm thu buồn lắm chị Hằng
 oi
 Trần thế em vay chán quá
 rồi
 Cung quế đã ai ngồi đó
 chữa
 Cảnh đa xin chị nhắc lên
 chơi
 Có bầu có bạn can chi tủi
 Cùng gió cùng trăng thế mới
 vui
 Rồi cứ mỗi năm rằm tháng
 Tám
 Tự nhau trông xuống thế
 gian cười !
 Những lời khần cầu « ngông
 nghênh » kia của ông, nào có
 được chị Hằng đoái hoài đến
 một mảy may bé nhỏ nào ! Và
 rồi tâm sự của ông vẫn là tâm
 sự của ngọn « Gió thu » buồn
 nao và thắm thía này :
 Trận gió thu phong rung
 lá vàng
 Lá bay tường bắc lá bay
 sang
 Vàng bay mấy lá năm già
 nửa
 Hồ hững ai xuôi thiệp phụ
 chàng !
 Trận gió thu phong rung
 lá hồng

Lá rơi tường bắc lá sang
 đông
 Hồng bay mấy lá năm hồ
 hết
 Thơ thần kia ai vẫn đứng
 không !
 Hình ảnh một người tráng
 sĩ trong buổi thu nào dừng chân
 bên bến nước, mang theo cát
 bụi đường xa lại, nhìn con đò
 sang ngang lần cuối mà khe khẽ
 thở dài : « Nhờ chuyển qua
 sông, màn đêm buông rũ, không
 biết rồi sẽ trợ được đâu đây »,
 hay phải « năm tằm qua đêm
 quán dọc đường » ?
 Mùa thu đến chậm như chưa
 đến
 Lá rơi theo gió vội vàng
 Swong đã dâng lên chiều
 lẳng xuống
 Con đò đã tắt chuyển sang
 ngang
 Đem theo cát bụi đường xa
 lại
 Tráng sĩ dừng chân khẽ
 thở dài
 Hơi lạnh đầm đìa trong
 quán lạnh
 Người ta đóng dỡ chiếc
 quan tài !
 Chạm chạp trắng liềm nhỏ
 khỏi miệng
 Ánh ngà vắt sửa xuống ngàn
 sương

Đêm nay trăng sẽ không
nơi trọ
Năm tạm qua đêm quán
đọc đường!
(NGUYỄN-BÍNH)

Và người ta cũng không quên
nhớ đến âm điệu nhẹ nhàng
của « Tiếng thu » Lưu-trọng-
Lư :

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thồn thức ?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?
Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô ?

Lạ lùng và « hấp dẫn » hơn
cả tiếng thơ Hàn-mạc. Tử đã
đắm đuối kêu :

Ô kia, bóng nguyệt trần
trường lấm
Lộ cái khuôn vàng dưới
đáy khe !...

Và ông đã xuất thần dùng
đến 6 tiếng trắng trong một
câu thất ngôn :

Trăng trắng trăng là trắng
trắng trắng !

Quả thi sĩ có khác ? Ký lục
này cho đến bây giờ, vẫn chưa

phá nổi và trong ngàn năm sau
nữa có lẽ cũng không ai !

Trở về với hoàn cảnh hiện
tại trước nỗi buồn đất nước
chia hai, ta hãy nghe tâm sự
TỬ TRẠM LỆ mà cũng có thể
là tâm sự chúng ta qua bài
« Thăm lại dòng thu » :

Non sông ơi, thu đã xuống
lá mùa

Điêu hiu trời ray rứt gió
xa đưa !

Năm tháng vẫn chưa tròn
câu thống nhất

Đường sông núi tiếng quân
hài vẫn nhất

Lá rụng nhiều trên những
bến trần gian

Hương nguyên dáng tỏ quốc
thấp cao sang

Không triết lý những hồn
mơ tuẩn kiệt

Chỉ là chỉ gươm thiêng mãi
bóng nguyệt

Xót bao thơ máu lệ chép
nghìn trang

Nhớ nhung thời mưa gió đã
lên đàng !

Mùa thu ấy, cửa đời hoa
một đống

Lòng ngơ ngác bao linh hồn
bích mộng

Nghe hoang tàn không khi
rợn mùi tanh

Những chân đi xào xạc lá
rừng xanh

Thăm biển loạn sơn hà cơn
hấp hối

Lòng cảm động như đây câu
tội lỗi

Bên cửa rừng lặng ngắm
bóng đêm thâu

Mắt u hờn xoa dịu chiếc
đầu lâu !...

Bao mùa thu lần qua trên
nước cũ

Đôi mắt ấy ngàn ngơ người
chinh phu

Đâu còn đâu xanh lẻo nước
mùa thu

Rồi nay đây Bến Hải dựng
swong mù

Hy sinh thế, miệt mài câu
nghĩa vụ

Thê lương bấy, chiến trường
không mệnh số

Ồi kiêu căng : huyết mạch
nước non nhà

Ồi căm hờn : vì vút gió tha
ma !

Ai nghe chẳng trong vườn
xưa rạn nứt

Đêm nay đây hồn thu ngủ
thồn thức ?

Xót tình thu có một cánh
thơ vàng

Bay đi tìm viễn ảnh kết
vinh quang !...

Thơ trắng thu còn nhiều,
nhiều lắm... Nhưng rất tiếc
khuôn khổ bài báo không cho
phép trích dẫn nhiều hơn thế
nữa..

Mùa thu vốn bao la, thơ thu
vốn huyền ảo, trăng thu vốn
mơ màng, làm sao có động
cho biết được ? Chúng tôi xin
dừng lại ở đây đề cùng quý bạn
nhìn chị Hằng Nga, trông chiếc
bánh Trung Thu qua chung trà
bốc khói, mà mơ đến một ngày
đất nước hết chia đôi để cho
tình thơ được rạn rở và thắm
thiết hơn hôm nay..





thăm

★ NGUYỄN-V Ý
tặng HỒ

*Coi như làn gió thoáng,
Men tóc dậy hơi thu.*

*Gió mãi say nguồn sáng
Tận cuối trời thăm-u,
Gió xây buồn dĩ-vãng
Cát hồng xây hoang-vu.*

Mây xông quan-ái,

Trầm quyến tang-du.

*Gió không còn trở lại.
Ánh nước đọng bờ thu.*

N.V.



thu hiền

★ Truyện dài
▶ Phan-Thị Thu-Mai
(tiếp theo số 198)

ÚC ấy tôi mới 20 tuổi. Đầu còn trẻ tôi vẫn quyết ở vậy thờ anh ấy cho trọn nghĩa trọn tình, nhưng ba năm sau vì hoàn cảnh đẩy đưa tôi phải thuận làm vợ nhà tôi bây giờ đã là vợ của chồng tôi, bây giờ tôi không có quyền nhớ tưởng người khác. Vì như vậy sẽ lỗi đạo phu thê, mấy chục năm rồi tôi cố quên nhưng tình cờ cử chỉ của cậu đã gọi cho tôi nhớ lại chuyện dĩ-vãng. Nếu con tôi biết nó sẽ phiền tôi không ít.

Minh cảm động thật sự vì chuyện tình của bà chủ tiệm. Tự

dưng Minh nghe mình thương mến bà ta, niềm thương mến lẫn kính phục. Minh muốn tìm một câu nói có nghĩa để an ủi bà nhưng chẳng tìm được câu nào. Thấy vẻ mặt bối rối của Minh bà chủ tiệm mỉm cười :

— Xin lỗi cậu ! Đàng lý tôi không nên đem chuyện này nói với cậu. Xin cậu đừng phiền tôi cậu nhé !

— Dạ ! Dạ không ạ !

— Cảm ơn cậu !

Bà chủ tiệm nhìn thẳng vào mắt Minh.

— Cậu không phiền về câu chuyện tôi kể chứ ?

— Dạ ! Không. Cháu rất hân hạnh vì được bà kể cho nghe về chuyện dĩ-vãng của bà.

Bà chủ tiệm nhìn thẳng vào mắt Minh.

— Tôi nói có hơi không phải. Nếu cậu không vừa lòng cậu đừng trách tôi nghe ?

— Dạ ! Bà cứ nói.

— Nếu cậu không cho tôi là không xứng đáng, tôi xin được xem cậu như người trong nhà.

Minh gạt đầu lia lịa :

— Dạ... rất sung sướng cho cháu ạ...

Bà chủ tiệm cũng mỉm cười vui vẻ :

— Sung sướng cho tôi quá. Cậu gọi tôi bằng dì nhé !

— Dạ..cháu xin vâng lời bà ạ.

— Dì chứ sao lại bà ? Dì tên Hồng thứ Tám. Còn cháu tên chi ?

— Dạ...Minh.

— Minh. Cái tên giống cháu quá, mình - mẫn, thông - minh, anh mình, cháu còn đi học ?

— Dạ ! Không ! Cháu đi làm rồi.

Dì Tám nhìn Minh :

— Còn nhỏ sao cháu không đi học lại đi làm ?

Minh thoáng bối rối, anh không biết trả lời sao, nhưng chỉ một thoáng rồi anh lấy bình tĩnh ngay.

— Thưa... Dì, cháu không thích học nữa.

— Anh... Chị còn hỏi cháu ?

— Không ! Cha mẹ cháu mất cả rồi,

— Bây giờ cháu sống với ai ?

— Ở trọ chung với mấy người bạn.

Minh ngồi nán lại nói chuyện với bà chủ tiệm một lúc nữa rồi từ giã.

Đi bách bộ trên đường vắng, Minh nghe vui vui. Đời chưa hẳn là đáng chán, vẫn còn người tốt chứ chẳng phải tất cả đều khổ nạn, tại mình yếu thế quá nên với ai mình cũng nghĩ họ là những người đáng ghét.

— Anh Minh !

Quay người lại, Minh reo lên mừng rỡ.

— Ô, Em. Hiền đi đâu đây ?

Hiền không đáp lời Minh mà hỏi lại.

— Còn anh đi đâu đây ? Có vẻ vui nhiều ? Chắc lại đưa cô nào đi Ciné xong ?

Minh cười vui.

— Em thì lúc nào cũng vậy. Cục ghen của em chắc nó to bằng quả đất, người ta vui tí xíu cũng nghi ngờ, tôi ngán cô luôn.

Hiền nhún vai :

— Ghen ! Ghen là quái gì ? em chưa ghen bao giờ.

— Thật chứ ?

— Thật một trăm phần trăm.

Minh nheo mắt :

— Chứ vừa rồi cô nói thế không phải ghen à ?

Hiền ngo ngác :

— Nói gì đâu ? em hỏi anh vì sao vui chứ nói gì ?

Minh cười xua tay :

— Ừ ! Không có nói gì thì thôi để anh nói chuyện này cho em nghe nhé ! Vui lắm.

— Dạ ! anh nói đi. Em nghe.

— Anh vừa tìm được một Bà Di.

— Một Bà Di ?

— Phải ! Anh vừa đánh một ông Dương thì lại được Bà Di.

Hiền cười ngoặc nghẹo :

— Anh nói cái chuyện gì em chả hiểu gì hết, đánh ông Dương lại gặp Bà Di. Buồn cười chết đi được.

Minh cau mày trách Hiền :

— Em sao hay đùa. Anh nói chuyện đúng-đắn cơ mà ?

— Thì anh nói cho em nghe chuyện gì anh nói úp mở em chả hiểu gì.

Minh kể lể tắt cho Hiền nghe chuyện vừa rồi và nói :

— Anh hoàn toàn không ngờ câu chuyện nó xoay chiều như vậy. Anh nghĩ ít nhất người ta cũng lời anh bỏ bót. Thế độ của anh hoàn-toàn vô lý phải không em ?

Hiền cười lắc đầu :

— Anh thì chỉ được cái là tính nóng như Trương Phi, dữ như ma, như cọp.

Minh làm một cử chỉ hăm dọa.

— Anh dữ thế đó, em coi chừng, lồi thối thì có chết.

Hiền chề môi, nàng chu miệng nói nhỏ nhỏ, giọng kéo dài dễ thương.

— Sức mấy em sợ anh?

— Hả ! Cái gì ? Sức mấy hả ? Em tôi bữa nay cũng sức mấy nữa ta. Cô Hiền ơi ! Sức mấy là gì hở cô ?

Hiền đỏ mặt.

— Anh kỳ quá hà, em nói chơi cơ mà ?

Minh nhìn Hiền thật lâu. Anh thấy Hiền hôm nay sao đẹp quá, đẹp như một nàng tiên, chiếc áo bà ba trắng, may gọn ghẽ ôm sát người Hiền, trông thanh tbanh thật dễ thương, gương mặt Hiền dịu dàng, u hoài phẳng phất nét hiền hòa, đôn hậu.

Hiền có dáng nét của một người vợ hiền hơn là một cô nhân tình đẹp để dẫn đi bát phở mỗi chiều cuối tuần. Con trai chẳng người nào không thích có một cô nhân tình đẹp, đúng thời trang để chiều chiều dẫn đi phở cho thiên hạ lác mắt, nhất là để hãnh diện với bạn bè

nhưng những cô nhân tình đó ít khi nào trở thành vợ.

Nhân tình là nhân tình, vợ là vợ. Con trai thường nói như vậy. Nhưng với Minh. Minh, không có nhân tình. Minh chẳng phải không muốn có nhân tình nhưng Minh không đủ điều kiện để có nhân tình.

Nghèo mạt rệp lấy chi mà cung phụng cho cô nhân tình đó ? Vì vậy mà người vừa là nhân tình, vừa là người yêu, vị hôn thê của Minh là Hiền. Hiền kiêm nhiệm một lúc ba cái chức vụ đó.

Tình yêu của Minh đối với Hiền thật cuồng nhiệt, say mê. Nhưng chưa bao giờ Minh được hôn Hiền, Hiền cũng yêu Minh bằng tất cả tình yêu say mê lần đầu tiên của người con gái. Nhưng Hiền rất rụt rè, nhút nhát, không bạo dạn trong tình yêu như những cô gái thời đại.

Dầu sống khá lâu ở thành phố, nhưng Hiền vẫn còn giữ được những nét e ấp của một cô gái tỉnh lẻ. Tuy không quê mùa nhưng không quá suồng sã.

Và Minh rất bằng lòng về cá tính đó của Hiền từ bé thơ. Minh đã mất tất cả tình thương của cha mẹ, chị em, quyến thuộc. Minh tin tưởng sau này Hiền sẽ đem đến cho Minh tất cả những thứ tình thương đó. Hiền là người vợ, mà cũng là người chị, cô em gái, người bạn tốt.

Minh xây đắp giấc mộng với Hiền thật đẹp.

Sau ngày cưới nhau. Hai vợ chồng sống êm đềm với bà mẹ hiền và thằng em trai nhỏ thật ngoan.

Ngày hai buổi anh đi làm, Hiền ở nhà chăm sóc gia đình. Mỗi sáng hiền dậy sớm làm điem tâm cho anh và cả gia đình. Ăn xong anh đi làm, Hiền đi chợ. Hả đi học. Mẹ ở nhà trông chừng nhà.

Buổi trưa Minh về. Hiền chạy ra đón anh trên tay còn cầm chiếc thìa, trán nàng lấm lấm mồ hôi. Khuôn mặt hồng hào vì ánh lửa. Anh sẽ vuốt những sợi tóc lòa xòa trước trán cho vợ, và đặt đấy một nụ hôn.

Hạnh phúc như thế có vẻ thường và khuôn sáo. Nhưng muốn trở thành một thiên tài điều trước nhất phải thỏa mãn về tình yêu. Tình yêu mỹ mãn, đẹp, thì người ta mới có thì giờ để hết tâm trí vào việc khác.

— Cũng có những trường hợp những thiên tài này nở ra từ trong đau khổ, nhưng thường thì những nhân tài đó rất yếu thể bi quan và chán đời, tâm hồn họ không bình thường, cũng như cuộc sống của họ.

Minh gọi Hiền khe khẽ âu yếm :

Hiền !

— Dạ.

— Anh yêu em ?

Hiền nhìn Minh mỉm cười sung sướng. Minh đọc trong ánh mắt Hiền có đến ngàn lời yêu thương âu yếm. Minh muốn nói với Hiền thật nhiều nhưng anh không biết nói gì. Lời nói không diễn tả được gì cho ý Minh muốn nói. Minh chỉ im lặng nhìn Hiền.

Gương mặt Hiền đang vui bỗng nhiên buồn. Minh thoáng ngạc nhiên.

— Em có vẻ buồn? Chuyện gì hả Hiền?

Hiền lắc đầu:

— Dạ! Hiền có buồn chi đâu?

Minh cau mày:

— Hiền đâu anh! anh không thích Hiền nói dối.

Hiền tái mặt thú nhận. Lâu lắm Hiền mới ngược nhìn Minh:

— Anh định nghĩ học?

Minh không dấu được ngạc nhiên:

— Ai nói với em thế?

— Đáng lý anh không cho em biết thì em không nói làm gì. Bởi anh muốn làm gì thì làm anh đâu có cần ý kiến của em? Nhưng em không an tâm nên phải hỏi anh.

Giọng nói trách móc của

Hiền không làm Minh khó chịu mà cho Minh cảm giác ân ái sung sướng.

— Qua lời nói Minh biết Hiền yêu anh nhiều lắm.

— Anh xin lỗi Hiền. Không phải anh coi thường Hiền nên không hỏi ý kiến Hiền,, chỉ tại anh sợ Hiền buồn nên anh không dám nói. Anh định khi nào sự việc xong rồi, chừng ấy Hiền ít buồn hơn. Em đừng trách anh tội nghiệp.

(còn nữa)

Tạm ngừng đăng:

« MÂY CÔ ĐƠN »

Vì nhiều thư của bạn đọc yêu cầu, chúng tôi tạm ngừng đăng truyện « Mây Cô Đơn » của Trung - Úy Pháo - binh Nguyễn-Vũ. P.T.

Đã phát - hành

Mẹ ơi! Con đã lớn rồi!

Thi-phẩm thứ 5 của LƯƠNG-TRỌNG-MINH

Tập thơ nói lên sự lớn mạnh của dân-tộc Việt-Nam trong khói lửa chiến-chinh đau khổ và vinh-quang.

— QUẾ-SƠN xuất bản

4.000 NĂM

DÂN CA VIỆT-NAM

● của MAI-ĐẮC. KBC 4705

□ HÁT CHƠI CỦA TRẺ EM QUẢNG-NAM TRONG ĐÊM TRĂNG TRUNG-THU

DIỆU-HUYỀN phân loại và chú thích

16.— Trăng ơi,
Xuồng đây mà chơi
Có bạn có bạn,
Có ván mâm xôi,
Có nồi cơm nếp,
Có nệp bánh chưng,
Có múa kỳ lân
Có khoan pháo nổ,
Đèn treo cửa sổ,
Con chồn
nhảy qua,
con gà
tục tác
con nác có Juôi, (a)
con ruồi có cánh,
Đồng gánh có màu,
Con gấu có tai,
Con nai có sừng,
Bánh chưng thì ngọt,
a) Con nác : con nòng nọc.

Roi mót thì đầu, (b)
 hàng trâu hàng cau
 là hàng con gái
 hàng bánh hàng trái
 là hàng bà già
 hàng bông hàng hoa
 là hàng Nhứt-bồn
 nấu cơm sồn sồn
 Đi chợ gánh tương
 Đội nón hai sườn
 là con gái Huế,
 cỡi ngựa mà tề (c)
 là thẳng chân trâu
 cò bay đi đâu
 thì chỉ cho chú
 chú bắt được ba
 chú cho cháu một
 con nào thiệt tốt
 chú để chú nuôi
 con nào cụt đuôi
 chú cho cháu nướng.

b) : Ở thôn quê miền Trung cha mẹ thường đánh con bằng chiếc « roi mót », là roi bằng tre hoặc bằng củi, hay bằng mây, cọng roi nhỏ nhưng đánh rất đau.

c) : Ngựa tề : (tiếng miền Trung) ngựa vừa chạy vừa vọt lên hai chân trước một lượt.

Bài này từ Bình-Định trở vô Phan-Thiết, đoạn dưới từ câu « Nấu cơm sồn sồn »... Sửa đổi khác hẳn như sau đây :

Nấu cơm sồn sồn
 Là nậu Minh-Hương (d)
 Đội nón hai sườn
 Là quân ở Huế

(d) : Minh Hương : Việt lai Tàu, và nhập tịch Việt-Nam.

Cỡi ngựa đi tề
 Là quân Đông-nai
 Trồng củ trồng khoai
 Là nậu ở rẫy
 Đánh bầy đánh giò
 Là nậu chặn trâu
 Cát cò hái dâu
 Là nậu nuôi tằm
 Vừa ăn vừa nằm
 Là nậu làm biếng. (e)

(e) : Nậu : một giọng nói trại do tiếng nậu, có nghĩa là « hạng người, bọn, những kẻ, những người, v.v... ».

87.— Sáng trăng

Ra đồng,
 Bắt được con công.
 Đem về cho ông,
 Ông cho trái thị,
 Đem về cho chị,
 Chị cho bánh khô,
 Đem về cho cô,
 Cô cho bánh ú,
 Đem về cho chú,
 Chú cho buồng cau.
 Chú với thím cãi nhau,
 Trả buồng cau cho chú,
 Trả bánh ú cho cô,
 Trả bánh khô cho chị,
 Trả trái thị cho ông,
 Bắt con công trở lại.

Hai bài hát trên đây là của trẻ em miền Trung hát chơi những đêm thu sáng vắng vạc, và do chính các em đặt ra, cho nên lời hát đầy giọng ngây thơ, chất phác, nhưng không phải là không có ý nghĩa. Trong bài trước (số 86), chúng ta thấy các em tụ họp

trước sân nhà nhìn lên trăng đẹp, rủ trăng xuống chơi cho « có bạn có bạn » vì thấy trăng-cô độc giữa trời. Tình thương kẻ cô đơn đã có sẵn trong tâm hồn các em, dù kẻ cô đơn đó là mặt trăng ở xa với vọi cao tít trên trời xanh. Sự trăng không xuống chơi, các em phải đem các món ăn ra để quyến rũ trăng nào là mâm xôi, cơm nếp, bánh chưng, lại có múa kỳ lân, pháo, đèn, trong đêm Trung-Thu, vui lắm đẹp lắm... Xuống đây mà chơi, mà ăn xôi, ăn bánh, múa kỳ lân, ở Trăng!

Và xuống đây, các em sẽ chỉ cho trăng xem những con vật của trần gian :

Con chồn nhảy qua,
Con gà tục tác,
Con nác có đuôi
Con ruồi có cánh, v.v..

Là những con vật không có trên trời, cho nên không có ai chơi với trăng... Kể cả « con gấu có tai, con nai có sừng », và không quên nhắc đến : « Roi mót thì đau », vì thỉnh thoảng tụi em cũng bị ông già bà già đánh cho một trận roi mót đau quá xá đau. Lại có hàng trăm hàng cau cho tụi con gái bán buôn, (nghĩa bóng là con trai con gái lớn lên được kết duyên thành chồng vợ, v.v...), chứ không phải « ăn rồi nằm là thằng làm biếng », nói bóng, ám chỉ thằng Cuội trên trăng. Hoặc giả, các em hăm dọa trăng nếu không xuống chơi với tụi em, tụi em sẽ gọi ông chú ông bác bắn trăng rớt xuống và đem nướng trăng (ám chỉ bánh dẻo Trung Thu giống hình mặt trăng, bằng bột trắng). Cũng như bầy cò bay (cò cũng trắng như mặt trăng) :

« Chú bắt được ba,
Chú cho cháu một,
Con nào thiệt tốt,
Chú để chú nuôi,
Con nào cụt đuôi
Chú cho cháu nướng... »

Trong bài hát sau, số 87, các em lại có giọng khác.

Nhân đêm trăng, các em ra đồng chơi bắt được con công. Tại sao bắt con công, chứ không bắt con khác ? Tại vì lông cánh con công có nhiều hình mặt trăng, mặt trời. Bắt con công « đem về cho ông, ông cho trái thị, đem về cho chị, chị cho bánh khô, đem về cho cô, cô cho bánh ú, đem về cho chú, chú cho buồng cau... » Nhưng thiếu hà tiện, thiếu la rầy chú sao lấy một con công mà đòi một buồng cau, nhiều quá vậy ? Ý của thiếu là con công tuy mang đầy mặt trăng mặt trời nhưng không có giá trị bằng một buồng cau. Các em nghe vậy, ức lòng liền trả buồng cau cho chú, trả luôn bánh ú cho cô, trả bánh khô cho chị, trả trái thị cho ông và « bắt con công trở lại ». Đối với các em buồng cau không chơi được, không ăn được, và đâu có đẹp bằng con công đầy mặt trăng mặt trời ?

Đó là ý nghĩa bao hàm một tính tình vừa ngây thơ, vừa bướng bỉnh, của trẻ em nông thôn Việt-Nam đối với trăng thu !..

D.H.

(còn nữa)



★ Danh ngôn

Đối với người phú quý, có lẽ độ không khó, nhưng cư xử sao để giữ thể thống và tỏ ra không hạ mình mới khó; đối với người nghèo hèn ta ăn ở có ân huệ, đối với họ không khó, nhưng xử cho lễ độ mới khó.

LƯU CAO

XÃ THUYẾT...

(Tiếp theo trang 6)

Kết quả bầu cử cho mọi người thấy rằng đồng bào cử tri rất sáng suốt và không hề cho những lời xuyên truyền mị dân lừa gạt. Dù các ứng cử viên hứa hẹn gì đi nữa, huynh hoang cho mấy đi nữa, đồng bào vẫn không nghe, mà chỉ xét theo tư cách và giá trị chân chính của mỗi người.

Kết quả không có gì đáng ngạc nhiên; và biểu hiện nhiều yếu tố nhận xét thiết thực để cho kẻ đắc cử, người thất bại, toàn thể đồng bào, các nhà quan sát trong nước và quốc tế, suy nghiệm mà cần nhắc thận trọng về tình hình chính trị thực tế của Miền Nam chúng ta.

Hiểu rõ THỰC TẾ TÂM-LÝ VÀ LỊCH-SỬ ấy, tức là tìm được BÍ-QUYẾT CHỐNG CỘNG VÀ THẮNG CỘNG DỄ DÀNG VÀ HỮU-HIỆU NHẤT.

Cộng sản đã thất bại trong chương trình phá hoại bầu cử: điều đó đã chứng tỏ rằng quảng đại quần chúng nhân dân miền Nam không ủng hộ Cộng-sản, và Cộng-sản có đánh 10 năm, 20 năm nữa cũng không thể nào chiếm được đất đai và lòng dân miền Nam.

Nhưng nếu nhà cầm quyền của tân chế độ miền Nam coi thường hiện trạng tâm lý và lịch sử của nhân dân, nếu quá chủ quan và độc đoán trong mọi hành vi và nhận thức sự kiện lịch sử, thì tôi thấy rằng công việc CHỐNG CỘNG và DIỆT CỘNG để CỨU QUỐC và KIẾN QUỐC sẽ không có kết quả tốt đẹp như mọi người mong ước.

MỐI TÌNH VƯƠNG - GIÀ
GIỮA HAI NƯỚC

Chiêm - Việt

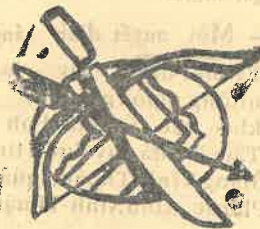


CHẾ-MÂN

và

HUYỀN-TRÂN

Công chúa



CHẾ Mân tên thật là Harijitmatmaja, con vua Indraverman V và Hoàng hậu Gaurendraksmi. Khi Hoàng tử Harijit nối ngôi cha, lấy tên chính thức là Jaya Sinhavarman III, tức Po Devada Svor, đóng đô tại thành Chà Bàn (1).

Harijit được người Tàu gọi là Bồ-Đích (Pou-Ti), còn người Việt lại gọi Chế-Mân. Tại sao người Việt-Nam gọi là Chế-Mân? Nhà cổ học người Pháp tên G. Maspéro đã giải thích rằng: do

- (1) Thành Chà-Bàn (là Đò-Bàn) xây-dựng vào năm 1.000 và bị tàn-phá vào năm 1471 do cuộc chinh-phạt của Vua Lê-thánh-Tôn, hiện nay tại Bình-Định vẫn còn di-tích. Đây là kinh đô cuối cùng của nước Chiêm-Thành. Đến đây ta cũng nên biết sơ qua: — Thủ-đô đầu tiên của Chiêm-Thành đặt tại Trà-Kiệu (tỉnh Quảng-Nam) từ năm 192 thế kỷ thứ IV, Thủ-đô thứ nhì lập tại Đồng-Dương (cũng tại Quảng-Nam) từ thế-kỷ thứ V đến thế-kỷ thứ X, Thủ-đô thứ ba đóng tại Virapura gần tỉnh-ly Phan-Rang bây giờ từ năm 758 đến năm 859. Đến cuối thế-kỷ thứ X lại dời đô ra Chà-Bàn (tại tỉnh Bình-Định)

chữ phạn Cú (nghĩa là vua Chúa) gọi tắt thành « Chế » và âm vận sau cùng của tên Sinhavarman gọi tắt ra là « Mân » (2).

Trong thời gian trị vì của Chế-Mân có một đặc biệt nhất, là sự bang giao giữa hai nước Chiêm-Thành và Việt-Nam rất là hòa hảo, khác hẳn các triều vua trước và các triều Vua sau này nữa.

Tình giao hiếu thân hữu đưa đến mối nhân duyên đậm đà giữa vị Chiêm-Vương và nàng Công chúa Việt-Nam. Lịch sử của hai nước đều nói đến cuộc hôn nhân vương giả này.

Riêng Việt sử đã ghi hai sự việc sau đây :

1) Sau khi truyền ngôi cho con (là Trần anh-Tôn), vua Trần-nhân-Tôn đã có lần du ngoạn đất nước Chiêm-Thành, ở tại đây suốt 9 tháng liền trong cung điện Vua Chiêm, từ tháng 3 đến tháng 12 năm Tân-Sửu 1301 mới trở về nước. Trong thời gian này, Thượng Hoàng có hứa gả Công chúa cho Chiêm-Vương.

2) Chế-Mân xin cưới Công chúa Trần thị Huyền - Trân, và xin dâng Châu Ô, Châu Lý, cùng

nhieu ngọc ngà vàng bạc làm vật sinh lễ. Vua Trần anh Tôn chấp thuận gả em gái.

Dân chúng nổi lên phản đối, ngay trong Triều đình cũng có nhiều người không tán thành. Nhưng cuộc hôn nhân Chiêm-Việt vẫn thành tựu, tại sao vậy ?

Vua Trần anh Tôn và Triều đình quyết định tác thành cuộc nhân duyên, vì hai lý do rất có lợi cho tổ quốc và có ích cho dân tộc. Lý do chính yếu là vấn đề chính-trị : Vua muốn hòa hảo một lân quốc rất hiếu chiến và khá hùng cường lúc bấy giờ, hầu giữ biên thùy phương Nam được bình an; lý do chính yếu là vấn đề mở rộng cương giới lãnh thổ, một dịp tốt đưa đến tổ quốc ta thêm « một cõi đất vuông ngàn dặm » nữa.

Nói tóm lại, Vua Trần khéo xếp đặt một tuồng chính trị cho đất nước và nạn nhân chính là em gái mình.

— Một quyết định sáng suốt

(2) Ta biết được vậy là nhờ những giòng chữ phạn khắc vào tấm bia Poh Sah. Tấm bia đá này được tìm thấy ở làng Vĩnh-Thuận, quận An-Phước, tỉnh Ninh-Thuận.

của vua Trần anh Tôn rất đáng được hậu thế khen ngợi.

— Một hy sinh cao cả của Công chúa Huyền-Trần rất đáng cảm phục và ca tụng.

Lúc bấy giờ, trong dân chúng hát lắm câu ca dao câu hò khá mỉa mai về nhân duyên chua chát này :

« Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Đề cho thằng Mán thằng Mường
nó leo »

Tiếc thay cây quế châu-thường.
Đề cho thằng Mọi thằng Mường
nó leo.

Tuy đã có vợ chính thức người xứ Java (thuộc nước Indonésia ngày nay) tên là Hoàng hậu Tapasi, vua Chiêm quốc CHẾ-MÂN vốn đa tình, muốn lấy thêm một cô vợ người Việt nữa.

Tháng 12 Tân-Sửu (1301) đến tháng 6 Bính-Ngọ (1306), các đoàn sứ-giả hai nước Chiêm-Việt giao du qua lại suốt 5 năm trời mới thành tựu cuộc hôn nhân này

Kết quả lễ thành-hôn cử hành vào tháng 6 Bính-Ngọ, Công-chúa Trần-thị-Huyền-Trần lên đường sang Chiêm-quốc, cuộc lộ trình phải vượt qua dãy Hoàng sơn.

Sau khi đến kinh đô Chà Bàn một thời gian ngắn, Huyền - Trần

được quốc vương Chế - Mân phong làm Hoàng hậu với mỹ danh Paramecvari (2)

Tình duyên Chiêm-Việt rất mực âu yếm đượm nồng chẳng được bao lâu, bỗng Chế - Mân băng hà vào tháng 5 năm Đinh Mùi (1307). 11 tháng hương lửa đang nồng, tơ duyên bỗng đứt đoạn.

Theo tục lệ của Chiêm - quốc, Huyền-Trần phải lên hỏa đàn tuần táng để tạ ơn nghĩa cùng Chế-Mân. Được tin Chiêm vương chết, vua Trần anh-Tôn sai Trần khắc-Chung (là quan nhập nội hành khiển Thượng thư Tả bộc xạ) và Đặng Văn (là An phủ sứ) gấp rút sang dự lễ tang để lập mưu đem Công chúa về lại nước khỏi bị hỏa thiêu.

Trần khắc Chung nói thác từ rằng ; « ... Nay Chiêm và Việt đã

(2) Tại cuốn « Dân-tộc Chăm lược sử » Ông Dohamide và Dorohiem không tán đồng lời giải-thích này.

(3) Tức là Công-chúa Huyền-Trần, sau khi được phong làm Hoàng-hậu.

kết liền nhau, thì 2 nước nên giữ các phong tục nào tốt. Quân vương đang mất, nếu đem Hoàng hậu tuấn táng ngay, thì việc tu trai không có người chủ trương nữa. Chi bằng lấy tục lệ nước Việt tôi, trước hết đưa Hoàng hậu ra biển chiêu hồn ở bên trời, đóa linh hồn quân vương cùng về, rồi Hoàng hậu mới vào hỏa đàn. Như vậy quý quốc giữ được các tục lệ tốt của hai nước ».

Người Chiêm Thành nghe theo bèn cho 300 người hộ vệ và cấp thuyền bè chở Công chúa Huyền-Trần ra tận biển khơi chiêu hồn quân vương Chế Mân.

Khi đoàn thuyền ra giữa biển, Khắc Chung dùng một chiếc thuyền nhẹ cướp mất Công chúa đem đi. Đoàn thuyền rượt theo không kịp, rồi tiếp tục ra tận Thăng Long để đuổi bắt cho kỳ được. Đến nơi, tất cả bị lưu giữ lại, chờ một năm sau, khi Công chúa về đến kinh đô, vua Trần anh Tôn mới cho 300 người Chàm xuống thuyền trở về lại Chiêm quốc.

Còn Trần khắc - Chung, khi cướp được Công chúa rồi, bèn tư thông cùng Huyền Trần chưa

về nước ngay, sống ái ân hơn một năm trời trên mặt biển quanh quất nơi nơi (4). Khi hai người về đến Thăng Long là nhằm ngày 18 mùa thu năm Mậu Thân 1308.

Chế Mân chết, dân tộc Chiêm Thành mất một vị Vua tài ba lỗi lạc. Trong thời gian trị vì, Chế-Mân đã đem lại đất nước đời sống thái-bình an-lạc. Chế-Mân đã xây dựng nhiều đền đài nguy nga tráng lệ, như những ngôi

(4) Ngoài ra, ta cũng được nghe nói đến chuyện tình-duyên sẵn có của Huyền-Trần với Khắc-Chung trước khi sang Chiêm-quốc. Có lẽ vì vậy vua Trần-anh-Tôn giao Khắc-Chung trọng trách giải-thoát Huyền-Trần.

Sau khi cứu thoát thành công, hai người cùng ái-ân một thời-gian khá lâu là chuyện gặp nhau của « hoa xưa ong cũ » sau 11 tháng gián-đoạn về Chế-Mân.

Đã vì ích-lợi quốc-gia dân tộc, mà Huyền-Trần đành chịu hy-sinh tình riêng tư, như vậy ta thấy được sự hy sinh này rất là cao quý. Khắc hản với Chế-Mân đã nở tâm cắt xén tổ-quốc làm vật sinh-lễ cầu hôn.

tháp nằm trên đồi Chok Hala (đồi cây Trầu) hiện nay vẫn còn.

Bao công trạng ấy, Chế - Mân không khỏi bị lịch sử Chiêm quốc ghi đến hành động cắt xén đất đai tiền nhân đem dâng hiến cho nước láng bang để đánh đuổi chút tình riêng tư.

Trái lại, ngày nay dân Việt lần giờ trang sử ghi lại mối tình trên với một hy sinh cao cả của Công chúa Trần thị Huyền-Trần và một quyết định sáng suốt của Vua Trần anh Tôn. Biên giới tổ quốc Việt-Nam từ đây được mở rộng thêm về phương Nam mà chẳng phải tổn xương máu

Tuy được dâng hiến từ năm 1306, đến tháng giêng năm Đinh Mùi 1307, vua Trần mới cử Đoàn như-Hải thiết lập guồng máy cai trị địa phương và đổi lại tên mới, gọi Châu Ô là Thuận Châu và Châu Lý là Hóa Châu.

Ngày nay trong cuộc hành trình từ Nam ra vĩ tuyến, và ngược lại, mỗi lần qua dãy đất rộng mông mênh từ Điện Bàn (địa giới Tỉnh Quảng Nam ngày nay) đến khỏi tỉnh lỵ Quảng Trị, không mấy ai không nhớ đến mối tình sử Chiêm

Việt nói trên ; nhưng trái lại ít ai phân biệt rõ ràng đâu là địa giới của Châu Ô Châu Lý xưa kia.

Vậy xin thưa, ngày nay các Quận sau đây : (6)

— thuộc về Châu Ô gồm :

Quận Triệu Phong

Quận Mai Lý

Quận Hải Lăng (3 quận này thuộc Tỉnh Quảng-Trị, riêng các Quận Cam Lộ Hương Hóa và Ba Lòng lúc bấy giờ là đất của Ai Lao, đến năm 1822 mới nhập thuộc nước Việt) thuộc về Châu Lý gồm :

Quận Hương Điền

Quận Phong Điền

(6) Khảo-cứu này căn-cứ vào « ĐAI-NAM NHẤT-THỐNG CHÍ »

Theo Khâm-Định Việt-sử, thì Châu Ô gồm các huyện Đăng-Xương (tức Thuận-Xương, thuộc phủ Triệu-Phong, tỉnh Quảng-Trị), Hải-Lăng (tỉnh Quảng-Trị) và các huyện Phong Điền, Quảng-Điền, Hương-Trà (tỉnh Thừa-Thiên) Châu Lý là các huyện Phú-Vang, Phú-Lộc (tỉnh Thừa-Thiên) và các huyện Diên-Phước, Hòa-Vang (tỉnh Quảng-Nam),

Quận Quảng Điền
Quận Hương Trà
Quận Phú Vang
Quận Hương Thủy
Quận Phú Thù
Quận Vinh Lộc

Quận Phú Lộc (9 Quận này thuộc tỉnh Thừa-Thiên, riêng Quận Nam-Hòa lúc bấy giờ có lẽ là đất của Ai Lao)

- Quận Hiếu Đức
- Quận Hòa Vang
- Quận Điện Bàn
- Quận Hiếu Nhơn
- Quận Đại Lộc
- Quận Thường Đức (6 quận này thuộc tỉnh Quảng Nam)

Với bút hiệu Thái-xuyên, Ông Hoàng cao Khải có để lại một



Sách mới

Sách dịch song-ngữ, đối chiếu Anh-Việt :

Vua sông vàng

(THE KING OF THE GOLDEN RIVER)

dịch giả LUU-BẮNG. Sách dịch công-phu, có tranh và chú thích kỹ. Giá 18\$.

bài thơ đường luật về mỗi tỉnh sử này:

Vịnh Huyền Trần Công Chúa

« Đồi chác xưa nay khéo nức cười,
Vốn đà chẳng mất lại thêm lời.

Hai Châu Ô, Lý vương ngàn dặm.

Một gái Huyền - Trần đáng mấy mươi.

Lòng đỏ khen ai lo việc nước.
Môi son phải giống mãi trên đời.

Châu đi rồi lại châu về đó.
Ngơ ngẩn nhìn nhau một lũ Hời ».

ĐẠI THẠCH LÊ ƯỚC
(Quảng-Ngãi)

Bi-kịch Xã-hội thời tại

(3 MÀN)

TRÚC MỘC

★ NGUYỄN-HỮU

(Tiếp theo PT 198)

NHIÊU : Trời ơi, tưởng gì chứ chứa bạc thì cháu xin chịu vì lỡ có chuyện gì rồi mang tai tiếng cho cậu mợ cháu.

HOÀ : Có việc gì mà chú phải lo, tôi chứa bạc thì tôi có trách nhiệm. Xây ra chuyện gì thì có anh tôi bảo đảm, tôi chịu tội chú là phận tôi tớ, ai cần đếm xỉa gì mà chú lo.

NHIÊU : Thưa mợ, nhưng hiện cháu có trách nhiệm xử lý thường vụ cái nhà này ạ. (giữa lúc đó có chuông điện thoại reo gấp rút, Nhiều giật mình định chạy lên gác nghe, nhưng Hoà cản lại).

HOÀ : Nhà vắng chủ mà cũng có người gọi điện thoại, có vẻ gấp rút quá nhỉ ?

NHIÊU : (lúng túng) Dạ, nhà

này thì đâu có thể ạ, chỉ có bây giờ đấy thôi ạ. Để cháu lên.

HOÀ : (cản lại) Được đề tôi lên nghe và trả lời thay cho, chú làm ơn rót cho tôi ly nước trà. (Nói xong Hoà thông thả lên gác giữa tiếng chuông điện thoại reo vang từng hồi và giữa sự lo ngại của Nhiều).

NHIÊU : (Ngồi đứng không yên tự phân bua với mình) Cậu ơi chỉ vì tiếng chuông điện thoại báo hại.

(Có tiếng Hoà trả lời điện-thoại vọng lại : Allô, xin lỗi cô là ai đấy nhỉ ? A, à, cô cần gấp anh Thuận Vàng tôi là em gái của anh Thuận đây, cô có việc gì gấp không ? Dạ, cô bảo sao ? A dạ anh tôi có hẹn mời cô đến nhà chơi chiều nay, cô đã nhận lời ạ, nhưng vì có công việc bất

ngờ nên cô chưa thể đến được ạ. Dạ, vâng, có ạ, anh tôi ở nhà đấy ạ, đang ở ngoài vườn, cô có thể cho tôi biết quý danh để tôi tiện thưa anh tôi biết đề lên tiếp chuyện với cô ạ. Dạ, vâng cô tên là... Mỹ-Dung ở 35 đường chợ—Dạ, xin cô giữ máy—Anh tôi lên ngay...)

HOÀ : (Từ trên gác vừa chạy xuống cầu thang, vừa hét lên) Nhiều. Nhiều thì ra chú toa rập về hòa với chồng tôi để phá gia đình tôi hả ? Anh Thuận đâu ? Chú khôn hồn thì lo chỉ gấp, không chú sẽ biết tay tôi.

NHICU : (Lúng túng, mắt tinh thần) Dạ, cậu, cậu, cậu ở trên gác (nói xong làm ra vẻ anh hùng).

HOÀ : (Lại vọt chạy lên gác, tiếp theo có tiếng đập phá vọng lại).

NHIÊU : (Hoảng sợ định chạy lên lầu can),

(Thi thêm THANH ở ngoài vác ba lô vọt vàng bước vào nhà)

THANH : (Ngạc nhiên, gọi Nhiều) Nhiều, chuyện gì ồn ào trên gác vậy ?

NHIÊU : Dạ, cậu đã về ạ. Vợ

chồng cậu Thuận đang choảng bậy nhau ạ.

THANH ; (Ngạc nhiên nhìn Nhiều, rồi vọt chạy lên gác. Có tiếng Thanh vọng ra) chú thím định phá tan nhà này hả ? Đi xuống. đi xuống cả !! (nói xong thì thấy Thuận, Hoà mặt đầy vết cào, áo quần tả tơi từ trên lầu loáng thoáng bước xuống. Hoà khóc tức tối, Thuận mặt buồn xo, Thanh thông thả đi theo sau, đến ngồi ghé Salon nghiêm nghị hỏi Nhiều) Nhà tôi và con tôi đi đâu mà anh đề trong nhà lung tung như nhà vô chủ thế này ? Há.

NHIÊU : (Sợ hãi, rụt rè) Dạ, thưa cậu, vợ cháu đã ra đi...

THANH : (Vọt đứng lên) Nhà tôi đã ra đi...

NHIÊU ; Dạ, vì vĩ tuyến thì sắp đến ngày đóng kín. Đợi cậu thì không thấy về nên vợ cháu đã ra đi 3 hôm nay rồi (móc túi lấy thư) và có đề lại cho cậu một bức thư.

THANH : (Giật lấy thư) còn con tôi ?

NHIÊU : Dạ, vợ đem gởi nhờ Bà ngoại cháu săn sóc hộ.

THANH : (Đọc xong thư, nước

mắt từ từ rơi giọt, nhìn vợ chồng Thuận như trách hờn. Vợ chồng Thuận tỏ vẻ sợ hãi ngượng ngùng nhìn lơ đi chỗ khác). Thôi, chú thím về đi, thế này cũng đủ làm chú thím thỏa mãn lắm rồi. Chú thím về ngay, về ngay, về... (Giữa lúc đó, Ngọc hiện ra trước cửa nhà rụt rè nhìn số nhà rồi vọt chạy vào).

NGỌC : (Vui mừng) Anh, anh Thanh ! Em, em đã về (Ngọc ôm chầm lấy Thanh nước nở).

THANH : (Mừng rỡ, nghi ngại, ôm đôi bờ vai Ngọc và nhìn thẳng vào mắt Ngọc vồn vã hỏi) Còn... Còn chị đâu ?

NGỌC : (khóc nước nở) Dạ, chị, chị, đã... (nói không ra lời)

THANH : (Hối hả) Chị đã sao... Chị đã sao ?

NGỌC : Chị đã bị Việt-Cộng bắt.

THANH : (Như điên) Em nói sao... Chị đã bị Việt-Cộng bắt ? (buông xuôi 2 tay xuống, nước nở) Trời ơi ! Em ơi ! (gục đầu vào thành gác lầu, giữa tiếng nước nở của Ngọc, thái độ đắc thắng của vợ chồng Thuận vừa nhìn Thanh vừa bỏ đi về và cử chỉ buồn xo của Nhiều.

— Màn từ từ hạ —

MÀN III

(Vãn cảnh nhà THANH, 6 năm về sau, nên cách trang trí sang trọng và hợp thời hơn).

(Bà Cả THỌ, vợ chồng THUẬN, và NGỌC)

THUẬN : Mẹ sinh nó ra được, thì việc định vợ gả chồng cho nó là quyền ở mẹ. Còn tụi con thì thế nào cũng được. Mẹ đừng phân vân đi điều đó, miễn sao nó nhớ đến ông anh bà chị cực khổ này là được.

Bà CẢ THỌ : Không, mẹ cũng biết vậy, nhưng mẹ muốn hỏi các con về cái đám thặng Khoan con cụ Mẫn ấy. Nghe đâu thặng đó là bạn với con. Nên mẹ muốn biết rõ nó người ngòm như thế nào đó thôi, Còn về sự bề thế của gia đình nó thì ăn đứt rồi, và lại bà cụ Mẫn cũng xuề xòa, dễ tính.

HÒA : Tưởng đám nào, chứ chỗ Bà Cụ Mẫn với gia đình nhà ta thì quá là tương đắc lắm rồi. Con nhớ lần nào mẹ con mình đến chơi phe ở đằng ấy cũng rất là vừa ý. Nhà cửa sang trọng Bà cụ lại dễ dãi, con cái lại hiếm hoi. Mà con nghe đâu anh khoan ấy đang còn bận học hành trò trống gì ở Saigon cơ mà.

THUẬN : Nó vừa về mấy hôm nay, gớm, gặp anh nó mừng quá tưởng như nó hiện đang mở xuất nhập cảng ở trong đó thì phải, chứ học hành gì đâu. Năm ngoái gặp nó thì nó bảo nó đang xúc tiến việc plastic gì đó. Tháng trước đây thì nó bảo nó bận rộn về việc dẫn thủy nhập điền ở Mỹ-Tho, hôm qua nó lại bảo đang tiến hành việc xuất nhập cảng. Thật, phải đại giàu, đại tài ba nhanh nhẹn như nó mới đảm nổi.

Bà Cả THỌ : Thế năm nay có bao nhiêu tuổi nhỉ ?

THUẬN : Dạ, hình như nó 34, 35 gì đó, lúc đi học nó hơn con 3, 4 tuổi. Nó cũng đã có vợ con đang hoang rồi, không hiểu sao năm 55 đùng 1 cái vợ chồng ly-đị nhau. Tội nghiệp, thế nó vẫn tốt đạo đức, nghe đâu vợ chồng ghen nhau, vợ thì ghen chồng theo người tớ gái, chồng thì bắt quả tang vợ tư tình với tài xế, rồi cứ thế mà nặng lên.

HÒA : Thi hơi đâu mà đề cập đến dĩ vãng của người ta thêm mệt, hiên tại là đủ. Trai năm thiếp bảy thê, cần cóc khô gì những thứ nhặng ấy cho phí sức.

Bà Cả THỌ : Ừ, thì mẹ cũng nghĩ vậy, miễn sao cho con Ngọc có an nhàn, sung sướng cuộc đời nó là mẹ yên chí rồi.

NGỌC : Thưa mẹ, con đã nhiều lần thưa mẹ khoan đề cập đến vấn đề hôn nhân của con trong lúc này. Vì con còn tự thấy con có bốn phận gánh vác việc nhà cho anh Thanh con. Đến khi nào cháu Tuấn khôn lớn, gia đình anh chị ấy xum họp lại, thì lúc ấy việc hôn nhân con mẹ sẽ bàn nghĩ đến cũng không muộn,

Bà Cả THỌ : Cô tưởng cô còn bé bỏng lắm hả ? 23, 24 tuổi đầu rồi, chứ phải 18 đôi mươi gì nữa. Còn việc thằng Thanh, anh mày, còn tao sống đây không đảm nổi cho anh mày sao ?

THUẬN : Giời ơi ! Mẹ sức hơi nào đi cãi với nó. Mẹ cứ định đoạt lấy rồi đâu sẽ vào đấy cả. Các cô, ai còn lạ gì nữa.

NGỌC : Anh Thuận, em cảm anh không được đỡ cái giọng hợm người ấy nữa. Anh tưởng ai cũng dễ dàng, cũng choáng mắt như bọn gái anh thường tiếp xúc đâu nhé.

THUẬN : (Cười khẩy) Cent pour cent các cô là thế cả cô ạ. Sợ

người ta không thêm đoài hoài đến, lúc đó, rồi, rồi...

HÒA : Thi ra cái anh này chỉ được có một việc phá đám. Trong lúc mẹ đang cần nhẹ nhàng phân giải đều hơn lẽ thiệt cho cô nghe thì anh lung tung xoe thể này thì còn làm ăn gì được nữa.

NGỌC : (Đứng lên, nghiêm chỉnh) Thưa mẹ, con đã nhưt quyết dứt khoát vấn đề này (nói xong, định đi lên gác).

HÒA : (Vội cản lại) Thi cô hẳn nán lại nghe mẹ và vợ chồng tôi phân giải xem sao đã nào. Chưa gì cô đã hờn, đã giận, sức hơi đâu cô lại đi giận cái anh quý sir ấy cho mệt xác.

NGỌC : (Đi lên gác, nói vọng xuống) Em không giận ai cả, nhưng em tự nhận thấy chưa nên bàn sâu vào vấn đề hôn nhân của em trong lúc này, em đâu là vàng là ngọc gì nhưng em đã quyết phải hoàn thành phận sự đối với anh Thanh đã, rồi hẳn hay.

Bà Cả THỌ : Nhưng mẹ muốn biết ý con thế nào với cái đám thằng Khoan ấy, để mẹ liệu trả lời với người ta chứ.

NGỌC : Mẹ nên dứt khoát trả lời đàng ấy rằng : « Con chưa muốn thành lập gia đình ».

THUẬN : Cô tưởng khi không người ta xách trâu cau đến hỏi cái thứ cô đấy hả ? Đấy là mẹ muốn kiểm dịp đề mỗi lá cho người ta nghĩ đến cô. Chỉ mong cho cô được sung sướng, chứ đừng tưởng, người ta cả vạn nơi còn bằng mấy cô. Cô nên nhớ rằng : « Đời này là tiền, có tiền là tất ».

NGỌC : A thì ra anh định đưa em gái anh đi bán rao đấy phải không ? Anh đừng làm tưởng rằng mọi người con gái trên cái xã hội này đều rạt một thứ như anh đã gặp. Có tiền chưa tất đã có hạnh phúc, và có thứ tiền cũng chưa hẳn là chính phục nổi đâu anh ạ.

HÒA : Cô cố ý xô xiên tôi thì phải. Chắc cô cho rằng tôi lấy anh cô cũng chỉ vì tiền hả ?

NGỌC : Cái đó thì em không dám đoán, nhưng chị muốn rõ thì thử hỏi lại anh ấy xem.

HÒA : Đấy, mẹ xem, anh bắt tài ra mà nghe cô em gái anh..

(còn nữa)

KHÓC ĐÌNH-HÙNG



Khung trời đó có một vì sao vụt tắt,
Khi kiếp tầm chưa nả nốt đường tơ.
Anh chết đi để lại những người thơ,
Ôm một khối tang lòng sâu muối tiếc.

Thế là hết giờ đây anh đã chết,
Bạn trẻ thơ thương xót khóc chia phôi-
Anh đã đi, anh là mãi cõi đời,
Anh để lại một khung trời luyến nhớ.

Rời từ đây mỗi đêm buồn nức nở,
Ai là người trỗi những khúc thanh-tao.
Ru thể-nhân trong giọng điệu ngọt-ngào,
Và êm-ả như lời ru của mẹ.

Rời từ đây những đêm buồn cô lẻ,
Hồn thơ anh có phảng-phất hay không !
Hồn thơ anh có dệt nốt chuyện lòng,
Có rí máu trên cung sầu năm tháng.

Tên của anh sẽ rơi vào quên lãng !
Hay sáng ngời trong sự nghiệp văn-chương.
Thương nhớ anh tôi nghe thấu đoạn trường
Đem dư lệ dệt vần thơ phúng diếu.

Tôi đã khóc cho niềm đau lắng diệu
Cùng cỏ cây hòa nhạc tiễn đưa anh,
Đời thi-nhân, ôi đời quá mong manh
Anh vắng số khi hồn thơ lay lảng

Mùa thu này lá vàng rơi lảng-vàng,
Tiễn hồn anh về an giấc ngàn thu.
Anh cho tôi làm những áng sương mù,
Quyện trên mộ để gần anh mãi mãi.

HÀN-TÂM-TU

— N.N.B —
25-8-67



EM ĐÃ

sang ngang

Nghe tin em đã sang ngang.

Đời anh vỡ giấc mộng vàng từ đây,

Thời còn đâu nữa những ngày.

Cùng em cất bước, khua dầy phố vang,

Nhớ thương xa xót vỡ vàng.

Nuốt từng giọt lệ chôn ngàn thương đau,

Không gian dệt áng thơ sầu.

Ái ân chưa trọn mái đầu điểm sương,

Giơ tay vờ lấy tình thương

Thời rồi ! mù thắm đêm trường tịch-liêu

Khơi lên chút ánh nắng chiều

Sưởi lòng giá lạnh trăm điều nhớ nhung

Em đi sao chẳng ngại uỳnh !

Đò xưa, bến cũ, lạnh lùng, bơ vơ !

DƯƠNG-KHẮC-NGHĨA

(LƯƠNG-QUẢN)

Thơ Lên Ruột

Diệu Huyền

Bao nhiêu chuyện trẻ nít,
Bao nhiêu trò lố lăng,
Trí thức con khi mồi,
Chánh khách cái cù lẳng.
Khoác lác như thằng Cuội,
Huỳnh hoàng trên cung trăng.
Trả lời câu ngớ ngẩn
Tuyên bố chuyện loăng quăng.
Tưởng đâu người lác mắt,
Dân chúng chỉ nhe răng !
Cũng tranh giành Tổng-Thống ?
« Tổng-thống » ba lẳng nhăng ?
Cũng nhảy nhót lẳng xằng
Cũng học đòi chánh trị.
Việc cứu quốc cứu dân
Đâu phải trò du hí.
Đâu phải tuồng cải lương
Ca hành vận lưu thủy.
Nghêu ngao vài danh từ
Ươm ngực làm danh sĩ.
Khoe-khoan bịp đồng bào,
Tưởng vượt ve du khi.
Ái quốc va ái dân,

Ái . . . ái . . . cái con khi !

Nhai đi rồi nhai lại
« Chống Cộng » nói bô-bô
Hai mươi năm chống Cộng,
Chống Cộng chi chi mô ?
Anh em ngoài tiền-tuyến
Ăn cơm hầm muối khô,
Sài Gòn ái quốc rớm
Năm nhà lâu, ô-tô
Đem món hàng « chống cộng »
Bán mại dô, mại dô !
Đề hốt toàn triệu tỷ
Theo vết xe nhà Ngô ?

Thấy bỏ cũng nhào vô,
Tranh giành ghế Tổng-thống.
Đạo đức được mấy bồ ?
Tài năng được mấy đống ?
Dám vì cái túi tham
Bán nước cho Việt-Cộng !
Ai sinh ra loài sâu
Đục khoét trong xương sống
Của những kẻ phiêu lưu
Buôn quyền cao chức trọng.
Làm khốn khổ đồng bào
Sĩ nhục cho Nòi giống !

Sách Báo Mới

● Lòng chưa dân biển.

Thơ của Huy-Trám.

Trình bày trang nhã. 60 trang 45 đ.

Văn học x.b.

● Giòng vận động cách mạng Việt-Nam

Của Lý Đại Nguyên.

Tác giả trình bày về lý thuyết cách mạng Việt-Nam trên các lĩnh vực quốc gia xã hội. Chương trình cách mạng Việt-Nam theo quan niệm của tác giả.

Dày trên 200 trang—Giá 120đ.

Nhà Thế giới X.B.

● Bài ca đoàn kết. I. II. III.

Nhiều bản nhạc dân ca Cao-Nguyên, được dịch ra các thể âm của đồng bào thượng, do Nguyễn Sử thực hiện, không bán.

● Đại-Hàn.

bản tin tức của Sở Thông Tin Đại-Hàn, sử quán Đại-Hàn, Saigon. Số 1, tháng 6-1967 đặc biệt về Tổng-Thống Park Chung Hee vừa được tái cử nhiệm kỳ 2. Có những bài : Phát triển kinh tế Đại Hàn. Lực lượng Đ.H. tại Việt Nam. Hệ thống T.V. Đại Hàn.

● Hiroshima trong cơn ác mộng.

Của Bác sĩ Michihiko Hachiya, bản dịch của Bà Vũ Bá Hằng tự Thiểu Mai.

SÁCH, BÁO MỚI

Tài liệu lịch sử, xác thực về vụ Hiroshima bị bom nguyên tử tàn phá. Bản dịch rất hấp dẫn.

Lá Bối X.B.

Dày 440 trang—Giá 150đ.

★ Đời Pháo Thủ

Kỷ sự chiến tranh của NGUYỄN-VŨ, một Trung úy tài hoa của « Đền Lô » Việt-Nam. Duyên dáng lắm. Chọn lọc X.B.

★ Giải phẩm Tokyo 1967.

Tạp san của SINH VIÊN VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN. Nhiều bài đủ các loại văn, có giá trị, của các bạn : Bùi-mạnh-Đức, Trần thị Cẩm Thủy, Lê thị Hàn, Cao bá Phương, Huỳnh kỳ Linh, Xuân Trường, Minh Mai, Mạc Tuyên Thụy...v.v..Dày 220 trang.

Địa chỉ liên lạc : Lê văn Phong, 862, Komabu, Meguro, Tokyo. (Japan).

★ Chân cầu sóng vỗ.

Thơ của HÀ NGUYỄN THẠCH. Ngưỡng cửa xuất bản.

42/4 Phan thanh Giản, Đà Nẵng.

★ Kiếp sinh viên.

Thơ của LẠC THỦY, ĐỖ QUÝ BÁI sinh viên Đại-Học Saigon. Độ 30 bài. Tác giả X.B.

★ Vuốt mặt.

Thơ của NGUYỄN VƯƠNG.

Lời bạt của T.Tuấn Kiệt in trên loại giấy đặc biệt 150 trang giá 150đ. Trình bày trang nhã. Hồng lĩnh X.B. 571/18A Lê văn Duyệt Saigon.

★ Acta Manilana.

A study of Amino acids in coconut meat by Dr Phùng Lê Ánh and Dr Jose Lugalay Jr.

Published by the University of Santo Tomas Research center, June 1967.

A very interesting study made by the wellknown Vietnamese Prof. Dr Phùng Lê Ánh, M.S. in Chemistry, University of the Philippines, Ph.D. in Chemistry, University of S.T. Editor of Phổ Thông magazine.—with the collaboration of Dr Jose Lugalay, Doctor of Pharmacy and Professor of chemistry, U.S.T.

All our best congratulations to the authors.

N.V.

Văn-Nghệ Ngày Nay

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

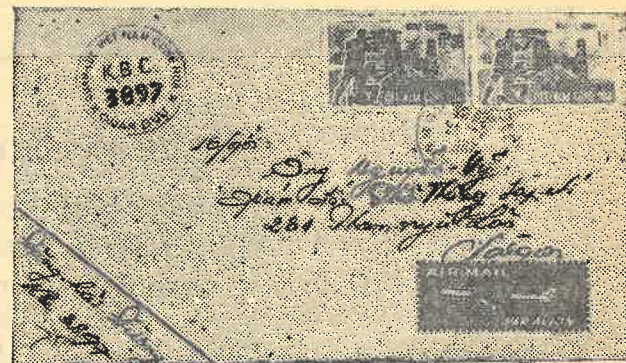
Chủ nhiệm : Hùng-Phong ● Tổng thư ký

tòa soạn : Nguyễn-Vũ ● Giám đốc trị sự :

Lữ-Trọng-Bình ● Thư ký : Phan-Lạc Giang-Đông

Cần Đến kinh kỳ, Bàn hãn đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Lời Cộng Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các tiệm huốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »** Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghè chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà **lết, uống Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63).



★ Mến gửi chị Diệu-Huyền

Ý kiến của em khi đọc bài thơ Quét Rác của chị Phổ-Thông 196

Chị quét rác, em cũng xung phong quét rác
Chị làm thơ, em cũng bắt chước làm thơ.
Chị ơi ! biết đến bao giờ
Sài Gòn phố xá hết bờ rác cao
Ai đâu ? Nào có ai nào ?
Cùng ta quét rác lối vào đường ra
Chị ơi xã-hội bản đờ
Quét sao cho hết làm nợ không đành

★
Rác chất nên thành
Rác nuôi ruồi muỗi
Rác nhiều hôi thối
Rác hại dân lành
Máu dân hút chẳng biết tanh
Dựa vào đồng rác tung hoành sinh nhai

★
Chị ơi ! đo một đản hai
Từ bi độc nhất loại người được sao ?
Sinh linh cứu khổ chỗ nào
Vi trùng sâu độc biết đâu nương nhờ

Chị tôi quét hết bàn nhơ
Thì loài hút máu biết nhờ cậy ai.

★
Thôi đừng quét nữa chị ơi!
Đem thơ ta quét não người đã nao.

Em của chị
THẠCH-KHÊ
(Saigon)

★ Nhớ chị Trương-Phổ trong những mùa thu

Có một sáng tinh sương của đầu thu năm 1963, tôi đến thăm chị Trương Phổ ở trong một căn nhà thanh bạch tại 36 Trinh Phong Nha Trang. Tôi được bàn tay dịu hiền của một bà chị yêu thơ săn sóc cho tôi một bữa điềm tâm đầy ý vị, tôi quá cảm động ngâm lên mấy câu lục bát đề tặng chị tôi.

Chị ơi! Mẩu bánh khó
Băng lòng em rách trong giờ khổ đau
Trường đời chứa đọng lệ sầu
Chị cho trái chuối để lau hận tình
Đời em sóng tố lênh đênh
Công danh lở dỏ, mộng lành chơi vơi
Vi thơ em mãi yêu đời
Nhờ thơ gặp chị em vui nỗi buồn!

Tiếp đến tôi được chị đem cho coi bài thơ Ai của chị khắc trong thẻ ngà phải dùng kính hiển vi để đọc và tôi xin phép họa lại: *Nào Ai*. Bài này mùa thu năm 1966 tôi đã đăng lên nhật báo Hòa-Bình. Đến thu năm nay, bạn tôi vô tình lại nhắc đến *Giọt-Lệ-Thu* của chị.

Kính mến gửi về thăm chị một cảm tác mùa thu:

Mùa thu đã đến chị ơi
Gió thu hiu hắt giòng đời quạnh hiu
Sương thu bủa mái tóc chiều
Mưa thu rả-rích tiêu điều nước non

Tinh thu đượm tấm lòng son
Nhạc thu gầy mãi cung đàn bi ai
Đẻ thu rả rích canh dài
Đêm thu dằng dặc đầu người trong trí

★
Chiều thu ai bước chân đi
Hoa thu rã nhụy thắm thì giọt thu
Chị ơi! Gió bụi mịt mù
Biển thu dồn dập sóng thu dạt dào
Trăng thu vắng vặc ngàn sao
Nước thu trong đục đôi màu thể lương
Chị ơi! Túi mộng ngàn phương
Kho trời trăng gió khôn lường đó đây
Nước non vẫn nước non này
Ý thu thơ vẫn nhuộm đầy lệ-thu

Thạch-Uyển

● Bản-đồ Việt-Nam 1967 không có tỉnh Quảng
Tín và phi-trưởng Chu-Lai!

... Tôi vào Saigon, đến sở Bưu điện gần Vương-cung Thánh-đường, tôi gặp một Ngoại kiều, họ hỏi tôi ở đâu đến, tôi nói ở Quảng-tín mới vào. Ngoại kiều hỏi: « Chỗ ông ở đến Chu-lai xa hay gần? » Tôi nói gần, chỉ có 26 cây số ngàn thôi. Ngoại kiều dẫn tôi lại chỗ bán báo sách và các thứ bản đồ gần đó, mua 2 bản đồ Việt-Nam, xin tôi ký tên tặng ông một bản. Nhưng khi tôi dở bản đồ để chỉ tỉnh Quảng-tín, và phi trưởng quân sự Chu-lai cho ngoại kiều xem, thì trong bản đồ không thấy có chỗ nào là Quảng-tín, chỗ nào là Chu-lai cả, tôi rất bở ngỡ với người bạn ngoại kiều!

Thưa ông Giám đốc, tỉnh Quảng-tín được thiết lập năm 1962 Chu-lai thiết lập thì 1964... Còn xem bản đồ Việt-Nam

thấy dưới bản đồ có in câu : « **Hiện chính và xuất bản lần thứ 4 năm 1966** » như vậy thì đã nói hiện chính 1966. sao tỉnh Quảng-tín và Chu-lai không đề vào trong bản đồ ? Xin Ông trả lời cho biết ! Ai chịu trách nhiệm câu thả đó ? Kính chào Ông.

★ **Của bạn Đặng-hải-Đường KBC 3 897**

● Khở lăm, biết rồi, hỏi mãi...

*Diệu Huyền danh hiệu rất nên thơ,
Chẳng biết trai già hay gái trẻ ?
Chuyên hỏi « Minh ơi ! cho em biết... »
Giả vờ không biết, hỏi bằng quơ...*

*Nếu phải Diệu-Huyền thật là trai.
Qui gối tôn huynh bậc đại tài.
Giải đáp muôn điều ngàn thắc mắc.
Trong làng văn được mấy ai ai ?*

ĐẶNG.HẢI-ĐƯỜNG

D.H. ĐÁP.—

*Cái kiếp Diệu-Huyền phải họa thơ
Bao giờ, tầm hỏi, hết buống tơ ?
Mang chi duyên nợ, dù già, trẻ,
Đề khách si tình cứ muồn... quơ !
Diệu Huyền là gái, hay là trai,
Chiếu cố làm chi phận bất tài ?
Người hỏi, mỗi câu Huyền mỗi đáp,
Nhưng xin đừng hỏi tơ là ai !
Thôi bỏ đi Tầm ! Hỏi hỏi hoài !
Sá gì thân gái, bận lòng ai !
Nếu là thật gái, thì sao nhĩ ?
Và sẽ là sao nếu thật trai ?*

D.H.

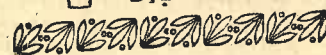
★ **TÌM NGƯỜI QUEN**

Muốn biết tin ông GUILLÉMINOT.
Năm 1952 còn ngụ tại: 8 Rue du Varize PARIS 16ème.
Hiện nay ở đâu ? Xin liên lạc với QUÁCH-PHÚC KBC 3041.
SAIGON (Sud - VIỆT-NAM)



**Đáp Bạn
Bốn Phương**

□ **DIỆU-HUYỀN**



□ **Chị Mỹ-Khanh. Tam-Kỳ :**

Xin cho biết địa chỉ. Mến.

▼ **SVSQ Mai-Bà-Hồng KBC 4027**

12-10-1948 = 10-9.Mậu Tý.

▼ **Ô. Nguyễn-tấn-Minh, Đường Trần-Hoàng, Tam-Kỳ.**

— Vấn đề Quốc-Kỳ và Quốc-Ca, Quốc-Hội Lập-Hiến có tuyên bố là để cho Quốc-Hội Lập-Pháp quyết định.

□ **Cô Ngô thị Bê, KBC, 4534.**

5-11 Giáp Tuất = 11.22.1934

□ **Ô. Hoàng-ngọc-Ẩn, Bệnh viện Qui-Hòa, Qui nhơn.**

Thành thật cảm ơn thư ông. Xin ông cứ gửi kịch đề chúng tôi xem.

□ **Ban Chấp hành Hội Sinh-Viên Việt Nam tại Nhật-Bản, Tokyo**

Bức thư của quý bạn, số 10035 TTKIV.S.T. đề ngày 31-5-1967, không đăng được chúng tôi rất tiếc.

□ **Cô Nguyễn-thị-Liên, Ngô-Quyền, Dalat.**

7-10-1942 : 28-8 Nhâm Ngọ

12-10-1946 : 18-9 Bình Tuất

★ **Bạn Huỳnh vinh-Hạnh Ba-Xuyên**

— Nhiệm kỳ Tổng Thống, theo Hiến Pháp mới, là bốn năm
— Ông Nguyễn văn Cồn, Tiến sĩ văn chương Pháp, hiện làm giáo sư ở Paris.

★ **Em P.V.I. học sinh Long Xuyên.**

Những điều em hỏi, rất tiếc không thể trả lời được trên báo.

★ **Cô Nguyễn thị Nguyễn Nhã. Đệ tam Nữ T.H. Quảng Ngãi**

Cô có thể gửi thư đến: Contac, (Bureau SV.) B.P.59, Aubervilliers 75. France.

Hoặc C.E.I (Serviu SV) BP 17 bis, Marseille R.P. France.

Cần giỏi Pháp ngữ, hoặc Anh ngữ mới viết thư liên lạc có kết quả đẹp như ý cô muốn.

★ **Bạn Ng. V. Hưng, Tuy Hòa.**

Bệnh ngứa như vậy là do máu, chứ không phải bệnh ngoài da. Cần phải uống lọc máu. Hỏi Bác sĩ giỏi. Sirop Vitalergan nên dùng thường xuyên nếu không có thuốc nào khác.

Vấn đề lương bổng và phụ cấp sau khi nhập ngũ bạn nên hỏi trực tiếp nơi cơ quan đương sự địa phương.

★ **Bạn B2 Phan văn Thân, KBC 4075**

Xuyên không phải hẳn là một căn bệnh. Nó là một tàn tật thì đúng hơn, cho nên không có thuốc nào chuyên trị khỏi dứt. Cần được nghỉ ngơi, càng làm việc nặng càng bị xuyên nặng. Thử dùng Cortidasongl thường xuyên 5, 6 tháng xem. Bạn đừng nghe lời người ta uống thuốc bậy bạ tiền mất tật mang.

★ **Nhạc sĩ Phạm Thiện KBC 3086**

Câu danh ngôn Pháp đó là: *La parole est D'argent' le silence est d'or*, (lời nói là bạc, im lặng là vàng)

★ **Bạn Nguyễn văn Cường, Hà-Tiên**

25-6- Mậu Tý : 31-7-1948

— Sách giầy về Karaté, lên sàigòn tìm nơi các tiệm sách sẽ có.

★ **Cô Trần thị Mỹ, Paris.**

— Ngay 10-9-1945, là ngày thứ Hai trong tuần, mồng 5 tháng 8, năm Ất Dậu, chứ không phải năm Tuất. Năm Bính - Tuất là 1946.

— Rất tiếc, chúng tôi không có đề ý đến tiêu sử của mấy người ứng cử viên Tổng thống miền Nam VN., có có thể gửi thư trực tiếp hỏi họ.

★ **Một nhóm bạn đọc Kiên-Giang**

Nhà sách ở địa phương tăng giá bán sách không có thương lượng gì với nhà x.b. cả. Họ tự động tăng giá có lẽ vì lý do chuyên chở chăng ?

□ **Cậu Lé Hồng-Quán, Tam-Kỳ**

Vấn đề khác tôn giáo không quan trọng đối với tình yêu, nhưng rất quan trọng đối với hôn nhân. Một khi gia đình nàng đã cấm gặt gao, tốt hơn là nên chấm dứt, không nên đeo đuổi sẽ có hậu quả không đẹp. Rất tiếc, không có thì giờ trả lời bằng thư riêng.

□ **Bạn N.V.D.C. Đặng Hải Đường KBC 3897**

Nghi lễ đúng theo sách thọ mai từ xưa để lại thì :
con đẻ tang cha, mẹ : 3 năm.

cháu « » ông, bà nội, ông bà cố 3 năm.

« » ngoại : 1 năm.

vợ « » chồng : 3 năm.

chồng « » vợ : 3 năm.

anh chị em ruột : 1 năm.

Các liên hệ thuộc khác họ gần, bên nội : 1 năm (đời nay có thể không đề tang).

□ *Cô Liên-Thanh-Quế, New York, Mỹ quốc.*

— N.V. không ra ứng cử T.T. hoặc T.N.V vì không thích ra trong lúc này, chứ không vì lý do nào khác. Không bị áp lực nào cả.

— Ô. Nguyễn-thế-Truyền chính là bạn cũ của ông Nguyễn ái-Quốc hồi còn ở Paris, thời kỳ đệ nhất thế chiến lặn. Hồi đó, ông làm chủ nhiệm hai tờ báo *Le Paria* và *Việt-Nam-Hồn*. Ông là người Bắc, không phải người Nam.

— Tập thơ *Hoang vu* của N.V., chưa tái bản.

□ *Bạn Vũ-vấn-Miền KBC 4577*

Lệ bản 21 phát súng chào mừng, có lần đầu tiên dưới thời Napoléon I, Hoàng đế Pháp, khi Hoàng - thái - tử, con trai đầu lòng của Ngài với Hoàng hậu Marie Louise, ra đời với danh hiệu Roi de Rome (quốc vương, La Mã).

« Tại sao không bắn 20 hoặc 15 phát ? », tại vì 21 phát có ý nghĩa cầu chúc sự trưởng thành (21 tuổi) của Hoàng thái tử coi như Hoàng thái Tử đã có đủ quyền hành để kế vị Hoàng đế, bất cứ lúc nào.

Sau đó, sự bắn 21 phát đại bác để chào mừng các vị vua, hoặc Quốc Trưởng dần dần thành một thông lệ chung của quốc tế.

★ *Bạn Quỳnh-Hoa, Phú-Nhuận.*

P.T. sẽ dần dần trở lại số trang như trước tùy theo giá giấy được ổn định lại như cũ. Ty quản lý đã phải hy sinh rất nhiều nhưng sẽ hết sức cố gắng bình thường hoá vấn đề ấn loát và số lượng ấn hành. Số Trung Thu đã lên 128 trang.

□ *Bạn Hồng-Nguyên, Long-Khánh.*

Ngày 27-10-Quý Mùi = 24-11-1943.

□ *Bạn Lương Trọng Minh, Giáo sư Bồ Đề Qui Nhơn.*

Câu ca dao :

« *Bó Binh, Bó Lại, Bó Hình.*

« *Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi.* »

là xuất xứ ở Huế, do dân chúng Huế đặt ra để chế riếu vụ Triều đình Huế đồng tình đề cho viên Khâm sứ D'Elloy tư thông với vợ Khải Định, sau khi vua này đã băng hà, và Bảo Đại du học bên Pháp. Vợ vua Khải Định nói đây là Hoàng hậu chính thức, con gái ông Thượng thư Hồ.Đ.T. chứ không phải là bà Từ Cung, mẹ của Bảo-Đại.

□ *Bạn Lê Yến Hoa, An Cựu, Huế.*

Câu hát đúng như sau đây :

« *Kim Lương có gái mỹ miều,*

« *Trâm thương, Trâm nhớ, Trâm liêu, Trâm ra* »

chớ không phải : « Trâm thương nên Trâm phải liêu » như bạn chép trong thư.

Câu hát trên do dân chúng Huế, ở Kim Lương (nay gọi là Kim Long), đặt ra để chế riếu vua Thành - Thái. Ngài có một cô nhân tình rất đẹp nhưng nhà nghèo, lúc ngài hãy còn là ông Hoàng, còn ở ngoài thành. Sau khi Ngài lên ngôi, ngài vẫn thương nhớ người đẹp, nên có một đêm (theo lời truyền khẩu của dân Huế) Ngài lên leo thành ra ngoài để tình tự với nàng. Một vài người dân trông thấy, ngài truyền lệnh giấu kín cuộc leo thành liêu lĩnh của ngài : « Mi nói bậy, tao nghe được, tao chém đầu », nhưng cái tin « động trời » ấy vẫn được lén lút truyền miệng, và câu hát kia mặc nhiên ra đời, không biết tác giả là ai.

□ *Hai bạn Nguyễn Ngọc-Châu và Ph. Hoàng Lê, Q.N.*

1.— P.T. luôn luôn, và đã từ lâu, nâng đỡ tất cả các « mầm non văn nghệ » nếu có chân tài.

2.— Bài gửi về ông giám đốc.

3.— Xin đừng gửi tem « để trả lời, hoặc trả lời bản thảo nếu không đăng được », vì toà soạn không có lệ trả lại bản thảo, và không có thì giờ trả lời bằng thư riêng.

4.— P.T. không chấp nhận những loại văn « đọt sồng mới » và không đăng những bài thơ quá ướt át, quá ủy mị, hoặc truy lạc, hoặc bẽ bối về phương diện luân lý gia đình và xã hội.

P.T. không chấp nhận các loại văn gọi là thơ tự do, không văn, không điệu, không nhạc.

5.— Truyện dịch phải giữ kèm nguyên tác ngoại ngữ, hoặc ghi rõ tựa bằng ngoại ngữ và tên tác giả.

T.S. Đỗ Văn Hiến, Thủ Đức

— Phương pháp Ohsawa chỉ có thể áp dụng được với những người có nhiều thì giờ rảnh; như mấy nhà tu sĩ, mấy người dưỡng lão chẳng hạn. Thanh niên đang hoạt động-nhiều, cần bổ dưỡng nhiều cho sức khỏe, cơ thể cần nhiều calories nhiều sinh tố, nhiều linh động hằng ngày cho mọi cơ quan đều được phát triển mạnh, nên phương pháp Ohsawa không thích hợp. Ông Tôn thất Liêm. Cảnh sát Đà Nẵng.

VOA : Voice of America

BBC : British Broadcasting Corporation
(Anh) (Truyền tin) (Liên đoàn)

Ó. Nguyễn Sĩ, Đài Phát Thanh, Phú Yên

Tác giả « những nhạc khí vùng Cao nguyên » là một Trung Úy đi hành quân thường xuyên (theo thư T.U. ấy viết cho chúng tôi) thỉnh thoảng về nghỉ ở Pleiku vài ba hôm, lợi dụng thì giờ rảnh đọc một vài quyển sách, viết 1 vài bài gửi đăng báo để góp chút ít tài liệu học hỏi. Chúng tôi có đăng 1 bài của ông ấy cũng vì để khuyến khích một sĩ quan ham học hỏi, và không biết rằng bài ấy có trích một vài đoạn trong tập Bài Ca đoàn kết của ông. Cái lỗi của tác giả là không đề xuất xứ, nhưng tác giả không phải là nhà khảo cứu chuyên môn, nên không đáng trách. Mong ông thông cảm.

Bạn Maria Danh Dijon (Pháp)

10) Ai Chi lăng ở Lạng Sơn, (Tổng Chi lăng) gần ga Tuần Mậu, đã nổi danh là một hiềm địa gần biên giới Tàu. Trần Hưng Đạo thắng quân nhà Nguyên ở đây, và Vua Lê thái Tổ đánh bại quân nhà Minh cũng ở đây.

20) Về các loại tự điển Việt Pháp, Pháp Việt, có bán nhiều, và do nhiều tác giả. Bạn nên viết thư thẳng về các hiệu sách Sài Gòn, hỏi mua : Hiệu sách Xuân thu, đường tự do, Hiệu Khai Trí, đường Lê Lợi, chẳng hạn.

Bạn Thanh Lệ Thủy, Tây-Ninh

Algérie : Dân số 9 triệu, đa số theo Hồi giáo. Thủ đô. Alger. Rộng chừng 300.000 ki lô mét vuông, không kể sa mạc Sahara.
Đại Hàn : Rộng 220.000 ki lô mét vuông.
Dân số : 27 000.000, phần đông theo Phật giáo.
Thủ đô : Hán thành.

Bạn Phùng Lê Ánh, Giáo sư Nhạc sĩ, Manila
Rất cảm ơn thư anh. Sẽ có thư sau.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

« Một Độc giả Saigon »

Bài « Rat contre Taupes » đăng trong Reader's Digest chính là tài liệu của Bộ T.T.M., Dịch ra ngoại ngữ.

▼ **Bạn Phan Văn Long 263/6 Võ-Tánh Saigon**

Ông bạn ơi, chúng tôi chẳng có quyền hành gì cả, trước sự tràn ngập các loại « văn chương 3 xu » đầu độc thanh thiếu niên tại chúng tôi đã kêu hoai, nhưng chẳng ai thèm nghe.

AQUBA là viết đúng theo tiếng A rap : Tiếng Âu Mỹ viết AKABA. để dễ đọc.

20-11 Bình Ngô : 4-1-1907

Một nữ độc giả Qui-nhon.

Theo phong tục xưa, phụ nữ Hồi giáo che kín mặt bằng một tấm voan, (Thờ-nhĩ-Kỳ, A-rạp, Ai-cập, Tuní'sie Maroc, v.v. Nhưng từ đầu thế kỷ xx, phong tục ấy đã bỏ dần dần, ngày nay chỉ còn ở các nơi thôn quê bảo thủ mà thôi. Một vài gia đình quý tộc ở thành phố cũng còn giữ tục ấy.

DIỆU-HUYỀN

Hỷ-Tín

Trang - trọng mừng Thi - Sĩ ĐÔNG-HỒ và Nữ - Sĩ MÔNG-TUYẾT nhân dịp lễ vu-qui của cháu YIEM-YIEM đẹp duyên cùng cậu HÀ-HỮU-LỘC, và thân-mến chúc đôi tân-hôn ái-tình vĩnh-cửu, hạnh-phúc toàn-viên.

NGUYỄN-VỸ

LOẠI SÁCH DỊCH

NHỮNG TRUYỆN HAY QUỐC - TẾ

của PHỔ THÔNG tạp-chí

Đã ra :

- 1.— NGƯỜI MẸ HOÀNG-THẮNG
(The Mother của Pearl Buck)
- 2.— BẦY GÁI. TRỊNH-VĂN-TIẾN
TRỞ TRÊU DIÊU-HUYỀN
(Les dés pipés — Malice của P. Mac Orlan)

3.— TÌNH ĐÀU

(The apple tree của John Galsworthy)
do HOÀNG-HẢI-THỦY phỏng dịch

Sắp phát hành :

- HỒN VƯƠNG BIÊN ẢO
của ĐÌNH - HỒNG
do NGUYỄN-KHANG dịch



PHỔ-THÔNG XUẤT-BẢN

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU, YÊU ĐỜI



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số 26.893

31-33 Đường Lăn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- * Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- * Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

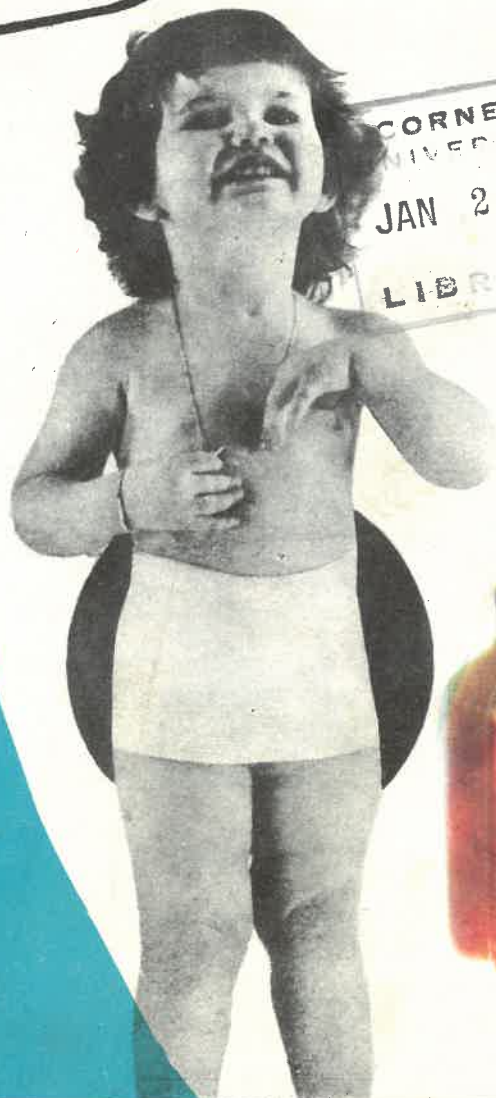
Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 20 đồng
Công sở : 25 đồng

Thuốc
SẢN LÀI



CORNELL
UNIVERSITY

JAN 2 1963

LIBRARY



TELMIN

trị
LAI ĐỪA. LAI K
thơm - ngon - ng